

Cùng quý độc giả thân mến,

Ngày rằm tháng tư âm lịch hằng năm là ngày kỷ niệm đản sinh của đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni. Ngày mà toàn thể Phật giáo đồ trên khắp năm châu bốn biển đều nhất loạt hân hoan thiết lễ kỷ niệm kính mừng Ngài.

Đề tưởng niệm hòa nhịp trong niềm hân hoan kính mừng đó, một lần nữa, đặc san Phước Huệ xin chân thành kính gởi đến chư Tôn Đức Tăng, Ni cùng quý đồng hương Phật tử với lời chúc nguyện an lành tốt đẹp nhưt.

Ai cũng biết, sự kiện lâm phạm của Ngài nhằm nói lên sự có mặt của một con người giác ngộ. Ngay từ khi còn là một đồng cung thái tử, sống trong ngai vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan, mọi thú vui của cuộc đời Ngài đều có đủ, nhưng không vì thế mà Ngài lại đam mê say đắm. Chỉ một lần chứng kiến những nỗi khổ đau trong kiếp sống của con người qua bốn trạng huống: sanh, già, bệnh, chết, lòng Ngài đã bừng sáng và luôn trăn trở ưu tư thao thức tìm phương giải thoát; giải thoát cho mình và giải thoát cho tất cả chúng sinh. Với ý nguyện cứu khổ cho mình và người, Ngài đã nhứt quyết từ bỏ tất cả để ra đi tìm ánh sáng chơn lý. Sau thời gian tu tập chuyên hóa, Ngài đã thực sự trở thành một bậc Đại giác. Từ đó, Ngài đã cống hiến cho nhân loại một con đường thoát khổ bằng tất cả những phương pháp qua kinh nghiệm thực chứng của Ngài.

Ngày nay, chúng ta hướng lòng kỷ niệm về Ngài, thiết nghĩ mỗi người chúng ta cũng nên chiêm nghiệm suy tư về đời sống tích cực hành hoạt của Ngài. Đạo Phật vạch bày cho chúng ta một con đường thoát khổ vui sống, nói rõ hơn là một nghệ thuật sống phù hợp với đạo lý con người. Đạo Phật không lý thuyết suông. Tri và hành hay



Là
Thư
Tòa
Soạn

hành và giải là hai yếu tố luôn được đề cao song hành. Muốn đạt được giác ngộ giải thoát, chúng ta không thể nghiêng nặng một bên. Đạo Phật không chấp nhận cái nhìn thiên lệch biên kiến cố chấp.

Mùa Phật Đản cũng là dịp để chúng ta phẩm định lại nhơn cách và lối sống của chúng ta.

Một lối sống làm sao cho phù hợp với đạo đức nhân bản. Tam quy và ngũ giới là những yếu tố thiết thực nhằm xây dựng phẩm cách đạo đức căn bản con người. Có đạo đức nhân bản thì con người mới mở rộng cõi lòng, biết yêu thương chính mình và yêu thương tôn trọng giá trị mạng sống của kẻ khác. Bởi những chất liệu từ bi, vị tha, nhân ái vốn tiềm tàng sẵn có trong mỗi cá thể. Nói rõ ra là mỗi người đều sẵn có Phật chất. Chỉ cần quán chiếu tu tập theo đúng lộ trình chân lý thì mọi người sẽ có được hạnh phúc an lạc. Tuy nhiên, trước tiên là mỗi người cần phải nỗ lực quán chiếu ở nơi tự thân. Phải hằng quán chiếu gạn lọc vô minh phiền não, như đức Phật đã từng tư duy quán chiếu ở cội Bồ đề trước khi Ngài thành đạo. Đó là con đường tiến đến đạo lý giác ngộ và giải thoát.

Noi theo truyền thống của những mùa an cư thời Phật, đặc biệt mùa an cư kiết đông năm nay, Giáo hội sẽ tổ chức một khóa tu học mười ngày tại chùa Quang Minh, kể từ ngày rằm cho đến ngày 24 tháng tư âm lịch năm Ất Mùi, tức nhằm ngày 1 đến ngày 10 tháng sáu năm 2015. Mục đích là nhằm quy

tụ chư Tăng, Ni trong GH cũng như tạo cơ duyên cho những Phật tử có ý muốn gieo chủng duyên xuất gia ngắn hạn tu tập theo pháp hạnh của người xuất gia.

Ngoài ra, Giáo hội còn có tổ chức hai buổi đại nhạc hội: một buổi ở Sydney và một buổi tại chùa Quang Minh Melbourne, với mục đích là để gây quỹ "*xây dựng trung tâm tịnh dưỡng cho những Tăng Ni cao tuổi và trong đó còn có trung tâm từ thiện và hành chánh của Giáo hội*".

Như bao mùa Phật Đản qua, Đặc San Phước Huệ vẫn không quên chân thành tri ân chư Tôn Đức Tăng, Ni, quý cộng tác viên, quý độc giả thân thương và quý ân nhân mạnh thường quân, những vị đã hằng quan tâm chiếu cố nhiệt tình đóng góp tài và bảỉ vở để nuôi dưỡng cho tờ báo được sống còn. Với ý hướng đầy chân tình

yêu thương đóng góp đó, một lần nữa, nhân mùa Phật Đản lần thứ 2639, tòa soạn xin chân thành kính chúc chư Tôn liệt vị luôn được hanh thông an bình trong nếp sống và luôn gặt hái nhiều thành quả tốt đẹp trong mọi lĩnh vực như ý nguyện.

Trân Trọng

Ban Biên Tập



Thiệp Mời

Đại lễ Phật Đản lần thứ 2639

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trân trọng kính mời:

Quý Đồng hương Phật tử

Đến tham dự Đại lễ Phật Đản 2639

được tổ chức tại Tổ đình Phước Huệ

365 Victoria Street Wetherill Park NSW 2164

Điện thoại: (02) 9725 2324

Trong 2 ngày:

- * **Thứ Bảy 30/05/2015:** - Viếng thăm Tịnh xứ Hòa Thượng Tông Trưởng và dự lễ Phật Đản trên Đại Tòng Lâm Phật Giáo
- Lễ Truyền Tam Quy Ngũ Giới vào lúc 15:00
- * **Chủ Nhật 31/05/2015:** - **Đại lễ Phật Đản tại Tổ Đình vào lúc 10:30**
- Văn nghệ mừng Phật Đản vào lúc 13:30
- Cúng thí thực thập loại cô hồn vào lúc 15.00

Sự hiện diện của quý vị sẽ góp phần vào niềm hoan hỉ chung của Phật giáo đồ Việt Nam trên đường phụng sự đạo pháp và dân tộc.

Kính nguyện kết tường

Trân trọng

Ban Tổ Chức



THÔNG BẠCH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2559

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức tăng, ni,
Kính thưa Quý vị lãnh đạo tinh thần, Quý Giáo hội, Hội Phật giáo, tự viện,
Kính thưa Chư Phật tử và quý đồng hương,

Thay mặt Phước Huệ Sơn Môn Học Phái chúng tôi trân trọng kính gửi đến chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức tăng, ni, quý vị lãnh đạo tinh thần quý Giáo hội, Hội Phật giáo, tự viện và chư Phật tử, đồng hương lời chào mừng nồng hậu trong ánh hào quang của đức Bổn sư Thế tôn.

Hôm nay toàn thể Phật giáo đồ và nhơn loại khắp nơi trên thế giới hân hoan thành kính chào mừng đức Phật giáng sanh lần thứ 2639 Phật lịch 2559 nhằm tưởng niệm và tán thán ngưỡng mộ lòng từ bi vô lượng mà Ngài đã thương xót dẫn dắt cứu vớt muôn loài. Kính ngưỡng nhơn cách giác ngộ, lời dạy nhân bản mà đức Phật đã đem lại niềm an lạc cho nhơn loại; giáo pháp mà Ngài thuyết minh là giáo pháp được xây dựng trên sự thật để hiểu sự thật và là giáo pháp hành động bởi trí huệ.

Nhơn loại đã trải qua và đang tiếp tục gánh chịu sự xung đột, chiến tranh, khủng bố, sát hại và sự thống trị chuyên chế độc tài, áp bức bất công . . ., bởi các thế lực mạnh động bạo ngược, tham vọng hận thù; không có lòng nhơn ái, không có tình thương yêu đồng loại, không tôn trọng sự sống và quyền sống giữa đồng loại với nhau.

Nhìn thảm họa, nổi thống khổ mà con người phải chịu đựng, chiêm nghiệm thực trạng, chúng ta nhận thức rõ ràng lời Phật dạy, giáo pháp Ngài thuyết minh, và giá trị tuyệt đối của con đường giải thoát mà đức Phật là vị đạo sư mở đường hướng dẫn muôn loài vượt qua đêm dài tăm tối, nỗi khổ đau do ba độc tố tham lam, sân hận, si mê gây nên.

Trong hoàn cảnh hiểm nguy, họa hoạn mà nhơn loại phải gánh chịu ngày càng chồng chất, mỗi người trong chúng ta hãy nên mở rộng lòng thương yêu, từ bỏ hận thù, từ bỏ tham vọng, hướng vào nội tâm và nhơn cách, hướng đến nền nhân bản; hay nói theo thuật ngữ Phật học là mỗi người trong chúng ta hãy cố gắng sống bằng tâm niệm từ bi hỷ xả và tinh thần thiếu dục tri túc, trau dồi huệ giác, làm lợi ích cho người và vật. Đây là con đường duy nhất để tự cứu lấy mình và giúp người thoát khỏi hiểm họa khốn cùng, thoát khỏi sự đắm chìm trong biển nghiệp như lời dạy của đức Phật.

Trong giờ phút trang nghiêm long trọng cử hành đại lễ khánh đản hôm nay, toàn thể pháp chúng dành một phút thành kính tưởng niệm đức cố Tông trưởng, Tổ Sư Khai Sơn Phước Huệ Sơn Môn Học Phái và Khai Tổ Phật giáo Việt nam Úc đại lợi & Tân tây lan, Thượng nhơn thượng Phước hạ Huệ Trưởng lão Hòa thượng Đại sư; đồng thời nhứt tâm cầu nguyện chư tiên linh đã bỏ mình vì những nỗi bất hạnh, sớm được tiêu diêu tự tại và người hiện tiền, an cư lạc nghiệp.

Kính nguyện đức Bổn sư Thế tôn thù từ gia hộ chư tôn đức và toàn thể liệt vị vô lượng kết tường,

Trân trọng – Trân trọng,

Phước Huệ Sơn Môn Học Phái

Tông trưởng

Hòa thượng Thích Phước Bổn

Hương Sen Mùa Phật Đản

Tịnh Đức



Cứ mỗi độ Hè về, những đóa sen thi nhau đua nở như để báo hiệu mùa Phật đản lại trở về trên nhân thế. Từng cánh sen hồng tươi thắm vươn lên từ những vũng bùn lầy nước đọng, như để khoe hương khoe sắc cùng với đất trời. Sen mang nhiều đặc tính tiêu biểu siêu thoát. Tuy mọc từ nơi bùn nhơ sinh lầy nhưng sen bao giờ cũng giữ được tính chất tinh khiết trong sạch của nó. Chư Phật, Bồ tát ra đời cũng thế. Sử liệu diễn tả khi Phật ra đời, Ngài bước đi bảy bước và mỗi bước chân đều có hoa sen. Đó là hình ảnh tuyệt đẹp nói lên sự có mặt của Ngài ở cõi trần, nhưng không bao giờ bị ô nhiễm. Đó là hình ảnh của những con người đạt đạo siêu thoát. Sơ Tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông đã nói:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.*

Tạm dịch:

*Tùy duyên vui đạo cõi trần
Đói ăn khát uống nhọc nhàn ngủ đi
Trong nhà có báu tìm chi
Không tâm đối cảnh hỏi gì thiền na*

Sự kiện ra đời của đức Phật nhằm nói lên sự có mặt của một "Con Người" giác ngộ. Từ lúc sanh ra cho đến khi xuất gia, thành đạo, nhập Niết bàn, suốt trong khoảng thời gian đó không lúc nào mà Ngài không nghĩ đến việc độ mình, độ người và rộng độ tất cả chúng sinh. Ngài đã khai thông hướng đi cho hơn loại bằng con đường giáo dục thiết yếu. "**Giới, Định, Huệ**", là ba môn học tiêu biểu cho sự cần thiết trong ý hướng giải thoát. Có thể nói, suốt cuộc đời hành hóa của Ngài là nhằm chuyển hóa con người đi đúng theo lộ trình của ba môn học "Vô lậu" đó. Với chủ trương đường lối thiết thực, đức Phật đã cảm hóa khai

thông nguồn tuệ giác cho đủ mọi hạng người.

Từ những hạng người có địa vị quyền uy cao cấp trong xã hội như vua chúa, cho đến những hạng người ở vào giai cấp cùng đinh thấp hèn, tất cả đều được Ngài chuyển mê khai ngộ. Đó là Ngài đã thể hiện tinh thần từ bi, vị tha, bình đẳng trong công cuộc tùy duyên giáo hóa của Ngài.

Xưa nay, khi nghiên cứu về cuộc đời của Đức Phật, ngoài các sử gia Đông, Tây kim cổ nổi tiếng khắp thế giới ra, còn có các nhà đạo học, các triết gia, các khoa học gia, các nhà tâm lý, vật lý v.v... họ đều ca tụng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một con người vĩ đại vượt hơn tất cả những con người bình thường khác. Trong cuốn Đức Phật và Phật Pháp của Đại Đức Narada, do Phạm Kim Khánh dịch, có đoạn viết: "Sanh ra là một con người, sống như một con người. Đức Phật thành đạt trạng thái tối thượng của sự toàn thiện, đạo quả Phật, do sự kiên trì nỗ lực cá nhân. Nhưng Ngài không dành giữ sự liễu ngộ siêu phàm cho riêng mình mà công bố trước thế gian rằng tâm có khả năng và oai lực bất khuất. Không khi nào tự hào rằng, chỉ có Ngài là người duy nhất đắc quả Phật vì đạo quả Phật không phải là ơn huệ đặc biệt dành riêng cho một cá nhân tốt phước nào đã được chọn trước. Thay vì đặt trên con người một thần linh vạn năng vô hình và cho con người một địa vị khép nép rụt rè, Ngài chứng minh rằng con người có thể thành đạt trí tuệ cao siêu và đạo quả tối thượng, do sự cố gắng của chính mình. Và như vậy, Đức Phật nâng cao phẩm giá con người. Ngài dạy rằng muốn thoát ra khỏi vòng trầm luân khổ não chính ta phải tự mình gia công cố gắng chớ không phải phục tùng tùy thuộc nơi một thần linh hay một nhơn vật nào làm trung gian giữa ta và vị thần linh ấy. Trong thế gian ngã chấp, lấy mình làm trung tâm của vũ trụ, và chạy theo quyền thế, Đức Phật dạy chúng ta lý

tướng cao quý của sự phục vụ bất cầu lợi. Ngài chống đối tệ đoan phân chia giai cấp trong xã hội - chỉ làm trở ngại sự tiến hóa của loài người - và luôn luôn bình vực công lý, khuyên dạy bình đẳng giữa người và người. Ngài tuyên bố rằng cánh cửa thành công và thanh vượng phải rộng mở cho tất cả mọi người, ai cũng như ai, dầu cao thấp sang hèn đạo đức hay tội lỗi nếu người ấy cố công cải thiện nếp sống, hướng về con đường trong sạch.

Ngài nâng đỡ hoàn cảnh của người phụ nữ lúc bấy giờ bị xã hội khinh thường, không những bằng cách đem phẩm giá của người đàn bà lên đúng tầm quan trọng mà còn sáng lập giáo hội đầu tiên trong lịch sử cho hàng phụ nữ. Cũng lần đầu tiên trong lịch sử hơn loại, Ngài đứng lên cố gắng đánh đổ chế độ nô lệ (chế độ mua tôi bán mọi). Ngài bãi bỏ phong tục đem những con vật xấu số ra giết để cúng tế thần linh và nói rộng tâm từ bao trùm luôn cả loài thú. Không bao giờ Đức Phật cưỡng bách tín đồ phải làm nô lệ cho giáo lý Ngài hay cho chính Ngài. Những ai bước theo dấu chơn Ngài đều được tự do tư tưởng. Ngài khuyên dạy hàng môn đệ không nên nhắm mắt chấp nhận những lời của Ngài vì kính nể tôn trọng, nhưng phải xem xét, nghiên cứu, suy niệm cẩn thận cũng như người trí tuệ muốn thử vàng "đốt, cắt và chà vào đá".

Đức Phật nâng đỡ những bà mẹ bạc phước như Patacara và Kisagotami bằng những lời khuyên lơn an ủi. Đức Phật tự tay chăm sóc những người bệnh hoạn cô đơn như Putigatta Tissa Thera. Đức Phật giúp đỡ người nghèo đói và bị bỏ rơi, không nơi nương tựa như Rajjumala và Sopaka và cứu những vị này khỏi chết oan thê thảm. Đức Phật nâng cao đời sống đạo đức của hạng tội lỗi sát hơn như Angulimala và hạng giang hồ như Ambapali. Ngài khuyến khích kẻ yếu, đoàn kết người chia rẽ, đem ánh sáng đến cho người vô minh tăm tối, dắt dẫn kẻ mê muội lầm đường, nâng đỡ người thấp kém và tăng cao phẩm giá người cao quý, người nghèo, người giàu, người lương thiện và người tội lỗi, tất cả đều quý mến Ngài như nhau. Những bậc vua chúa tàn bạo độc tài và những vị minh quân chánh trực, những

hoàng tử vinh quang hiển hách và những người sống cuộc đời tối tăm, không ai biết đến, những nhà triệu phú giàu lòng quảng đại, và những vị keo kiệt bòn sẻn, những học giả khiêm tốn, và những người kiêu căng tự đắc, hạng gái giang hồ, hạng người làm nghề bán thú, hạng sát nhọn, hạng người thường bị khinh bỉ, tất cả đều có hưởng những lời khuyên đầy trí tuệ và từ bi của Đức Phật. Gương lành cao quý của Ngài là nguồn gợi cảm, là niềm khích lệ cho tất cả. Ngài là vị đạo sư giàu lòng bi mẫn và rộng lượng khoan dung hơn tất cả.

Ý chí sắt đá, trí tuệ cao siêu, lòng bi mẫn vô biên, đức vị tha phục vụ thoát ly chưa từng, đời sống gương mẫu, những phương pháp toàn thiện mà Ngài đã áp dụng để truyền bá giáo lý, và sự thành công tối hậu của Ngài - tất cả những yếu tố ấy đã khiến một phân năm hơn loại tôn trọng thờ Ngài là vị giáo chủ siêu việt nhưt tự cổ chí kim".

Đề tỏ lòng tôn kính thâm cao của mình đối với Đức Phật, Sri Radhakrishnan đã viết: "Nơi Đức Phật Cổ Đàm ta nhận thấy một tinh hoa toàn thiện của người phương Đông. Ảnh hưởng Ngài trong tư tưởng và đời sống hơn loại là một kỳ công hy hữu, cho đến nay không thua kém ảnh hưởng của bất cứ vị giáo chủ nào trong lịch sử. Mọi người đều sùng kính, tôn Ngài là người đã dựng nên một hệ thống tôn giáo vô cùng thâm cao huyền diệu. Ngài thuộc về lịch sử tư tưởng thế giới. Ngài là kết tinh của người thiện trí, bởi vì, đứng về phương diện trí thức thuần túy, đạo đức trang nghiêm và tinh thần minh mẫn, chắc chắn là một trong những bậc vĩ nhân cao thượng nhưt của lịch sử".

Trong quyển "Three Greatest Men in History" nhà học giả H.G Wells ghi nhận như sau:

" Nơi đức Phật ta thấy rõ ràng là một con người giản dị, có tâm đạo nhiệt thành, một mình tự lực phát huy ánh sáng tươi đẹp, một nhân vật sống, một con người như mọi người chớ không một nhân vật thần thoại ẩn hiện trong nhiều truyền thuyết hoang đường. Ngài cũng ban bố cho hơn loại lời kêu gọi có tánh cách phổ thông. Bao nhiêu quan niệm của thế

hệ tâm thời đều tương hợp với giáo lý ấy. Đức Phật dạy rằng tất cả những gian lao sâu khổ và bất hạnh trong đời đều do lòng ích kỷ sanh ra. Trước khi có thể trở nên vắng lặng con người cần phải ngừng sống cho giác quan mình, nghĩa là cho chính mình. Rồi từ đó, vượt lên trên tất cả mọi người. Ngài sống cuộc đời siêu nhơn. Năm trăm năm trước Chúa Kito xuyên qua nhiều ngôn ngữ khác nhau, Phật giáo đã kêu gọi con người nên tự quên. Đứng về một phương diện giữa ta (là người Âu) và những nhu cầu của chúng ta và Phật giáo có nhiều quan điểm gần nhau. Đối với tầm quan trọng của con người trong sự phục vụ, Ngài tỏ ra sáng suốt hơn và đối với vấn đề trường tồn bất hoại của kiếp nhơn sinh. Ngài ít lúng túng trong biện thuyết mập mờ hơn Chúa Kito".

Nhà thi sĩ Tagore tôn Ngài là bậc vĩ nhơn cao quý nhất trên thế gian.

Một triết gia người Đan Mạch, ông Fausboll, tán dương Đức Phật với những lời lẽ như sau:

"Càng hiểu biết Ngài tôi càng quý mến Ngài".

Qua những lời dẫn chứng tiêu biểu trên, cho chúng ta một kết luận khiêm tốn rằng: "Đức Phật quả là một tấm gương sáng chói qua nhiều phương diện, thật đáng cho cả nhơn loại quý kính noi theo". Ngài là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành. Nếu chúng sanh đi đúng theo lộ trình của Ngài đã vạch sẵn, thì tất cả sẽ đạt được mục đích tối hậu như Ngài.

Ngài là người hiện thân của sứ giả tình thương và hòa bình. Ngài luôn nêu cao tôn chỉ hướng đến hòa bình, đó là con đường mà ở vào thời đại của Ngài, Ngài đã cực lực lên án phản đối chiến tranh và chủ trương một đường lối ôn hòa, hóa giải những mâu thuẫn xung đột do định kiến cố chấp dị biệt, mang lại hòa bình đến cho nhơn loại. Bởi bất cứ sự tranh chấp lớn nhỏ nào cũng đều bắt nguồn từ động lực vô minh thúc đẩy. "**Tham, sân, si**", đó là những độc tố tạo nên những hệ quả thảm họa đau thương mà cả nhơn loại đã và đang phải hứng chịu. Muốn có hòa bình chúng ta không thể đi tìm ở thế giới bên ngoài mà có được. Mà hòa bình hay chiến tranh chính là ở trong tâm thức của mỗi cá thể. Đạo Phật lúc nào và bao giờ cũng chủ trương tìm mọi cách thể để hóa giải hận thù. Còn nuôi dưỡng hận thù dù chỉ

trong một ý niệm thôi, thì nhơn loại cũng không thể nào hướng đến sống chung hòa bình cho được. Bất luận thời đại hay xã hội nào con người muốn có một đời sống an ổn, hài hòa, yêu thương lẫn nhau thì, tất cả đều phải do con người tự định đoạt lấy. Không có một đấng siêu nhân hay thần linh nào có quyền năng định đoạt cho vận mệnh của chúng ta cả. Dù đó là Phật, Bồ tát hay các bậc Thánh nhơn cũng đều phải bó tay không ai có thể cứu giúp được.

Thời đại của chúng ta đang sống là thời đại của khoa học kỹ thuật, của máy móc điện tử. Con người sống trong thời đại mới phần nhiều nghiêng nặng về phần lý giải nhiều hơn là thực hành. Diễn tả thức ăn rất ngon, nhưng thực tế thì không bao giờ no bụng. Đạo Phật luôn hướng dẫn con người phải sống thực tế. Đạo Phật không chấp nhận những vấn đề huyền hoặc huyền đàm mơ hồ vô ích hay những hiện tượng mê tín dị đoan. Đạo Phật quy trách nhiệm ở nơi mỗi con người. Tuyệt đối, lại càng không chấp nhận mê tín thần quyền. Vì như đã nói, bản thân của đức Phật là một con người; một con người giác ngộ hoàn toàn. Đời sống của Ngài luôn luôn là tinh thức. Câu nói "*đến để mà thấy*", là câu nói xác quyết thực tế không tin tưởng viễn vông mơ hồ. Đạo Phật luôn hướng dẫn người Phật tử đi đúng hướng chân lý. Đạo Phật tuy có cả một hệ thống tư tưởng triết lý cao siêu, nhưng không vì thế mà đạo Phật quên đi thực tế để hướng dẫn con người có được một đời sống an vui hạnh phúc hiện thực. Như lời Tiến sĩ W.Rahula đã xác quyết: "*Những ai nghĩ rằng Phật giáo chỉ chú trọng đến lý tưởng cao thượng, đạo đức uyên thâm và tư tưởng triết lý, và không lưu ý đến xã hội kinh tế an lạc của con người, là nhầm lẫn. Đức Phật chú trọng đến hạnh phúc của con người. Với Ngài, hạnh phúc không thể có được nếu không có một đời sống trong sạch căn cứ vào đạo đức và nguyên tắc tinh thần. Nhưng, Ngài biết là thực hành một cuộc sống như vậy khó khăn trong những điều kiện vật chất và xã hội không tốt đẹp.*

Phật giáo không coi an lạc vật chất là cứu cánh; đó chỉ là một phương tiện để đi đến cứu cánh - một cứu cánh cao cả và cao thượng

hơn. Nhưng đó cũng chỉ là một phương tiện cần thiết, cần thiết trong việc hoàn tất mục tiêu cho hạnh phúc của con người. Cho nên Phật giáo công nhận sự cần thiết của một số điều kiện tối thiểu để đem lại thành công cho tinh thần - cả đến cho một vị thầy tu tham thiền ở một nơi hẻo lánh".

Hôm nay, chúng ta hướng vọng về Phật đản cũng chính là hướng vọng nơi tự tâm của mỗi người. Vì đức Phật không ngoài tâm ta mà có. Nếu chúng ta khéo biết chuyển hóa gạn lọc những thứ vô minh phiền não nơi tự tâm, thì con đường giác ngộ thành Phật không còn là chuyện viễn vông xa vời.

Nhân mùa Phật đản, chúng ta hãy thành tâm cầu nguyện chư Phật soi sáng tâm thức hiểu biết của mỗi nhơn sinh hướng về tình đồng loại để cùng nhau kiến tạo một thế giới hỗ tương và mỗi người biết thương yêu quý tiếc tôn trọng mạng sống, tôn trọng tài sản, tôn trọng phẩm giá con người, nhất là phải tôn

trọng tánh giác cao thượng lẫn nhau. Có tôn trọng như thế, thì tình thương yêu đồng loại mới mở rộng và sự tương thân tương ái mới thực sự sống chung hòa bình.

Kính nguyện hương sen mùa Phật đản lần thứ 2639 thắp sáng trong lòng nhân thế để đánh thức vực dậy niềm tin: "Tin vào sự hiểu biết chơn chánh, tin vào ai cũng có nước mắt cùng mặn và dòng máu cùng đỏ giống nhau. Mọi sự hơn thua tranh chấp, những ranh giới phân chia kỳ thị chủng tộc, những đối xử bất công, những tệ nạn xã hội, những bạo lực trong học đường và gia đình, tất cả đều được hóa giải cải thiện, san bằng".

Chúng ta hãy cùng nhau mở rộng vòng tay thương yêu, đồng tâm hiệp lực xây dựng tình người trong niềm yêu thương tương kính để mọi người có được một đời sống an bình và hạnh phúc.



Hôm nay ngày Phật đản,
Ngoài trời vừa hừng sáng.
Tôi thức dậy đi chùa,
Trong lòng vui vô hạn.

*

Ngôi chùa rất đẹp xinh,
Phong cảnh thật hữu tình.
Tôi vào chùa lễ Phật,
Quý nghe Thầy tụng kinh.

*

Chuông chùa chầm chậm ngân,
Lòng tôi thấy lâng lâng,
Ngước nhìn lên Đức Phật,
Như dứt sạch bụi trần.

*

Thân Phật tợ lưu ly,
Tâm Phật rất từ bi.
Trí Phật thật sáng suốt,
Không còn tham, sân, si.

*

Nhìn Phật then thân tôi,
Nhiều kiếp mãi luân hồi.
Đầu thai trong bụng mẹ,
Mang thân đây thúí hồi.

Kính

Mừng

Phật

Đản

Thân này được sinh ra,
Khác nào bần tha ma.
Chứa xác động, thực vật,
Mồ hôi tiết thối tha!

*

Đừng tham luyến thân này,
Mượn nó tu mỗi ngày.
Một lòng giữ chánh niệm,
Công đức sẽ tròn đầy.

*

Phật đản lại trở về,
Khiến tôi tỉnh cơn mê.
Nguyện dứt trừ ngã chấp,
Phát tâm đại bồ đề.

Văn Thân





Con Đường Hoằng Pháp của

ĐỨC PHẬT

Thanh Trì

Quốc đời của Đức Phật từ khi sanh ra cho đến khi nhập Niết bàn, có thể nói, suốt trong khoảng thời gian đó, điều mà người ta quan tâm chú ý nhiều nhất phải nói đó là, sự hành hóa của Ngài. Thật vậy, nếu sau khi thành đạo mà Ngài không đi hoằng pháp lợi sinh thì, ngày hôm nay thử hỏi làm sao chúng ta có thể biết đến tên tuổi của Ngài. Và chúng ta cũng không biết phải y cứ vào đâu để nghiên tầm tu học được giác ngộ và giải thoát. Chính vì suốt trong thời gian hoằng hóa đó, mà Ngài đã để lại cho nhơn loại một kho tàng kinh điển quý báu vô giá mà ở thế gian này không bao giờ có.

Để tưởng niệm công ơn lớn lao trong cuộc đời hoằng pháp lợi sinh của Đức Phật, nhân ngày đại lễ trọng đại thiêng liêng kính mừng Đức Phật ra đời, thiết nghĩ, chúng ta cũng nên ôn lại đôi nét khái quát về công cuộc hoằng truyền giáo pháp của Ngài. Hầu để chúng ta lấy đó làm một bài học kinh nghiệm trong vai trò hoằng đạo: "*Tác Như Lai xứ, hành Như Lai sự*".

Có thể nói, con đường hoằng pháp là con đường cao cả thiêng liêng mà chính Đức Phật đã rờng rãi trải qua 45 năm thuyết giáo khắp xứ Ấn Độ. Với hình ảnh chân đất, đầu trần, Ngài đã vân du hóa đạo khắp nơi. Ngài không bao giờ biết nản chí mỗi mệt. Nơi đâu có bước chân Ngài đến là nơi đó có sự bình an, hạnh phúc.

*Đầu đội trời sáng ngời tâm trí tịnh
Chân đạp đất sống thành thật với chính mình
Ba chiếc y hàng ly dục sống an bình
Một bình bát giữ gìn hạnh Đầu đà khát thực.*

Đức Phật đã mang đến cho nhơn loại một thông điệp hòa bình và hạnh phúc. Thông điệp đó vẫn còn âm vang mãi mãi vượt qua không

và thời gian. Trên đường hoằng hóa của Phật có lúc Ngài cũng đã gặp phải những chướng nạn thử thách lớn lao, từ trong nội bộ Tăng đoàn cho đến bên ngoài ngoại đạo tà giáo gây ra hãm hại. Họ luôn luôn ganh tỵ, đố kỵ và tìm đủ mọi phương cách thủ đoạn gian ác để công kích chống đối phá hoại. Nhưng đức Phật trước sau vẫn giữ vững lập trường kiên định và Ngài luôn dùng đức độ để cảm hóa họ trở về với con đường chánh đạo.

Khi bắt đầu ra thuyết giáo, Đức Phật đã quán sát căn cơ của chúng sanh. Ngài thấy rất rõ căn cơ trình độ của chúng sanh rất sai biệt. Do đó, trên bước đường hoằng hóa của Ngài, lúc nào, Ngài cũng tùy theo thứ lớp căn cơ mà Ngài dùng phương tiện để hóa độ họ. Hơn thế nữa, giáo pháp của Ngài là bình đẳng, nên sự hóa độ của Ngài, Ngài cũng phải dựa trên cơ sở bình đẳng mà hóa độ. Đó là những yếu lý căn bản mà Ngài đã thực hiện trong công cuộc nhiếp hóa chúng sanh. Đó là một lộ trình lớn mà Đức Phật đã đi qua. Ngày nay, chúng ta cũng phải noi theo cái lộ trình đó của Ngài mà phát huy mở rộng việc hoằng pháp lợi sinh trọng đại này.

Chư Thiên cung thỉnh giáo hóa

Sau khi chứng ngộ chơn lý dưới cội cây bồ đề, những ngày đầu, Đức Phật đã do dự tỏ ra bi quan không muốn ra hoằng hóa. Không phải Phật không có lòng từ bi thương xót đối với tất cả chúng sanh, nhưng Ngài nghĩ đến cái đạo quả mà Ngài vừa mới thâm chứng, thì nó quá cao siêu vượt ngoài trí năng hiểu biết của con người. Trong khi Ngài đang suy niệm lưỡng lự như thế, thì bỗng có một vị Phạm Thiên tên là Sahampati đến trước mặt Ngài đánh lễ cung kính thỉnh Ngài ra hóa độ. Vị Phạm Thiên này cung thỉnh Ngài ba lần, sau đó, Ngài mới chịu hứa khả và bắt đầu quán sát căn cơ của chúng

sanh. Nhưng trước tiên, trong 21 ngày đầu, Ngài nói Kinh Hoa Nghiêm, một hệ tư tưởng siêu việt vượt lên trên trí năng thường tình. Đó là một thứ giáo lý tối thượng thừa, mà đối cơ chỉ có các hàng Đại Bồ tát mới có thể lãnh hội được. Ngoài ra, các căn cơ khác, thì không thể hiểu nổi. Sau những ngày thuyết giáo đó, Ngài bắt đầu đi ra hóa độ.

Hóa độ theo thứ lớp căn cơ.

Đầu tiên, Đức Phật nghĩ đến năm anh em Kiều Trần Như mà xưa kia, Đức Phật đã cùng tu khổ hạnh với họ. Nghĩ thế, nên Ngài đi thẳng đến xứ Ba la nại (Benares) và Ngài đến vườn Lộc uyển. Hay tin Phật đến, năm ông này hẹn nhau là không đứng dậy đón chào. Nhưng khi Phật đến, thì cả năm ông đều tự động đứng lên lễ kính và hầu hạ Đức Phật. Đây là lần đầu tiên, Đức Phật thuyết bài pháp Tứ diệu đế, đó là bốn chơn lý cao thượng mà một vị Sa môn cần phải thông hiểu và chứng đắc. Sau khi nghe xong, năm người đều được khai ngộ và trở thành năm vị đệ tử đầu tiên của Đức Phật. Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng bắt đầu hình thành và phát xuất từ đó. Phật là Phật Bảo, Pháp là giáo pháp Tứ đế Phật vừa mới nói, là Pháp Bảo, còn Tăng là năm anh em Kiều Trần Như.

Tiếp theo, Phật hóa độ cho ông Gia Xá (Yasas) và nhiều thân hữu của ông gồm có khoảng 55 người đều xin quy y với Phật. Như thế, là Phật đã có 60 người đệ tử thân tín, những vị này đều đắc quả A la hán. Đức Phật an cư tại đây 3 tháng, đây là mùa an cư đầu tiên trong lịch sử Tăng đoàn. Và cũng kể từ đây Đức Phật đã thành lập Giáo hội Tăng già.

An cư xong, Đức Phật và Tăng đoàn rời thành Ba la nại và Ngài cho các vị đệ tử của Ngài đi các nơi để tuyên dương đạo lý giải thoát. Riêng Ngài, thì Ngài đi dọc theo mé sông Ni Liên Thiên, đến chỗ ba anh em Ca Diếp Bà La Môn thờ Thần lửa mà khuyến giáo. Ba anh em Ca Diếp là: Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp (Uruvela Kassapa), Na Đề Ca Diếp (Nadi kassapa), Đà Gia Ca Diếp (Gayà Kassapa), Trong quyển Đức Phật và Phật Pháp của Đại Đức Narada, do Phạm Kim Khánh dịch, ở trang 118, có đoạn ghi: "*Ba anh em sống mỗi người một nơi. Người anh cả có 500, anh giữa 300, và người*

em út 200 đệ tử. Riêng người anh cả tin tưởng mãnh liệt vào sự thành công tinh thần của mình đã đắc quả A la hán". Khi đến nơi đây, Đức Phật đã lưu lại tá túc với họ một thời gian ngắn và vì cốt để cảm hóa nhiếp phục họ, nên Đức Phật đã phải dùng thần thông khắc phục con rắn chúa dữ tợn. Vì biết được Đức Phật đã đạt đến quả vị A la hán cao tột, nên ông rất khâm phục và ông xin quy y xuất gia theo Phật. Hai người em thấy vậy cũng xin quy y xuất gia theo và dẫn tất cả đồ đệ đồng theo Phật. Như vậy đến đây, Đức Phật đã thu phục được hơn 1000 vị đệ tử.

Kế đến, Phật đến thành Vương Xá là thủ đô của nước Ma Kiệt Đà (Magadha) độ vua Tần Bà Sa La (Bimbisàra) . Vua truyền lệnh xây dựng Tinh xá Trúc Lâm cho Phật ngự. Phật dùng chân ở nơi đây và Ngài độ thêm các đồ đệ như: Xá Lợi Phất (Sàriputra) và Đại Mục Kiền Liên (Mahàmaudgalhàyana) Hai vị này, thông minh tài trí danh tiếng lẫy lừng. Hai vị này dẫn theo môn đồ gồm có cả thầy là 250 người đều theo Phật. Đến đây, Đức Phật đã có một số Tăng đoàn khát sĩ rất đông.

Sau thời gian ở đây, đức Phật cùng đồ đệ trở về thành Ca Tỳ La Vệ để độ phụ hoàng và những hàng thân thích. Kết quả đã có một số người xuất gia theo Phật. Như La Hâu La (Ràhula) Nan Đà (Nanda) A Nan (Ananda) Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) và A Nậu Lâu Đà (Anuruddha).

Đồng thời, Đức Phật cũng độ cho bà Kiều Đàm Di Mẫu xuất gia đứng đầu trong hàng Ni chúng. Bà xuất gia được là do Ngài A Nan khẩn khoản tha thiết xin giùm. Đôi ba phen, Đức Phật mới chấp nhận. Bát Kinh pháp của Ni chúng bắt đầu có từ đây.

Sau đó, Đức Phật cùng hàng Thánh chúng lần lượt đi giáo hóa khắp nơi. Từ trên vua chúa, dưới đến các thần dân nghe tin Phật đến họ đều nghinh đón và được Phật cảm hóa hết. Như vua Ba Tư Nặc ở nước Xá Vệ. Nơi đây, Thái tử Kỳ Đà (con vua Ba Tư Nặc) cùng Trưởng giả Tu Đạt Đa (Cấp Cô Độc) hai ông hợp tác xây dựng tinh xá Kỳ Viên cúng dường Phật và chúng Tăng. Như vậy, hai giới xuất gia và tại gia lần lượt được Phật hóa độ rất đông. Phật giáo hóa được năm năm, thì vua Tịnh Phạn băng hà.

Giáo hóa dựa trên cơ sở bình đẳng.

Ngay từ khi còn là một Thái tử, Đức Phật đã tỏ ra đối xử rất bình đẳng với mọi người. Động cơ đưa đến bình đẳng là do lòng từ bi. Vì có tấm lòng thương người thương vật, như thương chính bản thân mình, nên đối với bất cứ ai, Ngài cũng xử sự một cách rất công bằng. Bình đẳng phải được dựa trên nguyên tắc cơ bản Phật tánh. Bởi Phật tánh (tánh thanh tịnh sáng suốt) muôn loài đều sẵn có và đồng đẳng như nhau. Đó là điểm xuất phát có ra bình đẳng.

Chính vì lẽ đó, nên trong khi hành hóa, Đức Phật không phân biệt giai cấp nghèo giàu, sang hèn, bất cứ ai có duyên gặp Ngài, thì đều được Ngài rộng lòng giáo hóa và thâm nhận làm đệ tử. Từ người ở giai cấp cao nhứt trong xã hội như vua chúa, thậm chí cho đến kẻ hạ lưu bần tiện nhứt, Ngài cũng đều hóa độ hết không bỏ sót một ai.

Một người chuyên nuôi sống bằng nghề gánh phân hạ tiện, như Tôn giả Ưu ba Ly, và một người ở vào địa vị cao sang quyền quý tột đỉnh như vua Ba Tư Nặc, tất cả đều được Ngài giáo hóa. Thậm chí như nàng dâm nữ Liên Hoa Sắc cũng được Ngài độ cho vào hàng Ni chúng. Còn và còn rất nhiều người đã được Ngài hóa độ với một tinh thần bình đẳng. Một câu nói bất hủ thốt ra từ kim khẩu của Ngài : **“Không có giai cấp trong dòng máu cùng đở, trong nước mắt cùng mặn. Mỗi người sanh ra đều có Phật tánh và có thể thành Phật”**. Qua lời dạy này, ta thấy tinh thần bình đẳng của Phật giáo đối với mọi loài thật là cao tột.

Những chướng nạn trên đường Phật giáo hóa.

Thời nào cũng vậy, không ai thích kẻ khác hơn mình. Đó là một tâm lý muôn đời. Vì con người còn quá nhiều vô minh vọng chấp, nên lòng đố kỵ ty hiềm, lúc nào cũng có. Do đó, cho nên trên bước đường hành hóa của Đức Phật, Ngài đã gặp rất nhiều chướng nạn hãm hại từ trong nội bộ cho đến ngoại đạo. Trong nội bộ Tăng đoàn, thì có Đề Bà Đạt Đa đã âm mưu cấu kết với vua A Xà Thế nhiều phen hãm hại đức Phật, nhưng lần nào Ngài cũng

được thoát nạn. Ngoài ra, bên cạnh đó còn có đám Lục quần Tỳ kheo và Thiện Tinh Tỳ kheo (con của Phật), cũng manh tâm hại Phật và Tăng đoàn. Nhưng, tất cả đều không kết quả, vì mọi việc đã bị Phật phát hiện và hóa giải hết. Thế mới biết hại người tất sẽ hại mình.

Đó là nói những chướng nạn trong nội bộ, còn đối với ngoại đạo thì sao? Những âm mưu hãm hại của ngoại đạo đã gây ra rất nhiều, không thể kể hết. Đại khái, chỉ xin nêu ra một vài chướng nạn tiêu biểu như sau:

a) Có lần Phật và Thánh chúng bị họ tố cáo vu oan cho là Phật hãm hiếp một người con gái tên là Tôn Đà Ly, vì sợ người phát giác nên chôn nàng ta ở trong tinh xá. Sự việc đã gây chấn động dư luận cùng khắp, nhưng Phật và Tăng chúng vẫn im lặng không cần biện bạch. Thế là, sau đó không quá 7 ngày sự việc đã lộ nguyên hình và đám ngoại đạo chủ mưu hãm hại đều bị thám tử của nhà vua tóm cổ tất cả và tống giam họ vào trong ngục thất.

b) Hôm khác, trên đường Phật đang đi giáo hóa, có một Bà La Môn đuổi theo sau Đức Phật và mắng nhiếc chửi bới đức Phật thậm tệ đủ điều, nhưng Đức Phật vẫn an nhiên tự tại lặng lẽ thong dong bước đi, không một lời chống đối. Tức quá, ông chạy thật nhanh và đón đầu ngăn chặn Đức Phật lại. Ông hỏi:

- Này Sa môn Cù Đàm ông có điếc không?
- Không, ta không có điếc.
- Vậy ông có nghe tôi chửi ông không?
- Ta có nghe, nhưng không có nhận.
- Tại sao ông không nhận?

Thay vì trả lời, Phật nêu ra một thí dụ hỏi lại:

- Này ông, giả như ông có một món quà đem tặng cho người ta, người ấy không nhận, vậy thì, thử hỏi món quà đó sẽ về ai?

- Lãng nhách, tôi cho mà người ta không nhận thì món quà đó tất nhiên là phải về tôi chứ về ai.

Phật bảo: cũng thế. Nãy giờ ông mắng chửi tôi, tôi không có nhận vậy những lời mắng chửi đó có phải về ông không?

Nghe thế, ông ta im lặng thật xấu hổ. Và nhân đó Phật cảm hóa độ cho ông ta.

c) Có một hôm, trong lúc Đức Phật đang

thuyết pháp cho đại chúng nghe, bấy giờ có một người con gái con của ngoại đạo, cô ta độn bụng giả có chứa đến giữa đạo tràng để vu oan giá họa cho Phật. Nhưng bị trời Đế Thích biến làm con chuột cắn đứt dây lòi cái gôi ra. Có chỗ nói, nàng ta bị mọi người la ó làm dữ nên nàng ta hốt hoảng sợ hãi bỏ chạy ra ngoài, không may nàng bị vấp té và lòi độn bụng ra. Bấy giờ, nàng ta bị mọi người mắng cho một trận bỏ ghét. Thế là nàng ta quá xấu hổ lạng lẽ thui thủi bỏ đi.

d) Lại một lần khác, tên sát nhơn hung tợn Vô Nã (Angulimàla) quyết đuổi theo giết cho được Đức Phật để chặt cho được một ngón tay góp thêm cho đủ số 1000 ngón mà chàng ta đã giết người để lấy. Nhưng cuối cùng, Phật độ cho chàng ta xuất gia. Sau khi gia nhập vào trong Tăng đoàn trải qua thời gian nỗ lực tu hành, kết quả, là ông ta chứng đắc quả A la hán.

đ) Nàng Magandiya là một thiếu nữ xinh đẹp, sanh trưởng trong dòng Bà la môn. Cha mẹ nàng giàu có nên kén rể muốn chọn cho nàng một người chồng đẹp trai và phải môn đăng hộ đối. Một hôm, cha mẹ nàng nhìn thấy Đức Phật tướng hảo quang minh thật xứng đáng được chọn làm chồng cho con gái mình. Khi dẫn con gái đến gặp Phật, bị Phật quở cho là bề ngoài tuy là đẹp đẽ, nhưng bên trong chứa toàn đồ bất tịnh ô uế. Bị chạm tự ái nặng, từ đó nàng ta ôm hận căm thù và quyết chờ cơ hội để trả hận mối thù này.

Về sau nàng Magandiya trở nên thứ hậu của vua Udena. Dựa vào quyền lực, bà ta lo lót xúi giục mướn bọn côn đồ mắng chửi Đức Phật thậm tệ. Đức Phật lặng thinh không nói một lời. Ngài A Nan chịu không nổi những lời tục tằn thô lỗ mắng nhiếc đó, nên Ngài bạch với Đức Phật nên đi nơi khác để hóa độ. Đức Phật bảo, nơi đây người ta đang bị bệnh nặng cần phải được chữa trị, mình nhân danh là thầy thuốc giỏi, thì không thể bỏ đi được... Quả thật, những người này cuối cùng cũng được Phật cảm hóa.

Còn và còn rất nhiều cuộc chống phá Đức Phật không thể kể ra hết được. Đó là chúng tôi chỉ tóm tắt những chương nạn hãm hại mà Đức Phật đã trải qua. Đây là một bài học lớn cho chúng ta noi theo tấm gương nhẫn nại cao cả

của Ngài trong việc hoằng pháp lợi sinh vậy.

Thành quả một đời Phật thuyết giáo.

Trải qua suốt 45 năm (có thuyết nói 49 năm) hoằng pháp lợi sinh, trong ý hướng đem lại hòa bình và hạnh phúc cho nhơn loại, kết quả, sau này, chư Tổ kết tập lại những lời Phật dạy thành Tam Tạng giáo điển. Đó là một thành quả vĩ đại mà từ xưa tới nay, chưa có một vị giáo chủ nào thuyết giáo để lại cho nhơn loại một sự nghiệp to tát như thế. Ngày nay, chúng ta có đầy đủ phước duyên học hỏi những gì mà xưa kia đức Phật đã thuyết giáo. Tam Tạng Kinh điển qua 2 hệ giáo lý : Nguyên Thủy và Phát triển, thật quá dồi dào đồ sộ. Có thể nói, chúng ta bỏ ra cả đời chuyên nghiên cứu học hỏi cũng không bao giờ hết.

Thành quả này, là người Phật tử, thật chúng ta vô cùng hãnh diện. Thành quả lớn lao này, đã được Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư ở vào thời đại nhà Tùy Trung Hoa (538-597) chia giáo pháp Phật nói trong một đời ra làm 5 thời thuyết giáo.

Tóm tắt bằng một bài kệ như sau :

*Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhứt
A Hàm thập nhị Phương Đẳng bát
Nhị thập nhị niên Bát nhã đàm
Pháp Hoa Niết bàn cộng bát niên.*

Nghĩa là :

Hai mươi một ngày đầu (sau khi thành đạo) Phật nói Kinh Hoa Nghiêm.

Phật nói Kinh A Hàm 12 năm và nói Kinh Phương Đẳng 8 năm.

Hai mươi hai năm ròng rã nói Kinh Bát Nhã. Kinh Niết Bàn và Pháp Hoa, Phật nói 8 năm sau cùng.

Nhân duyên giáo hóa đã mãn.

Từ sau khi Phật thành đạo trải qua suốt thời gian dài hơn 40 năm, không lúc nào Phật không nghĩ đến việc hoằng pháp lợi sanh. Ngài làm việc một cách tích cực. Ngài đã phân định thời gian trong ngày theo một thời dụng biểu nhứt định. Sáng, trưa, chiều, tối mỗi mỗi, Ngài đều thực hiện đúng theo thời khóa. Sự hành đạo của Ngài đã chiếm phần lớn thời giờ trong

ngày. Sử ghi: "Mỗi đêm, Ngài chỉ ngủ 1 tiếng đồng hồ. Ngoài giờ hành đạo giáo hóa ra, Ngài còn là người lãnh đạo tối cao trong Tăng đoàn. Ngài phải lo sắp xếp giải quyết hết mọi việc".

Hằng ngày, ngoài giờ làm việc ra, Ngài còn phải tự đi trì bình khát thực. nếp sống của Ngài thật đơn giản, chỉ có một bình bát và 3 chiếc y tùy thân. Hạnh khát thực của Ngài đã được diễn tả qua bài kệ :

*Nhứt bát thiên gia phạn
cô thân vạn lý du
Viễn ly sanh tử sự
Giáo hóa độ xuân thu.*

Nghĩa là :

*Một bình bát xin ăn ngàn nhà
Một mình đi muôn dặm
Vì muốn thoát ly sanh tử khổ đau
Trải qua bao năm tháng giáo hóa độ muôn loài.*

Còn hình ảnh giải thoát nào hơn! Cứ rày đây mai đó, Ngài không trú ngụ nơi nào cố định. Ngài chủ trương : “Nhứt trung nhứt thực, thọ hạ nhứt túc”. Nghĩa là: ngày thì ăn một bữa giữa trưa, đêm lại, thì ngủ dưới tàn cây. Đồi Ngài lấy đất làm chiếu, lấy sương làm mền. Ngoài trừ 3 tháng mùa mưa, thì Ngài mới an trú trong tinh xá, gọi là vũ kỳ an cư. Thử hỏi có vị giáo chủ nào có một đời sống khắc kỷ và kham khổ như thế không ?

Dù Đức Phật là một nhơn vật phi thường, thế nhưng, còn mang xác thân ngũ uẩn, thì Ngài vẫn còn phải chịu chung định luật vô thường chi phối. Nghĩa là Ngài cũng vẫn phải có đau yếu bệnh hoạn, và cuối cùng cũng phải bỏ báo thân giả tạm.

Theo thời gian, cứ mỗi năm qua Ngài mỗi già nua suy yếu. Năm đó, Ngài vừa đúng 80 tuổi, thể xác của Ngài héo mòn dần, tựa hồ như một chiếc xe quá cũ kỹ. Dù tuổi già sức yếu, nhưng với ý chí sắt đá dũng mãnh, Ngài vẫn kiên trì đi bộ hằng ngày trên đường dài hàng mấy mươi cây số, nhưng Ngài không chút tỏ ra mệt hay than thở. Tôn giả A Nan là người thị giả hầu cận, thấy thế, có đôi lúc phải tỏ ra chạnh lòng, thán phục và thậm xót xa cho Ngài.

Nhận thấy, sự hoằng hóa đã đến lúc viên mãn,

nên Ngài cùng với tôn giả A Nan, sau khi thọ bữa ăn cuối cùng do người đệ tử tên Thuần Đà (Cunda) dâng cúng, Phật cùng đồ chúng đi đến rừng Sa La trong xứ Câu Ly để dừng chân nghỉ ngơi. Chính nơi đây, Đức Phật đã tuyên bố cùng Tứ chúng đệ tử Ngài sẽ vào Niết Bàn. Khi hay tin ấy, mọi người đều rơi lệ và cùng nhau kéo đến rất đông để chiêm bái hỏi han và nhìn Ngài lần cuối cùng.

Những lời dặn dò cuối cùng của Đức Phật.

Trước khi vào Niết bàn, Đức Phật đã ân cần khuyên bảo các đệ tử, có điều gì chưa thông suốt, còn thắc mắc trong lòng, hãy mạnh dạn nói ra để Ngài giải quyết. Kinh Di Giáo là bộ Kinh được Ngài nói sau cùng. Đó là những lời dặn dò đặc biệt dành cho các vị xuất gia. Với những lời khuyên dạy chí tình thống thiết, như một người cha già dạy dỗ trần trời lại cho những đứa con thơ.

Sau khi dặn dò cặn kẽ xong, Ngài nhập định rồi vào Niết bàn. Lúc bấy giờ nhằm ngày rằm tháng hai âm lịch (theo giáo sử Trung Hoa).

Tóm lại, Đức Phật đã hiến trọn cuộc đời Ngài để phụng sự làm lợi ích cho chúng sanh. Bằng vào tất cả tâm nguyện nhằm mang đến hạnh phúc an lạc cho mọi người, Ngài bất chấp mọi khó khăn gian lao trở ngại. Dù rằng, trên bước đường hoằng hóa, Ngài đã trải qua gặp bao nhiêu chướng nạn. Nhưng nhờ vào đạo lực và trí huệ cao siêu của Ngài, nên tất cả Ngài đều nhẫn nại khắc phục vượt qua và rồi dùng đạo đức cảm hóa đối phương hồi tâm phục thiện trở về với con đường chánh đạo. Đó là một ân đức, một nghĩa cử cao thượng đã toát ra từ một con người Đại Giác. Bi, Trí, Dũng là những hành trang hùng tráng mà suốt đời hành hoạt giáo hóa của đức Phật, Ngài luôn đem ra áp dụng. Chúng ta tu học theo Ngài, tất nhiên, chúng ta cũng cần phải trang bị cho mình có đầy đủ ba đức tánh hùng dũng kiên cường đó. Có thể, mới hoàn thành sứ mạng hoằng pháp lợi mình, lợi người trong ý hướng phụng sự giác ngộ và giải thoát.



KỶ NIỆM NGÀY PHẬT ĐẢN

Hãy Thực Hành Bồ Tát Đạo

Trong bài trước chúng tôi đã đề cập đến Y Phương Minh, hôm nay xin bàn đến Nội Minh, một trong năm môn học mà Đức Phật đã dạy cho hàng Bồ Tát thực hành trong việc giáo hóa chúng sanh.

Nội minh là môn học nội điển tức giáo lý của Phật trong ba tạng: Kinh, Luật, Luận. Ngoài ra, Nội minh còn có nghĩa tự mình quán chiếu lại bên trong tâm mình để được chứng ngộ giải thoát.

Nhưng vì sao chúng ta phải học hỏi và thông suốt giáo lý của Phật? Bởi vì có hiểu rõ được những điều chỉ dạy của Phật trong kinh, am hiểu về giới luật, thực hành đúng chánh pháp sẽ tránh được các tập tục sai lầm lâu đời như cúng sao, giải hạn, vàng mã, đồng bóng, cúng tế quý thân để cầu phước sống lâu đã khiến nhiều người ngộ nhận cho Phật giáo là mê tín, dị đoan. Hơn nữa, có thông hiểu giáo lý của Phật, chúng ta mới lựa chọn pháp tu thích hợp để tu hành hầu sớm được minh tâm kiến tánh vậy. Trong Phật giáo có 84,000 pháp tu để chứng ngộ nhưng đáng kể nhất là pháp môn thiền.

Thiền gọi tắt, gọi cho đủ theo tiếng Phạn là Thiền na, người Trung Hoa dịch là Định lực, hiệp chung tiếng Phạn và tiếng Trung Hoa thành ra chữ Thiền định có nghĩa là tập trung tư tưởng vào một đối tượng duy nhất, không cho tán loạn để tâm thể được vắng lặng, tâm dụng được sáng tỏ trong việc quán sát và suy nghiệm chân lý. Nói cách khác, Thiền định là những kinh nghiệm nội tâm do trực giác mang lại mà không có dấu vết tri thức.

Vậy muốn tu Thiền phải thực hành theo các phương pháp như sau:

1.- Tham cứu thoại đầu: Tham cứu về lý thiền để cầu minh tâm, kiến tánh, tỏ ngộ đạo mầu như tham cứu câu: “Con tròn chặt đức làm hai đều cử động. Vậy Phật tánh ở khúc nào? Hoặc như câu: “Vạn pháp quy về một, một quy về đâu?”

2.- Tập trung tư tưởng để quán sát cho sáng tỏ chân lý về một vấn đề gì như quán bất tịnh, quán nhân duyên, quán từ bi, quán hơi thở...

Trong các pháp quán thì pháp quán hơi thở đơn giản và dễ thực hành hơn. Ở Trung Hoa phái Thiền Thiên Thai đưa ra khóa trình tu tập pháp quán hơi thở rất thành công. Theo phương pháp này, chúng ta hít vào thở ra suốt thời gian, nhưng không bao giờ để ý đến nó. Chúng ta cố gắng đếm hơi thở và chỉ đếm khi nào chúng ta hít vào mà thôi. Chúng ta thở đều, không được vận dụng trí óc thở ra hay hít vào quá mạnh. Chúng ta thở ra hít vào đếm là một và đếm từ một đến mười rồi bắt đầu đếm lại từ một và cứ thế tiếp tục mãi. Mỗi ngày thực tập chừng mười lăm phút, lần lần rộng thời gian lâu hơn. Chúng ta có thể thực hành phương pháp này bằng nhiều tư thế khác nhau như đi, đứng, nằm, ngồi đều được cả. Nhưng tư thế ngồi kiết già thì tốt nhất, nghĩa là gát gót chân trái lên trên bấp vế mặt và bàn chân mặt lên trên bấp vế trái hoặc ngồi bán già chỉ gát bàn chân mặt trên vế trái, giữ cho thân thể thẳng đứng, không được dựa lưng vào tường hay ghế, bàn tay mặt để trên bàn tay trái, sao cho hai đầu ngón tay cái chạm vào nhau rồi đặt xuống chỗ chân để treo, đôi mắt mở lim dim, nhìn thẳng theo đầu mũi dưới góc 45 độ. Ở giai đoạn đầu, chúng ta gặp rất nhiều khó khăn trong việc đếm từ một đến mười, bởi trí óc ta luôn luôn xáo trộn và nhiều khi đang đếm nửa chừng rồi quên mất số đếm. Trong trường hợp như vậy, chúng ta bắt đầu đếm lại từ một trở đi. Thật khó để diễn tả những kinh nghiệm

linh hoạt mà chúng ta có được sau nhiều ngày tu tập, chẳng hạn như sự chi phối cách đếm hơi thở và cảnh vật thế giới bên ngoài đều biến mất, chỉ còn lại sự hiểu biết hoàn toàn, sự cử động nhẹ nhàng này sẽ là một kinh nghiệm phi thường cho chúng ta tràn đầy niềm vui và sự khoan khoái ở tâm hồn, Tuy nhiên, khi chúng ta vừa trở lại cái ý thức hay tri giác chính chúng ta thì bị mất đi cái kinh nghiệm ấy tức khắc. Chúng ta phải mất nhiều ngày tu tập kinh nghiệm đó mới có trở lại. Những kinh nghiệm này sẽ nhắc lại nhiều lần cho những giai đoạn càng lúc càng lâu hơn. Đám mây vô minh bắt đầu mỏng dần và biến mất nhường chỗ cho ánh sáng mặt trời giác ngộ lan dần khắp đó đây, một nền tảng tốt được thiết lập và chúng ta chuẩn bị cho sự đạt thành tới chỗ đại định. Sự giác ngộ thành Phật có thể còn xa, nhưng cơn gió thiền đã đẩy nhẹ cánh buồm nghiệp chướng chúng ta lướt nhanh qua sông mê bể khổ.

Vậy thì người tu thiền không cần phải ẩn mình nơi thâm sơn cùng cốc hay ép mình hành xác khổ hạnh trên đỉnh núi cao mà vẫn sống bình thường như mọi người sinh hoạt hằng ngày trong xã hội.

Trong bài “cư trần lạc đạo” vua Trần Nhân Tông đã làm sáng tỏ ý đó như sau:

*“Ở đời vui đạo tùy duyên,
Đói ăn, mệt ngủ, ưu phiền làm chi.
Trong nhà của báu thiếu gì,
Tâm không đối cảnh cần chi hỏi
thiền?”*

Theo ý mấy câu thơ trên, Ngài cho rằng con người sống ở đời này đều có sự liên hệ chẳng chịt không thể tách rời giữa mình với người được. Vì vậy cứ sống bình thường như người đời, hễ đói thì ăn, mệt thì ngủ, không cần phải lập dị ép xác khổ hạnh chẳng ích lợi gì. Điều cần nhất là sống giản dị, không mong cầu tham đắm chi cả, chỉ biết đủ là hạnh phúc lắm rồi. Trong nhà mình vốn sẵn có của báu, tức Phật tánh, cho nên phải gìn giữ chớ chạy lăng xăng bên ngoài tìm cầu chi vô ích, đối cảnh mà vô tâm thì đó chính là thiền vậy.

Hơn nữa, trong Kinh Duy Ma Cật, phẩm “Đệ

tử”, tôn giả Xá Lợi Phất kể lại cho Đức Phật nghe về việc mình đang ngồi thiền trong rừng bị ông Duy Ma Cật đến mắng khéo: “Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Ngài bắt tất phải ngồi như thế mới là ngồi thiền! Luận về việc ngồi thiền, thiền giả không dính mắc tam giới mà thân tâm vẫn sinh hoạt mới là ngồi thiền. Sinh hoạt trong oai nghi như bình nhật mà không rời diệt tận định mới là ngồi thiền. Làm mọi việc như kẻ phàm phu mà không xao lãng đạo pháp mới là ngồi thiền. Tâm không cột vào trong mà cũng không tản mạn ra ngoài mới là ngồi thiền. Trước bao nhiêu tà kiến, bao nhiêu dị thuyết, bao nhiêu chuyện mê tín, hoang đường mà tâm không bị lay động, không bị mê hoặc cám dỗ, xiêu lòng, vững tâm trong 37 phần trợ đạo, thế mới là ngồi thiền. Không khởi tâm đoạn trừ phiền não mà vẫn có niết bàn, thế mới là ngồi thiền. Ngồi được như thế, thì đó là thứ thiền được Phật ngợi khen và ấn khả vậy.” (Trích trong Kinh Duy Ma Cật do pháp sư Từ Thông dịch).

Đề quý vị hiểu được đoạn kinh trên, chúng tôi xin mượn câu chuyện “Ông chủ tiệm tạp hóa” như sau: “Có vị sư nọ sống đời tu hành rất mực thánh thiện. Không kể những lúc bắt buộc phải nhín chút thời gian dành cho các sinh hoạt cần thiết của đời, thường Sư luôn cố gắng thu xếp tối đa thời gian trong ngày để cầu nguyện, tụng kinh, ngồi thiền v.v.. Đầu óc Sư hình như không còn chỗ nào trống trải cho ác tà niệm sái quấy có thể thừa cơ len lỏi vào. Sau nhiều năm dài tu hành tinh nghiêm cẩn mật như thế, Sư thấy mãn nguyện trước sự tiến bộ tâm linh. Thế rồi khuya hôm ấy, sau khi xong cử thiền giờ tỵ, Sư đi ngủ và mơ thấy mình dự một buổi tiệc lớn, gồm toàn những bậc đạo cao đức trọng. Trong lúc chủ tiệc chưa ra tiếp khách, mọi người lần lượt được mời tới bàn ăn rất to và dài. Ai cũng có chỗ ngồi trang trọng theo đúng thứ bậc, vì chủ tiệc có sẵn sẵn trên mặt bàn những tấm thẻ nhỏ ghi họ tên từng thực khách. Sư thấy mình được vinh dự xếp ngồi gần chủ tiệc, nhưng ở vị trí thứ nhì. Vị trí thứ nhất dành cho người bán tạp hóa ở khu phố không xa nơi Sư cư trú. Sư tìm tới tiệm tạp hóa, lựa một góc và đứng nhẩn nại quan sát rất lâu. Tiệm không lớn lắm nhưng lúc nào cũng có khách hàng vào ra nườm nượp. Chủ tiệm

chẳng hờ tay bán hàng, thu tiền, thổi tiền... về mặt lúc nào cũng tươi cười, nói năng, hòa nhã...Tuyệt nhiên không thấy chủ tiệm có động tác đặc biệt gì tỏ ra ông đang tịnh tâm, cầu nguyện. Nhân một lúc ngót khách, Sư bước tới chào chủ tiệm và kể lại giấc mơ kỳ lạ, chủ tiệm ôn tồn nói: “Tôi cần chiết dầu ăn từ cái thùng 20 lít ra 20 cái chai xếp sẵn ở góc kia, xin thầy giúp một tay. Đừng để cho chai nào đầy quá hay vơi quá, đừng làm sánh dầu ra ngoài chai nhớp nháp, lát nữa sẽ tiếp tục câu chuyện của thầy.” Sư chiết dầu vừa xong thì đang lúc chủ tiệm được ngời tay bán hàng. Ông ta bước tới hỏi: “Nãy giờ cặm cụi lo chiết dầu ra chai, trong đầu Thầy có giây phút nào nghĩ tới Trời, tới Phật không? Sư bèn lên trả lời: “Tôi làm không quen, ráng tập trung và rót dầu vào từng chai theo đúng yêu cầu của ông, mệt toát mồ hôi. Do đó, chẳng được phút giây nào rảnh trí mà nhớ nghĩ gì đến Phật, Trời.”

Chủ tiệm cười hiền: “Nếu Thầy bận bịu buôn bán như tôi cả ngày, lu bu quanh năm, suốt tháng thì tâm Thầy ắt xa Trời, xa Phật mịt mù luôn.

Tôi không có phước lớn để được rảnh rang chuyên lo tu hành như Thầy. Tôi chỉ ráng tập thành thói quen cho tâm tôi lúc nào cũng nhớ Trời, nhớ Phật. Khi bán hàng cho khách tôi nguyện không để ai phải phiền lòng vì bị cân non đong thiếu. Khi chiều chuộng khách hàng tôi nguyện không để ai méch lòng vì thấy tôi thiên vị. Gặp khách hàng xấu tánh, tôi nói cười nhã nhặn, thầm nhắc nhở: Thánh thần giả dạng thường dân tới thử thách mình đây. Tôi tu như vậy đó thưa Thầy.”

Như thế rõ ràng ông chủ tiệm tạp hóa là người đang thực hành thiền mà Ngài Duy Ma Cật đã nói cho tôn giả Xá Lợi Phất ở đoạn kinh trên vậy.

Ngày nay, chúng ta thử tìm trong giới Phật tử tại gia được bao nhiêu người biết tu hành như ông chủ tiệm tạp hóa? Và được mấy người trong hàng xuất gia như vị Sư kia? Phần nhiều chỉ có hình thức bề ngoài, còn bên trong nội điển thì rỗng tuếch hay chỉ hiểu lơ mờ giáo lý của Phật mà thôi. Hơn nữa, giới tăng sĩ hiện

nay đi tu vì hoàn cảnh bắt buộc, nên không tha thiết mấy trong việc học giáo lý của Phật để tu hành. Phần nhiều chỉ học thuộc kinh hai thời công phu và nghi thức cúng đám hay số điệp, còn việc giữ giới, trường trai thuyết pháp, hướng dẫn Phật tử tu hành thì quá ít. Những vị xuất thân từ các trường cơ bản, cao đẳng, đại học Phật giáo tuy có kiến thức Phật học nhưng lại thiếu thực hành và không có đất dụng võ, nên khi ra trường phải trở về chùa cũ làm thầy cúng cho các đám ma để sống qua ngày. Chỉ một số ít có thân thể mới được các Ngài lãnh đạo trong Giáo hội nhà nước ưu đãi đảm nhận trụ trì các chùa lớn có đông tín đồ sùng đạo, lại được nhà nước ủng hộ, nên đầy đủ tiện nghi vật chất như Ti vi, tủ lạnh, giường cao, sân bồ, xe hơi và mỗi lần đi đâu cũng có lộng che, bảo vệ y như một quan lớn, nên cụ Tú Xương đã mỉa mai: “Công đức tu hành Sư có lộng”... còn Hòa Thượng Quảng Độ đau lòng than thở:

*“Sao không mặc quách manh áo giầy,
Khoác làm chi nữa tấm cà sa?”*

Để kết luận, xin mượn bài kệ ngộ đạo của Hòa Thượng Hư Vân như sau:

*“Đảng khán thư, ngã đã phá bôi,
Gia phá thân vong khẩu nan khai.
Xuân đảo hoa hương xứ xứ tú,
Sơn hà đại địa thị Như Lai.”*

Nghĩa là:

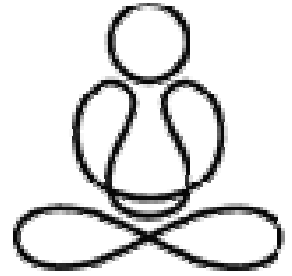
*Rửa tay đập bể chén rồi,
Nhà tan thân mất miệng thời ngậm thôi.
Xuân về hoa nở khắp nơi,
Núi sông đất rộng một trời Như Lai.
(Đồng Minh dịch)*

Hòa Thượng Hư Vân xuất gia năm 19 tuổi và ngộ đạo năm 56 tuổi. Theo ý bài kệ thì Ngài đã phá hết ngã chấp, nhận ra một đời sống mới tốt đẹp như hương hoa mùa xuân cùng vạn vật trong vũ trụ đồng với Phật một bản thể không hai vậy.

ĐỒNG MINH



Một Món Quà Lớn



Xã hội dù văn minh tiến bộ đến đâu, cũng không thể có một cuộc sống an bình nội tại. Thật vậy, hiện chúng ta đang sống trong một xã hội văn minh cơ khí tột tân, những phát minh về kỹ thuật máy móc, điện toán đang trên đà phát triển vùn vụt mỗi ngày. Thế giới đã và đang quá thiên trọng đặt nặng về vật chất. Các nhà khoa học ngày đêm như quên hẳn thế giới bên ngoài. Họ dồn hết mọi nỗ lực tinh thần cho những sự tìm tòi phát minh của họ. Sự phát minh đó cũng chỉ nhằm một mục đích duy nhất là cung ứng những nhu cầu vật chất cho đời sống của nhơn loại.

Loài người hôm nay có được cuộc sống đầy đủ những tiện nghi thoải mái vật chất, phần lớn đều nhờ sự phát minh cung ứng của họ. Đó là điều mà cả nhơn loại đều cảm phục và mang ơn họ. Tuy nhiên, những tiện nghi vật chất máy móc mà họ đã tạo ra, chúng là con dao hai lưỡi. Sự lợi hại của chúng là tùy theo trình độ kiến thức của người sử dụng. Chính vì nhơn loại quá chú trọng vào đời sống vật chất nên họ đã xao lãng thờ ơ đến đời sống tinh thần. Nói rõ hơn là đời sống đạo đức nhân bản.

Nhìn chung, ở các nước Tây phương, dường như họ không mấy quan tâm đến việc giáo dục đạo đức. Quan niệm đạo đức của họ, như một cái gì trừu tượng, phó mặc cho tôn giáo. Từ quan niệm đó, nên cơ bản giáo dục của họ không đặt nặng vấn đề giáo dục đạo đức trong nhà trường. Thử hỏi một đời sống chỉ biết chạy đua theo nhu cầu vật chất: ăn, mặc, ở ... cho thỏa mãn những thèm khát dục vọng không thôi, thì trách gì xã hội không nổi loạn? Sự sống của con người đâu phải chỉ có vật chất không thôi. Nếu thế, thì còn gì là ý nghĩa của sự sống?! Con người là một tổng hợp của hai nhân tố: tinh thần và vật chất tạo thành. Nếu chỉ biết cắm đầu lo bơi chày tìm kiếm vật chất để cung phụng cho nhu cầu xác thân, thì còn gì là giá trị của sự sống? Có đôi lúc, chúng ta nói sống, nhưng bất chợt có người hỏi: sống

là gì? Thì chúng ta lại lúng túng ngay. Không biết phải trả lời ra sao cho ổn thỏa hợp lý. Chẳng lẽ, sống chỉ là một sự sinh hoạt của thể chất: ăn nhậu, chơi bời, làm lụng, hưởng thụ vật chất cho phủ phê v.v... thế là sống. Nếu sống chỉ có thế, thì con người có khác gì là một cái máy. Nhưng chúng ta tự hỏi, cái gì biết lo cho đời sống? Và cái gì chủ động điều khiển cái xác thân này? Cái gì biết toan tính nghèo giàu, thành bại, đắc thất, hơn thua, tranh chấp đủ thứ v.v... Cái gì đó, hẳn ai cũng biết đó là tinh thần hay tư tưởng của chúng ta. Vậy thì, cái gì biết cảm nhận sướng khổ? Rõ ràng hạnh phúc hay khổ đau, không phải do thân xác của chúng ta cảm nhận, mà là do tâm thức của chúng ta. Cơ thể con người chỉ là một bộ máy, giống như một chiếc xe hơi. Tài xế được ví dụ như là tâm thức. Nếu chiếc xe dù có đủ bộ phận máy móc tốt đến đâu, nhưng nếu thiếu anh tài xế điều khiển, thì thử hỏi chiếc xe đó có chạy được không? Như vậy, rõ ràng tài xế là người điều khiển chiếc xe, chớ chiếc xe không bao giờ điều khiển anh tài xế. Giả như chiếc xe bị hư hoại, thì cái gì đau khổ? Xe đau khổ hay anh tài xế đau khổ? Lẽ dĩ nhiên, là anh tài xế phải đau khổ. Tại sao anh đau khổ? Tại vì anh chấp chiếc xe là sở hữu của anh. Mất xe là mất anh. Cũng thế, sở dĩ chúng ta đau khổ là vì chúng ta quá coi nặng cái thân xác này. Vì quá coi nặng trọng vọng nó, nên chúng ta tìm đủ mọi cách để cung phụng cho nó. Như vậy, thì cái gì quan trọng? Cái gì chánh? Cái gì phụ? Ai cũng công nhận tinh thần hiểu biết là quan trọng. Biết nó là phần chủ yếu quan trọng, thì tại sao chúng ta lại bỏ nó như con ma đói? Nó cũng cần những món ăn như cơ thể cần vật chất. Như cầu ăn hay những thứ cho cơ thể hưởng thụ, người có ý thức tất nhiên là phải biết lựa chọn những thức ăn cho thích hợp. Do khéo biết lựa chọn những thức ăn có sinh tố và điều dưỡng thích hợp nên cơ thể tương đối sẽ được khỏe mạnh. Cũng vậy, món ăn tinh thần, cũng cần phải có sự lựa chọn thích hợp lành mạnh.

Trong nhà Phật có nêu ra bốn loại thực: Đoàn thực, xúc thực, thức thực và tư niệm thực.

- Đoàn thực là những loại thức ăn mà chúng ta ăn bằng miệng. Khi ăn chúng ta cũng phải sử dụng đến Chánh kiến để phân biệt các loại thức ăn cho hợp lý. Ăn uống là một nhu cầu thiết yếu cho sự sống. Sống là phải ăn uống, nhưng ăn uống thế nào cho hợp lý đó mới là điều quan trọng. Không phải thức ăn thức uống nào cũng đem lại sự bổ dưỡng ích lợi cho cơ thể chúng ta hết đâu. Có những loại thực phẩm tự nó chứa quá nhiều độc tố. Ta phải biết phân loại thức ăn và chỉ ăn những loại thức ăn nào có sinh tố bổ dưỡng không làm hại cho cơ thể ta. Nhưng phải ăn uống cho có điều độ. Ăn uống tuy là một nhu cầu thiết yếu cho sự sống nhưng nó rất là phức tạp. Nếu ta không có Chánh kiến để nhận định phân biệt kỹ càng thì cũng rất là tai hại trong khi tiêu thụ thực phẩm. Tục ngữ có câu: "*Họa tùng khẩu xuất, bệnh tùng khẩu nhập*". Đây là một câu nói đầy kinh nghiệm của người xưa. Ta nên lưu ý cẩn thận vấn đề này. Câu nói: "*Ăn để mà sống, chớ không phải sống để mà ăn*". Ăn để mà sống là nói về Đoàn thực. Ta chỉ cần ăn uống đạm bạc thô sơ để sống qua ngày là được rồi. Đâu cần phải ăn uống cầu kỳ, cao lương mỹ vị mới sống được. Ăn chay là tốt nhất cho đời sống hiện nay. Mặc dù các loại thực phẩm hiện nay, không có loại thực phẩm nào thuần khiết không bị nhiễm độc. Chẳng qua ít hay nhiều đó thôi. Bởi môi trường sinh thái hiện nay bị ô nhiễm rất nhiều. Tuy nhiên, đối với các loại thịt cá thì có thể bị ảnh hưởng chất độc nhiều hơn. Phật dạy khi ăn ta cần phải có chánh quán, chánh niệm. Chánh quán là ta phải quan sát kỹ lưỡng thức ăn, thức uống mà ta đang dùng cái nào có lợi hay có hại cho ta. Chánh niệm là ta ăn để nuôi dưỡng cơ thể mà không gây tổn hại cho mình và người, rộng ra cho đến muôn loài vạn vật. Đừng vì miếng ăn ngon béo bổ của mình mà gây ra đau khổ cho loài khác. Vì thế, Phật dạy không nên sát hại sinh vật để ăn là thế.

- *Loại ăn thứ hai là xúc thực*: Loại ăn này là ăn qua sáu căn của ta. Xúc có nghĩa là giữa căn và cảnh giao tiếp nhau. Nói rõ và cụ thể hơn là sáu căn của ta ăn qua sáu trần cảnh. Nói trần là

khi tâm ta còn bị nhiễm trước. Nói cảnh là khi tâm ta thanh tịnh. Trần hay cảnh cũng đều từ tâm ta mà ra. Khi căn và trần tiếp xúc cũng có hại và cũng có lợi. Có hại là khi ta tiếp xúc đem chất độc vào mình. Ví dụ, như khi ta xem truyền hình, mắt ta tiếp xúc với sắc trần. Khi ấy nếu ta thiếu chánh kiến, chánh niệm, thì ta có thể đưa vào trong cơ thể ta toàn là những chất độc hại như: sợ hãi, căm thù, ganh ghét, bực tức, bạo động v.v... Có những loại phim mang tính xây dựng xã hội tốt đẹp thì ta nên xem. Xúc thực này đối với con em của chúng ta cũng rất có lợi mà cũng rất có hại. Nếu chúng ta khéo biết điều hướng chúng xem những loại phim hay, thì rất có lợi mở mang thêm kiến thức học hỏi của chúng, bằng trái lại, thì mang lại cho chúng nhiều điều tai hại. Bởi chúng chưa có đủ trình độ nhận thức, tức chưa có chánh kiến và chánh niệm. Thế nên các bậc phụ huynh cũng nên lưu ý quan tâm về vấn đề xúc thực này. Cần hướng dẫn cho chúng nó coi những loại phim nói lên được tính xây dựng tình người, có lòng từ ái bao dung, tha thứ, nhất là tình thương yêu đồng loại v.v... Đó là cách thực tập cho chúng nó có được chánh kiến, chánh quán... trong đời sống hiện tại và mai sau.

Tóm lại, xúc thực rất quan trọng trong đời sống tinh thần. Ta cần tiếp xúc những gì đem lại lợi lạc cho đời sống tâm linh của ta. Tuyệt đối, ta không nên tiếp xúc những gì mang lại có hại cho tinh thần ta. Bởi những thứ đó nó có năng lực tàn hại cả thân tâm ta, thế thì ta cần phải tránh xa chúng nó.

- *Loại thức ăn thứ ba là tư niệm thực*: Tư niệm là nhớ nghĩ là những ước mơ mong muốn thực hiện một điều gì đó có lợi cho ta. Như mong muốn đỗ đạt thành danh hoặc là mong muốn có được giàu sang trở thành tỷ phú v.v... Những mong muốn đó trở thành như loại thức ăn của tư tưởng ta. Những điều mong muốn đó mà không được toại nguyện tất nhiên là ta phải đau khổ. Tuy nhiên, có những loại tư niệm thực cũng giúp ích cho ta rất nhiều trong cuộc sống. Như những ước muốn có được thân thể tráng kiện, mạnh khỏe vui tươi, muốn tu tập chuyển hóa vô minh phiền não để trở thành một bậc giác ngộ giải thoát khỏi khổ đau v.v...

Đó là loại tư niệm thực có thể đưa ta tới an lạc và hạnh phúc.

- *Loại thức ăn thứ tư là thức thực*: Thức là phân biệt, là hiểu biết. Đời sống của ta đều do sự biểu hiện của thức. Sự biểu hiện này không ngoài chánh báo và y báo. Chánh báo là con người gồm có năm uẩn và y báo là môi trường hoàn cảnh chung quanh ta. Chánh báo và y báo là kết quả của hành nghiệp mà ta đã gây tạo trải qua nhiều đời trong quá khứ. Cả hai chánh và y báo đều do sự biểu hiện của tâm thức. Khi ta tiếp xúc ngoại cảnh hay nhận thức một công việc nào đó, tất nhiên là ta phải sử dụng đến ý thức. Ngoại cảnh và công việc do thức tiếp xúc phân biệt được xem như là một loại thức ăn của thức. Dĩ nhiên, có những loại thức ăn không tốt cho thức. Ví dụ những gì thấy, nghe, ngửi, nếm, suy tư, tưởng tượng v.v... tất cả những thứ đó như những dòng sông chảy về biển tâm thức. Hận thù, ganh ghét, buồn khổ... những thứ phiền não này là những loại thức ăn chứa nhiều độc tố làm hại cho tâm thức ta. Ta nên đem những loại thức ăn nào có đầy đủ chất liệu bổ dưỡng cho tâm thức như từ bi, hỷ xả ... Đó là ta khéo biết chọn những loại thức ăn cho tâm thức của ta vậy.

Người khéo biết nuôi dưỡng tinh thần, thì họ rất thận trọng trong việc chọn thức ăn cho thích hợp theo căn cơ sở thích trong chiều hướng thánh thiện của họ. Cả nơn loại ai nấy đều quan tâm đến sự chọn lựa thanh lọc cho thức ăn tinh thần như thế, thì lo gì đời sống giữa vật chất và tinh thần không được quân bình. Một đời sống quân bình là đời sống không nổi loạn và tất nhiên, xã hội sẽ được an ổn.

Theo chỗ chúng tôi được biết, đại đa số thanh thiếu niên nam nữ ở các nước Tây phương hiện nay, họ không cần cha mẹ của họ tặng cho họ những điều gì quý giá bằng vật chất, mà họ chỉ cần một mái ấm hạnh phúc gia đình, chính cha mẹ họ ban cho. Đó là "**Một Món Quà Lớn**" nhất trong đời họ. Tại sao họ nói lên một ước vọng như thế? Là vì đa số thanh thiếu niên sống lang thang bụi đời, bởi do cha mẹ của họ sống không có hạnh phúc. Trong gia đình thường xảy ra cảnh bất hòa cãi vã và gây ra bạo động, bạo hành trong gia đình. Do đó, chúng không thể nào chúng kiến chịu nổi

cái khổ cảnh cơm không lành canh không ngọt đó, nên chúng đành phải bỏ nhà ra đi. Từ đó, gây ra bao nhiêu thứ tệ hại khác làm cho xã hội mang thêm nhiều gánh nặng. Chính bản thân họ đã đau khổ và rồi họ lại gây thêm cho mọi người khác cũng đau khổ lây. Nếu chúng ta nhìn họ bằng tuệ giác của đạo Phật, thì chúng ta mới có hiểu và thương họ. Từ sự "Hiếu" và "Thương" "Cảm Thông" đó, các bậc phụ huynh làm cha mẹ, thiết nghĩ, mỗi người chúng ta cũng nên điều chỉnh lại cuộc sống. Và mỗi người cố gắng xây dựng lại hạnh phúc gia đình trong sự yêu thương bằng chất liệu cảm thông qua cửa ngõ đạo đức. Thiếu chất liệu đạo đức làm căn bản cho sự sống, thì tình người, nhưt là trong tình nghĩa vợ chồng khó có thể được bảo đảm hạnh phúc. Và từ đó, gia đình gây ra tan nát đổ vỡ, vợ chồng ly thân, ly vị, con cái phải lãnh lấy cái hậu quả có cuộc sống bê tha và xã hội thêm nhiều hệ lụy tang thương!

Mong sao mỗi người nên nhìn lại tận tường ở nơi mình, phá tan những thành kiến vị kỷ cá tính bất đồng, để thiết lập lại nhịp cầu cảm thông, hiểu và thương nhau hơn. Vì cuộc sống chỉ là một quán trọ cho chúng ta tạm thời dừng chân, rồi mọi người cũng phải từ giã cái quán trọ mà ra đi. Không có ai vĩnh viễn ở mãi trong cái quán trọ đó, để rồi dùng những thủ đoạn mưu sâu kế độc, đấu đá tranh chấp, hơn thua, cấu xé với nhau. Đời vốn dĩ đã có quá nhiều đau khổ, chúng ta đừng tạo thêm nhiều đau khổ hơn nữa. Hãy vì con em của chúng ta mà mỗi người nên cải thiện, hóa giải mọi gút mắc, góp phần làm cho cuộc đời vui đi đau khổ và trước mắt là con em của chúng ta có nhiều niềm an vui trong cuộc sống. Và khi chúng trưởng thành, chúng nó sẽ nhìn lại với một tâm tư mang nặng nỗi lòng hoài vọng trù mến thương tiếc một mái ấm gia đình tràn đầy hạnh phúc mà chính do cha mẹ của chúng đã dày công tạo dựng. Sự nuôi tiếc đó, sẽ là một chất liệu nuôi dưỡng để tạo thành một tương lai tươi sáng cho cuộc đời của chúng sau này. Đó là một thâm ân và cũng là một món quà vô giá to lớn nhưt trong cuộc đời của chúng. Xin các bậc làm cha mẹ hãy tặng cho chúng một món quà vô giá lớn nhưt đó.

Lê Văn



48 Pháp Niệm Phật

Thuật giả: **Giang Đô Trịnh Vi Am**
Dịch giả: **Sa môn Thích Tịnh Lạc**

(tiếp theo)

25. CÚNG DƯỜNG NIỆM PHẬT

Phàm gặp giai tiết (tiết đoan ngũ, tiết trung thu v.v...) hoặc ngày vía Phật, Bồ Tát, thì nên hương đăng hoa quả tùy phận cúng dường, nhưng đó chỉ là tài cúng, chưa phải pháp cúng. Pháp cúng thuộc về tâm, quý hơn tất cả tài cúng.

Gần đây, vì tà giáo thanh hành, bày đặt các pháp cúng kiến, la liệt quả phẩm, tam sanh, heo, dê, gà, vịt, có ích gì cho sự tu hành? Thậm chí, còn bày bố trận đồ, chiêu hồn dẫn quỉ, tà mị, dị đoan, càng làm cho hao tài tổn mạng, dối dá bậy bạ, phỉnh gạt người đời. Chỉ pháp môn niệm Phật thì vạn bệnh tiêu trừ, không tổn, không hao lại ít người chịu biết đến. Kính mong những trang thức giả đừng để bị lầm.

Lời phụ giải: Giết mạng sống của kẻ khác để cúng cầu cho mạng mình được sống, thật hết sức ích kỷ và vô nhân đạo!

Câu “Thiên địa vô tư, thần minh ám sát, bất dĩ tế hưởng nhi giáng phước, bất dĩ thất lễ nhi giáng họa”, sao không suy xét cho kỹ càng? Thần thánh đâu vì của cũng như tham quan ăn hối lộ sao? Trời đất không có lòng tư vị ai, hề làm lành thì hưởng quả tốt, làm dữ mắc báo xấu, thế thôi. Các bậc thần minh thâm xét nghiệm những tâm niệm, hành vi thiện, ác của mình để tùy thời răn phạt, nào phải vì ta cúng tế mà các Ngài bỏ qua những điều tội lỗi của ta đâu.

Hơn nữa, tâm mình ngay, thân mình chính, thì có sợ gì mà phải bận tâm lo nghĩ?
Khi niệm Phật, Phật hiệu đã ngự trong tâm ta, lòng ta xứng hợp với lòng Phật, cùng xứng

hợp một điển lực thanh tịnh, thì tà ma nào dám nhập? Nghe theo tà mị dị đoan chỉ càng làm cho hàng thức giả chê cười, mà cũng lại chuốc lấy họa hại không ít do một số kẻ lợi dụng lòng tin tưởng và sợ sệt của ta.

Vậy xin hãy suy nghiệm cho thật chín chắn.

26. NIỆM PHẬT ĐỂ BÁO AN CHA MẸ

Ân của cha mẹ là cái ân to lớn nhất phải làm sao báo đáp? Cung phụng tất cả những thức uống ăn, lập công danh để hiển đạt phụ mẫu, chỉ là phép báo đáp của thế gian; mặc dù không phải là bất thiện, song xét cho tột, thì đây chưa phải trọn vẹn (vì dù sao cũng vẫn còn trong vòng khổ lụy của kiếp người). Chỉ có cách là ta niệm Phật và khuyên cha mẹ niệm Phật, đem công đức ấy hồi hướng Tây phương, đó là gieo một hạt giống kim cương, về sau ta và cha mẹ cùng tự được giải thoát. Huống chi một câu niệm Phật lại có thể tiêu được vô biên tội chướng. Những ai muốn báo thâm ân cha mẹ, không thể không biết pháp này.

Lời phụ giải: Cung phụng cha mẹ về mặt vật chất, nào quạt nòng, ắp lạnh, món ngon vật lạ, áo ấm cơm no, đó mới chỉ là cái hiếu thế gian mà thôi. Nếu không lo tu nhơn xuất thế, tất phải đọa lạc tam đồ, quanh đi quẩn lại sanh tử không cùng, sao gọi là báo hiếu trọn vẹn được?

Thế tất phải tìm cách nào cho rốt ráo? Chỉ có Pháp môn Tịnh-độ niệm Phật, cầu sau khi xả báo thân này, nương nhờ nguyện lực của Phật A-Di-Đà mà được cùng vãng sanh Cực lạc. Nhờ chiếc thuyền nguyện lực của Phật, bao nhiêu tội chướng của chúng ta dù nặng như đá cũng nương đó mà qua sông dễ dàng. Thế thì công ít mà quả to, ta còn chần chờ gì nữa?

27. BỐ THÍ BẰNG CÁCH NIỆM PHẬT

Phàm thấy người khổ não, trước phải giúp cho họ an thân (cho cơm, cho áo) rồi sau mới an ủi khuyên họ niệm Phật. Bởi vì, cứu cái khổ trong nhứt thời, bố thí là gấp, mà cứu cái khổ nhiều kiếp, phương pháp niệm Phật lại gấp hơn. Hoặ thấy người hay vật bị nạn, sức mình không cứu rồi được, phải gấp niệm Phật cầu an cho hồn thức ấy. Hoặ đêm thanh tụng niệm cầu nguyện cho mọi loài thoát khỏi tai ương. Gặp lúc đao binh, tật dịch, năm canh trì niệm Phật danh, cầu cho chúng sanh được tiêu trừ mọi oan khổ.

Nên quán tưởng: Một câu A-Di-Đà Phật của ta đây, trên tột Trời Hữu- đánh ⁽¹⁴⁾ dưới suốt đáy phong luân ⁽¹⁵⁾ mọi loài chúng sanh một thời đều được lợi ích. Cách bố thí đó thật không thể nghĩ bàn vậy.

Lời phụ giải: Trước cho ăn no, mặc ấm để đỡ khổ phân xác, sau khuyên bảo niệm Phật để cứu rồi linh hồn. Gặp nhiều trường hợp mà sức ta vô khả nại hà, chỉ nên nhứt tâm niệm Phật, vận dùng tất cả điền lành của mình chỉ hướng về kẻ ấy, cầu nguyện cho họ thoát khỏi khổ lụy của kiếp sống triền miên, giải thoát an nhàn nơi thiện cảnh.

Một câu niệm Phật diệt oan khiên...

28. TỰ TÂM NIỆM, TỰ TÂM NGHE

Tâm tưởng rồi mới động đến lưỡi, lưỡi khua động thành tiếng lại trở vào tự tâm, là pháp: Tâm niệm tâm nghe vậy.

Mà hễ tâm niệm tâm nghe thời mắt không thể thấy bậy, mũi không thể ngửi bậy, thân không thể động bậy, vị chủ nhơn ông (tự tâm) đã bị bốn chữ A-Di-Đà Phật “bất cóc” mất rồi.

Lời phụ giải: Niệm tức là niệm tự tâm Phật, tai nghe tiếng niệm là nghe tiếng của tự tâm, tiếng ấy từ tự tâm mà ra, rồi lại chạy ngược vào tự tâm, xây vòng như vậy, thời một mảy vọng tưởng cũng không còn, tất cả vọng trần, vọng cảnh cũng từ đây mà diệt. *Niệm Phật niệm tâm, tâm niệm Phật Tham thiền tham tánh, tánh tham thiền.*

29. NIỆM PHẬT TRONG TIẾNG NIỆM

Tiếng niệm Phật đã thuần thực rồi, thời trong sáu trần chỉ còn một thanh trần. Tất cả sáu căn hoàn toàn gởi nơi nhĩ căn (lỗ tai). Thân cũng không còn cảm biết tới lui, lưỡi cũng không còn biết khua động, ý cũng không còn cảm biết phân biệt, mũi cũng không còn cảm biết hít thở, mắt cũng không còn cảm thấy mở nhắm. Hai thứ viên thông của hai ngài Quán Âm và Thế Chí cũng tức là một, không chi là chẳng viên và chẳng chi là không thông cả. Vì căn tức là trần, trần tức là căn, căn và trần tức là thức. Mười tám giới⁽¹⁶⁾ đều dung hợp thành một giới. Trước chưa được thuần, lâu sẽ dần dần thâm nhập.

Phàm trong khi niệm Phật, phải lựa một chỗ vắng, yên, sạch, khoảng 4,5 thước vuông, đi nhiều một vòng theo phía tay mặt, rồi sau từ từ cất tiếng niệm Phật, tiếng cao lên dần dần, niệm như vậy độ 3 vòng trở lên sẽ tự cảm thấy tâm, tiếng tỏ bày, vòng quanh khắp thái hư, bao bọc cả 10 phương, trùm đầy toàn khắp pháp giới. Đó là cách an trụ thân, tâm, thế giới vào trong tiếng niệm Phật và đó là đem thân, tâm của mình an trụ trong tiếng niệm Phật mà niệm Phật. Đây là cảnh thù thắng để tiêu diệt tâm địa phiền não như trước, hành giải cần phải gắng tập cho kỳ được.

(Bài này chỉ vẽ rõ ràng, không cần phụ giải)

30. NIỆM PHẬT TRONG ÁNH SÁNG CỦA TỰ TÂM

Phàm tiếng là tiếng của tự tâm, thì ánh sáng cũng là ánh sáng của tự tâm. Hễ tiếng của tự tâm quanh lộn ở chỗ nào thì ánh sáng của tự tâm phóng ra ở chỗ ấy; nếu ta an trụ trong tiếng của tự tâm mà niệm Phật, tức là an trụ trong ánh sáng của tự tâm mà niệm Phật vậy. Đây cũng là cảnh thù thắng diệt được lòng tham phiền não như bản, hành giả nên gắng siêng tu tập.

31. NIỆM PHẬT TRONG THỂ CỦA TỰ TÂM

Tiếng nói của tự tâm vòng quay và ánh sáng tự tâm chiếu phát, tự nhiên tâm thể phơi bày. Một chơn tâm này như tấm gương tròn lớn (Đại

viên cảnh) rộng thông sáng suốt, không gì ngăn ngại, mười phương, ba đời, ta, Phật và chúng sanh, vòng khổ của đời trước, đài sen nơi cảnh tịnh đều là bóng trong gương cả. Cho nên niệm Phật trong tiếng tức trong ánh sáng, trong ánh sáng tức trong gương không phải một, khác. Đây cũng là cảnh thù thắng tột cùng, diệt hẳn được tâm nhớ, cần phải gia công hết lòng tu tập.

Lời phụ giải: Tâm thể vốn luôn luôn thanh tịnh (tịch), nhưng hằng phát khởi diệu dụng sai thù (chiếu). Khi chúng ta nhận được toàn thể đại dụng không ngoài tánh thể thường như, thì bấy giờ, tâm, Phật và chúng sanh vốn chỉ là một, rộng thông, sáng suốt, không gì ngăn ngại. Thật hành pháp niệm Phật mà được như đây, thật quả là bậc đại căn tánh vậy! Muôn pháp đều chỉ là bóng hình trong gương, vốn dĩ hư huyền, tự sanh tự diệt, đâu cần phạm gì đến tánh thể tự cổ thường như, bất sanh bất diệt của chơn tâm. Thấu triệt được lý này ắt đã thoát được ngoài vòng cương tỏa của không gian và thời gian rồi vậy.

32. KHÔNG DỨT

Buổi sáng niệm, buổi tối cũng niệm; vô sự niệm, hữu sự cũng niệm; chỗ sạch niệm, chỗ nhớ vẫn niệm, không một niệm nào mà không phải là niệm Phật. Giả sử hằng ngày có sự thù tiếp bạn bè, đãi đằng khách khứa, phải có lúc gián đoạn, nhưng chỉ gián đoạn thỉnh niệm, chớ không thể gián đoạn được tâm niệm. Niệm Phật mà công phu đến thế, thì sẽ dễ thành Tam muội lắm.

33. KHÔNG TẠP

Không xen tạp niệm tức là CHỈ, CHỈ là nhơn của ĐỊNH, dừng được tạp niệm, thì chánh niệm (ĐỊNH) tự nhiên phát hiện. Tạp niệm có 3: Thiện, ác, và vô ký, trừ hết ba thứ mới là không tạp. Tâm cần vắng lặng, vắng lặng thời các niệm thiện, ác không sanh. Tâm cần sáng suốt, sáng suốt thời vô ký niệm không có.

Ngoài Phật không có niệm nên thường vắng lặng, trong niệm có Phật nên thường sáng suốt, rõ ràng.

34. KHÔNG DỪNG

Không dừng tức là QUÁN, QUÁN là nhơn của HUỆ. Câu (niệm Phật) trước đã qua, câu sau chưa đến, câu hiện tại cũng không dừng. Cứ thế mà quán sát, rõ ràng nhưng không thể được (không câu chấp), không thể được nhưng lại rõ ràng. Đuổi như vậy mãi sẽ thấu đạt lẽ vạn pháp duy tâm, tức Phật tức tâm, tức tâm tức Phật.

Lời phụ giải: (cho cả ba pháp trên) Niệm Phật tức niệm tự tâm Phật, nên không ngại gì chỗ nhớ sạch. Lại chúng sanh vốn đồng một thể tánh chơn tâm với chư Phật, vì vọng động bất giác, nên để tánh Phật vốn sẵn sáng suốt phải bị phiền não vô minh che lấp, làm cho mê tối đảo điên, càng ngày càng chạy theo vọng trần vọng cảnh, xa lìa thật thể, nhận giả làm chơn; bây giờ như niệm giác ngộ quay về ánh sáng của tự tâm, thì dễ gì trong một ít thời gian mà có thể bôi xóa đi được những phiền não đen tối vốn đã nhuộm đậm từ lâu. Thế nên, chúng ta cần phải luôn luôn liên tục theo dõi câu niệm Phật (niệm Phật tức niệm tự tâm Phật) Phật niệm liên tục mãi mãi thì chúng sanh niệm không còn, thế nên dù có bận rộn gì cũng chỉ gián đoạn được thỉnh niệm mà thôi, chớ làm sao ràng buộc được tâm niệm bên trong của chúng ta? Khi mà tâm chúng ta thuần một Phật niệm thì tạp niệm đâu còn? Tạp niệm bật dứt (gió dừng) tâm không còn bị gì làm chao động nữa, bấy giờ tự tâm an nhiên tại định (định) (nước lặng), thì muôn tượng hiện bày, không thiếu sót một mảy may, bấy giờ vạn pháp đương nhiên hiển lộ, tự tâm quán chiếu một cách thần diệu phi thường (huệ). Hành giả thật hành pháp môn niệm Phật được như đây quả đã đạt đến viên mãn cứu cánh rồi vậy.

Chú thích:

(14) Trời Hữu-đảnh là cõi trời cao tột của cảnh trời Sắc giới.

(15) Phong luân: Sức gió dưới đáy trái đất. Nhờ sức gió mạnh quay tít không ngừng, gây một sức mạnh vô ngần để duy trì thế giới.

(còn tiếp)

Cảm Nghi Trong Mùa Phật Đản

Hôm đó có hẹn đến viếng thầy, tôi đón chuyến xe lửa 5 giờ rưỡi sáng. Nhà ga vắng khách chỉ chừng hai chục người mà phần lớn là công nhân ngành xây cất. Trời tờ mờ sáng, tôi đã đứng trước cổng, thầy ra mở cửa đón tôi vào trong thất. Đó là Pháp Lạc Thất mà thầy vừa mới đổi tên. Cảnh vật im lìm và không gian trầm lắng, tôi và thầy ăn sáng xong, rồi cùng nhau đi bộ dọc theo một dòng suối gần đó. Nhìn xuống nước dòng suối chảy lờ đờ tôi khởi đầu câu chuyện: *“Kính bạch Thầy: Đạo Phật có phải là một tôn giáo không? Kính xin thầy cho biết tôn ý.”*

Thầy không trả lời trực tiếp mà chỉ nhắc lại lời đức Phật đã dạy trong Kinh Lăng Già, đây là bộ Kinh mà đức Phật đã giảng trong thành Lăng Già trên đỉnh núi Ma La Đà. Phật trả lời câu hỏi của Bồ Tát Đại Huệ:

*“...Nhu Phật trước đã nói
Đủ một trăm tám câu
Mỗi mỗi tương tương ứng
Xa lìa các lỗi chấp
Lại lìa pháp thế tục
Do ngôn ngữ mà thành
Ta nay vì ông nói
Phật tử khá lắng nghe . . .”*

Trong 108 câu trả lời của Phật gồm có 108 chữ "Phi" như sau:

“... thường phi thường, tướng phi tướng, trú dị phi trú dị, sát na phi sát na, tự tính phi tự tính, không phi không, đoạn phi đoạn, tâm phi tâm, trung phi trung, duyên phi duyên, nhân phi nhân, phiền não phi phiền não, ái phi ái, phương tiện phi phương tiện, thiện xảo phi thiện xảo, thanh tịnh phi thanh tịnh, tương ứng phi tương ứng, thí dụ phi thí dụ, đệ tử phi đệ tử, sự phi sự, chủng tính phi chủng tính, tam thừa phi tam thừa . . .”

Sau nửa giờ đi bộ trở lại ngôi tịnh thất, thầy cùng tôi uống trà bỏ câu anh. Thầy đã nhờ bỏ câu anh từ dòng suối và phơi khô trong mùa hè vừa qua để dành uống rất tốt cho sức khỏe. Thầy đưa tay chỉ lên tấm bảng trắng trên tường và nói với tôi, lịch trình thầy sẽ tham dự những buổi lễ Phật đản tại một số tự viện trực thuộc Giáo hội. Thầy bảo tôi viết một bài để chia sẻ với mọi người nhân dịp mùa Phật đản. Thầy gợi ý có thể viết về quê hương Mỹ Tho hay Bến Tre gì đó của tôi, giống như một đạo hữu đã gửi về tòa soạn bài viết về quê hương Bình Thuận.

Đôi lúc thầy và tôi đều im lặng để lắng nghe tiếng riu rít một vài con chim nhỏ đang đậu trên cành cây bông chùa phía sau vườn. Mặt trời vừa ló dạng. Tôi miên man nghĩ về ngày Phật đản và hai chữ đạo Phật. Theo tinh thần của kinh Lăng Già thì có thể đạo Phật là tôn giáo phi tôn giáo. Nếu chúng ta nghĩ đạo là con đường thì đức Phật đã chỉ cho chúng ta cả 3 cõi, 6 đường: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la, người và trời. Những con đường đó chúng ta phải lăn lộn trong luân hồi sanh tử. Đặc biệt hơn hết Phật dạy cho chúng ta biết phương pháp để vượt ra khỏi sáu con đường đó để đi vào Phật đạo, nhập giòng thánh, không còn đời đái, hoàn toàn rốt ráo. Nếu nói đạo là bản phận thì Phật đã dạy tứ trọng ân. Bốn ơn nghĩa sâu nặng mà mỗi người Phật tử đã thọ nhận và phải có bốn phận ghi nhớ, đền đáp lại đó là: ơn cha mẹ, ơn chúng sanh, ơn tổ quốc, ơn tam bảo. Nếu nói Đạo là lý tánh tuyệt đối, là bản thể, nó lìa nói năng, không thể nghĩ bàn. Đức Lão tử nói: *“Đạo mà nói ra được, không phải là đạo”*. Chữ Đạo của đạo Phật chính là đồng nghĩa với bản thể vậy.

Quý thầy thường giảng hình thức lễ nghi

chỉ là hiện tượng bề ngoài của đạo Phật, nhìn vào hình thức giống như là một tôn giáo, nhưng kỳ thật đó chỉ là lấy "Sự" để hiển "Lý" hay nói đúng hơn là dùng phương tiện để hiển bày cái cứu cánh tuyệt đối mà thôi. Tất cả lễ nghi trong thiên môn đều mang ẩn dụ chứ không phải là sự tin tưởng mù quáng, cúng kiêu van xin cầu khẩn xem đức Phật như đáng thần linh, thượng đế. Hằng ngày chúng ta lạy Phật để cung kính người Thầy gốc (bổn sư), để noi theo gương Ngài mà tu hành tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Đến chùa chúng ta xá chào, tôn kính chư Tăng Ni, vì những vị này là sứ giả của Như Lai, nối thành giòng thánh, mang sứ mệnh truyền bá chánh pháp đến cho mọi người. Điều cần lưu ý là nên trút bỏ niềm tin đơn thuần và thay bằng niềm tin căn cứ vào hiểu biết. Chúng ta tin tưởng đức Phật, như một bệnh nhân tin vào lương y, hay một học sinh tin vào thầy giáo. Làm người Phật tử quy y đức Phật vì chính Ngài đã phát hiện con đường giải thoát. Khởi điểm của đạo Phật là lý trí hay tuệ giác, nói cách khác là người Phật tử phải có chánh kiến.

Năm rồi, vào mỗi chiều thứ bảy, cũng tại tịnh thất này, tôi đủ duyên tham dự khóa học căn bản duy thức. Nếu nói Phật học là triết học, tâm lý học, luận lý học thì có thể nói theo kinh Lăng Già thì đây là triết học phi triết học, tâm lý học phi tâm lý học, luận lý học phi luận lý học. Các bộ luận tuyệt vời cao siêu của các vị tổ mà cổ đức gọi đó là Vi Diệu Pháp. Từ giáo lý nguyên thủy là cái gốc cây Phật giáo đã đâm chồi và phát triển nhiều cành lá sum suê. Thầy nói với tôi: "Phật giáo Nguyên Thủy như rễ hay gốc cây còn Phật giáo Phát Triển như là cành lá của cây. Dĩ nhiên, cành lá không ngoài thân cây mà có. Và chính cành lá đó nó mới mang lại tô điểm cho thân cây càng thêm phong phú hơn. Nếu chỉ có gốc rễ và thân cây không thôi, thì thật là khô khan buồn tẻ quá" Và như thế, thì Phật giáo bị đóng khung khô cứng không làm sao phát

triển thích nghi với thời đại được". Tôi nghĩ, nếu mọi người ai nấy đều đi trở về nguyên thủy tức cội gốc của Phật giáo thì vô tình làm khô héo, chết đi hết những cành lá của đạo Phật phát triển. Nhờ học căn bản duy thức tôi mới biết tâm ta giống như một triều đình trên có vua dưới có quần thần. Khổ nổi, trung thần thì ít, một phần thì dự bệ ăn lương nhưng lại rất đông nịnh thần, bè phái, tham ô. Trong tâm ta chỉ có 11 tâm sở thiện, nhưng có tới 26 tâm sở xấu ác, tham gian và 4 tâm sở bất định chỉ biết xu thời và hướng theo chiều gió. Bởi vậy mà không khéo tu thì đường ác, nẻo trầm luân dễ vào, an lạc giải thoát khó đến. Học qua sáu căn bản phiền não bây giờ trong trí óc tôi còn đậm nét ba chữ **tham sân si**. Nếu chúng ta không còn si nghĩa là không còn bị mê mờ thì đâu còn tham và sân. Thật ra si là tên khác của vô minh. Không còn vô minh thì sáng suốt sẽ rõ sự lý chân thật và trí huệ khai mở. Tôi nhớ lại bốn tầng vô của vô minh:

Đam trước thế gian ngũ dục, lục trần danh vô minh

Tham sân si, phiền não chướng trọng danh vô minh

Vi ngũ uẩn sở phú danh vô minh

Bất giác, bất tri, bất liễu đệ nhất nghĩa đế danh vô minh

Mỗi người trong chúng ta thử tự chiêm nghiệm lại xem mình đã phá được mấy tầng vô minh rồi? Phần riêng tôi chỉ ngũ dục, lục trần thì chưa chọc thủng nổi. Vì tôi:

Vô chùa mặc áo tràng lam,

Si giảm đôi chút, tánh tham vẫn còn.

Nào tham ái, tham ăn, tham ngủ nghỉ, danh thì không dám tham nhưng tài sắc thì vẫn còn như tự thuở nào. Gần trưa tôi cáo từ thầy ra về. Tôi mãi nhớ câu nói của thầy: Đạo: Lớn không gì lớn bằng, nhỏ thì không gì nhỏ hơn!

Bây giờ là giữa mùa thu tại Úc Đại Lợi. Đêm nay ngoài trời rất lạnh, trăng rằm tháng ba mây xám bao phủ và tỏa ánh sáng mờ ảo xung quanh nhà. Như vậy chỉ còn đúng 4 tuần nữa là ngày Phật đản sanh. Tôi nên niệm Phật nhiều hơn để cúng dường Phật. Nghĩ về Phật pháp thì tốt hơn là nghĩ nhớ về quê hương của tôi. Tôi đã xa rời Mỹ Tho đã hơn 30 năm. Nói đúng hơn tôi đã mất quê hương 40 năm, nỗi buồn của tháng tư đen chưa bao giờ chịu lắng đọng. Dù Đức Phật dạy đừng truy tìm quá khứ vì nó đã qua rồi. Nhưng rất khó để có thể tách rời quá khứ khỏi cuộc đời mình, nhất là quá khứ của một cuộc hành trình đầy chông gai, cuồn lũ và bão lửa. Tôi đã sống trong sự cuồn nộ của lòng người giữa dòng đời nghiệt ngã!

Hôm nay là ngày 3 tháng 5 năm 2015, đầu ngày 30 tháng 4 đã đi qua, nhưng tâm trí tôi vẫn còn lắng đọng những u buồn trầm uất. Ai đã từng thao thức về nỗi niềm chung khi nghĩ về những tháng năm xưa của 40 năm về trước. Từ cuộc sống của tôi và gia đình trên một miền đất hiền hòa, an cư và thịnh vượng. Bỗng dưng bị cơn lốc tràn qua làm đổ vỡ mọi an lành! Sự ly tán khởi đầu từ vượt biên, vượt biển xa nguồn, bỏ nước ra đi tìm sự sinh tồn nơi miền đất lạ, chấp nhận cuộc sống lưu vong, để mãi mãi nhìn về quê hương trong niềm đau vô tận!

Giáo pháp của Đức Phật hơn hai mươi lăm thế kỷ qua đã an ủi và xoa dịu những đau khổ cho biết bao nhiêu người. Vô số những hành giả đã được lợi lạc từ việc tu tập Phật pháp. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không phải sinh ra đã là bậc toàn giác. Ngài cũng đã từng là con người bình thường như chúng ta. Nhờ đi theo con đường tu tập hướng đến giác ngộ mà Ngài trở thành một vị Phật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được tôn kính vì Ngài đã tịnh hóa dòng tâm thức của Ngài khỏi mọi ma chướng và phát triển mọi phẩm tính tốt đẹp đến mức toàn hảo. Đức Phật đã làm được điều mà chúng ta

chắc ai cũng khát khao làm cho kỳ được. Những lời dạy của Ngài trong kinh sách chỉ cho ta phương thức để vượt qua những giới hạn của chính mình và phát triển năng lực tự thân một cách trọn vẹn. Đức Phật đã trao tuệ giác của Ngài cho ta và ta được tự do chọn lựa việc đón nhận hay không. Đức Phật không đòi hỏi ở ta niềm tin hay sự trung thành, và ta cũng không bị chê trách nếu có những quan niệm khác biệt.

Đức Phật khuyên chúng ta nên thực tiễn và chú tâm vào đúng vấn đề, đừng để phân tán tâm ý bởi những suy diễn vô ích. Phật nêu thí dụ một người bị trúng mũi tên độc. Nếu anh ta cứ khăng khăng đòi biết rõ tên tuổi, nghề nghiệp của người bắn, mũi tên đó loại gì, được sản xuất ở đâu và loại cung nào đã được dùng để bắn... rồi mới đồng ý cho rút mũi tên ra, thì anh ta sẽ chết trước khi biết được những câu trả lời. Việc làm quan trọng và thiết thực nhất là anh ta phải chữa trị ngay vết thương hiện tại và ngăn chặn mọi biến chứng sau đó. Cũng vậy, khi chúng ta đang mắc kẹt trong vòng xoay của những khổ đau về thể chất lẫn tinh thần, thì quả là ngu ngốc nếu ta để tâm ý hướng bởi những ý tưởng suy diễn về các vấn đề không liên quan mà ta không thể có lời giải đáp ngay được. Việc dồn mọi nỗ lực vào những gì quan trọng sẽ là khôn ngoan hơn. Đầu tiên, chúng ta nên lắng nghe pháp âm của quý tôn túc, đọc kinh sách, chọn cho mình một pháp môn và tốt hơn tham gia sinh hoạt trong một đạo tràng. Sau đó chúng ta tìm hiểu, học hỏi, tư duy, quán chiếu và tinh tấn hành trì theo pháp môn ấy.

Những điều cơ bản trong Phật pháp rất đơn giản và có thể thực hành ngay trong đời sống hằng ngày. Chúng ta nên hết lòng giúp đỡ người khác, và khi không thể giúp được thì hãy tránh gây tổn hại cho vật và người. Hãy ghi nhớ từ bi phải có trí tuệ, hợp với lương tri của con người. Đây không phải là điều gì bí ẩn, thần kỳ, cũng không phải là lý hay phi lý, hay giáo điều áp đặt. Toàn bộ

những lời Phật dạy đều nhằm mục đích giúp ta phát triển tứ vô lượng tâm. Từ bi, trí tuệ phải vận dụng vào ngay trong cuộc sống hằng ngày. Lương tri con người không chỉ là luận bàn, mà nó phải được thể hiện trong cuộc sống. Giáo pháp của Đức Phật được gọi là trung đạo vì tránh khỏi mọi cực đoan. Buông thả bản thân là một cực đoan, mà tự mình khổ hạnh ép xác cũng là một cực đoan. Mục đích của Phật pháp là giúp ta sống thanh thản và vui thích, dù đây không phải là sự vui thích theo nghĩa thông thường mê ngủ dục, lục trần như ngủ nghỉ, ăn sung mặc sướng, nhà cao cửa rộng v.v. Đó là cách làm lắng dịu mọi thái độ và cảm xúc tổn hại, ngăn cản sự an vui của ta, và biết cách vui hưởng cuộc sống mà không đắm mê, dính mắc, lo âu, sợ hãi.

Trong đạo Phật, chúng ta phải hiểu cả hai pháp học và pháp hành. Chúng ta tìm ra những nguyên nhân đưa đến khổ đau. Sau đó chúng ta tạo ra những nguyên nhân đưa đến hạnh phúc chân thật. Hạnh phúc - cũng như là khổ đau - không phải ngẫu nhiên hay tình cờ đến với chúng ta, cũng không phải do một đấng bề trên nào đó. Cũng giống như mọi sự việc trong vũ trụ, hạnh phúc sinh khởi từ những nguyên nhân cụ thể. Nếu ta tạo ra những nhân hạnh phúc thì quả hạnh phúc tự nhiên sẽ đến. Đây là một tiến trình có hệ thống của nhân quả, đây là nền tảng cho hệ thống đạo Phật. Nói đến đây ta nghĩ đến đạo Phật là giáo dục phi giáo dục. Giáo dục Phật Đà bao trùm mọi thứ giáo dục khác. Hòa Thượng Tịnh Không cổ võ và cho rằng đạo Phật không phải là tôn giáo mà là nền giáo dục Phật Đà. Trong đó dạy chúng ta từ thấp lên cao. Năm cấp của ngũ thừa Phật giáo đưa chúng ta trở thành người, trời, thanh văn, duyên giác, bồ tát ngay trong đời này hay vị lai.

Ai trong đời mà lại không bị khổ đau? Đau nơi thân và khổ nơi tâm (khổ tâm). Có người không đau mà khổ, có người khổ mà không đau, có người đau mà không khổ và có người vừa khổ lại vừa đau. Trong buổi chia sẻ Phật pháp cách đây không lâu bác sĩ y khoa Đỗ Hồng Ngọc có nói: Thầy thuốc làm cho người ta hết đau, nhưng đức Phật làm người ta hết khổ nên người ta gọi ngài là bậc y vương. Tôi

lại nhớ đến công thức về khổ và đau như sau: Khổ bằng đau nhân với tâm bất như ý, kháng cự lại hoàn cảnh. Thí dụ thân đau là 5 mà chúng ta kháng cự, bực tức là 5 thì cái khổ thành là 25. Nếu ta bớt đi tâm bực bội, bất như ý, chống lại cái đau đó thì khổ sẽ giảm dần cho đến khi ta chấp nhận, không còn sự kháng cự với định luật vô thường. Bài toán nhân với số không có đáp số là không. Từ đó khổ sẽ bớt đi hay chấm dứt. Nếu chúng ta muốn có hạnh phúc chân thật thì chúng ta bắt buộc phải chấp nhận một sự thật là cuộc sống đầy dẫy những khổ đau, do nhân có quả. Chúng ta không thể tránh né, càng không thể loại trừ được hết những khổ đau trong đời sống do chúng ta gieo nhân mới đây hay tự bao đời. Chúng ta cần phải biết cách đối diện, nhận thức và chuyển hóa chúng để bớt hoặc hết khổ dù thân này có hay không đau.

Sự hiện hữu của những khổ đau đã bắt đầu ngay từ lúc chúng ta mở mắt chào đời. Chúng ta sợ phải chết, nhưng tất cả chúng ta đều phải chết. Chúng ta yêu thích tuổi thanh xuân tươi đẹp tràn đầy sức sống, nhưng tất cả chúng ta đều bắt lực nhìn tuổi già đến dần. Chúng ta cố tránh né bệnh tật, nhưng rồi tất cả chúng ta đều cũng không tránh khỏi. Chúng ta quay cuồng, vật lộn với cuộc sống và rất hiếm khi chúng ta tự thấy mình đã có đủ những thứ mình cần. Còn có thể kể ra rất nhiều khổ đau mà chúng ta phải thường xuyên đón nhận trong cuộc sống.

Thay vì mong đợi sự tạm dừng của đau khổ để có được đôi chút hạnh phúc mong manh ngắn ngủi, chúng ta hãy đối diện và nhìn sâu vào bản chất của đau khổ. Khi hiểu rõ được bản chất của chúng, ta sẽ có thể chấp nhận và chuyển hóa. Chỉ khi đó chúng ta mới có được hạnh phúc thật sự. Hầu hết những khổ đau của chúng ta đều xuất phát từ sự mong cầu đi ngược lại tự nhiên. Chúng ta mong muốn điều gì đó và bất kể là những mong muốn ấy có hợp lý hay không. Hay nói đúng hơn, chúng ta không chịu nhìn sâu vào bản chất của sự vật để có thể thấy được sự vô lý của chính mình.

Trở lại câu chuyện bên dòng suối với thầy cách đây vài hôm, tôi nghĩ đạo Phật không phải là một tôn giáo mà tôn giáo của các tôn

giáo. Đạo Phật là con đường dẫn tới chân lý, giác ngộ và giải thoát. Vì đức Phật ví Phật pháp như cái bè dùng để qua sông, hay ngón tay chỉ mặt trăng, nghĩa là như một phương tiện, chứ không phải là một cứu cánh. Khác với giáo chủ của các tôn giáo khác, Đức Phật không bao giờ tự gán cho mình là Thượng đế, con Thượng đế. Phật tự xem mình là “vị thầy chỉ bày con đường”, tức là con đường Bát chánh đạo đã dẫn tới giác ngộ và giải thoát, con đường đoạn trừ mọi khổ đau. Phật pháp ví như dấu chân của con voi, mọi dấu chân khác đều nằm trong đó.

Phật ra đời là diễm phúc cho nhân loại vì Ngài đã đem Ánh đạo vàng ban rải khắp trần gian. Quyển sách Ánh Đạo Vàng của tác giả Vũ Đình Cường tôi đã đọc nhiều lần, mà mỗi lần đọc lại vẫn thấy hay như là:

“ . . Nhân loại ơi! Có hay chăng một vị Giác Ngộ mới ra đời?

Chúng sanh ơi! Một đấng Đại từ, Đại bi, Đại trí, Đại đức vừa xuất hiện ở dưới trần!

Ôi hân hoan, hân hoan cho toàn cả mấy tầng trời, vì chúng sanh ơi, một đóa hoa Đàm nở, một ánh sáng lạ chói ngời! Này ai ơi! Hãy đi về phía nam dãy núi Hy-mã-lạp-son, vì chính ở đây đã ra đời một đức Phật.”

Đến đây tôi xin ghi lại đoạn kết của quyển

Ánh Đạo Vàng như sau:

“ . . . Đức Phật của chúng ta không xuất phát từ một cõi siêu nhiên thần bí nào, cũng không phải là một Thiên sứ hay con Thượng đế (cái ý niệm về Thượng đế cũng không được Ngài chấp nhận), mà là người con tinh anh của nhân loại. Một cành hoa quý đã nở trên thân cây nhân loại. Một hoa Đàm, nói theo truyền thuyết Ấn Độ, mấy vạn năm mới nở một lần; hay gần gũi với chúng ta hơn, một Hoa Sen, vươn lên từ trong bùn và biến chất bùn thành hương sắc. Và như vậy, giá trị đích thực của Ngài đã vĩ đại lắm rồi, hào quang của Ngài cũng đã chói sáng lắm rồi. Tôi nghĩ chúng ta không cần phải thêm thắt vào cuộc đời vốn đã kỳ diệu của Ngài, những huyền thoại phi lý, vẽ rắn thêm chân với mục đích là tạo sự thiêng liêng để cho người đời thêm sùng mộ Ngài, kỳ thật đã đẩy lùi Ngài vào thế giới hoang tưởng, làm mất lòng tin đối với những người biết suy nghĩ trong thời đại khoa học ngày nay.”

Nhìn qua cửa sổ bên ngoài ánh trăng rằm vẫn lung linh chiếu qua cành lá sau vườn, mây xây thành bên kia một góc trời, khói sương thu mỏng phủ lên đó đây trong đêm yên tĩnh. Cảm nghĩ trong mùa Phật đản đến đây chỉ là một dấu tròn “chấm hết”.

Minh Quang

*H*ôm nay thầy giảng về tâm
Cái tâm loạn động tối tăm con

người

Bao nhiêu ác nghiệp trong đời

Tích lũy do bởi ta bơi xuôi dòng

Như trâu ngựa hoang ngoài đồng

Kéo ta lẩn quẩn trong vòng tử sanh

Khi vượn thuộc giống lạnh chanh

Nhảy chuyền loạn xạ gây cảnh hại thân

Sáu căn hợp với sáu trần

Sanh ra ba độc tham sân tội đầu

Si mê làm tưởng vọng cầu

Chạy theo ảo ảnh biết đâu là nhà

Liễu Nhân chỉ một sát na

Dây công tu tập ấy là Duyên Nhân

Tam 1

Người tu phải biết chẵn trâu

Dây thức tỉnh xỏ dắt trâu về nguồn

Từ đen thành trắng vuông tròn

Khéo chẵn cho đến không còn trắng đen.

Giảng xong thầy hỏi tâm đâu

Dạ thưa không thấy chỉ cầu vô tâm

Không hình không tướng là tâm

Bất sanh bất diệt là tâm chơn thường

Tâm đạo là tâm bình thường

Tâm điên đảo quý vô thường trong ta.

Trí Lạc



Di Hoang

Hồi ấy tôi chừng 9-10 tuổi. Sống ở nhà quê, thuộc vùng xôi đậu. Đa số trẻ con đều thất học. Chỉ ở nhà chăn trâu, chăn bò hoặc chơi với các em để cha mẹ ra đồng. Bọn du-kích hoạt động công khai. Thỉnh thoảng mới có một cuộc hành quân của lính quốc gia. Trong trường hợp ấy thì bọn Việt Cộng chạy rút xa tít vào tận rừng sâu. Ngay cả những người đàn ông bình thường trong làng cũng chạy trốn thật xa, vì nếu bị lính quốc gia bắt thì sẽ bị đồng hóa với Việt Cộng. Còn nếu không bỏ chạy mà không bị lính quốc gia bắt, không bị hề hấn gì cả thì sẽ bị Việt Cộng nghi ngờ là gián điệp. Chết như chơi! Đã có nhiều người bị “họ” xử tử hình vì cái tội ghê-gớm này dù đây chỉ là những người dân quê một chữ bẻ đôi cũng không biết và cả đời chưa hề đi đâu ra khỏi làng mình. Người dân đang sống trong cảnh một cổ hai tròng thật đúng nghĩa. Ba tôi thì đã đi làm thuê và ở hẳn dưới Sài-gòn trong tình hình phức tạp này.

Ngay cả bọn trẻ chúng tôi cũng được bọn Việt Cộng tuyên-truyền, dụ-dỗ từ khi còn rất nhỏ. Có nhiều đứa do nhà nghèo, sống thiếu thốn hơn những đứa khác, nghe lời dụ dỗ ngon ngọt nên đi theo bọn chúng để được ‘sung sướng tâm thân’. Thường thì mấy đứa này bị đưa đi thật xa để gia-đình không thể nào tìm gặp được. Sau đó họ cho người liên-lạc với gia-đình để xin thứ này thứ nọ để làm hành-trang cho cuộc đời “cách mạng” của thằng nhỏ. Thí dụ như cái võng ni-lông, tấm bạt bằng plastic để đi mưa, cái bình nước, cái radio, cái đồng hồ... vì thương con cho nên dù gia-đình nghèo cách mấy cũng ráng mà chạy nợ để đáp ứng đầy đủ những yêu cầu trên. Còn bọn trẻ chúng tôi thì được họ cho biết nào là thằng A, thằng B bây giờ “ngon lắm!”, “sướng lắm!”. Nó được cách mạng gửi ra Bắc để học lái máy bay... Bọn trẻ chúng tôi trong lòng rất thán-phục và cảm thấy mình quá thua kém mấy thằng nhóc đó.

Ngay bọn trẻ con tại chỗ như chúng tôi cũng có thằng được giao cho làm công-tác giao-liên. Thằng giao liên có một trái lựu đạn đeo xệ xệ bên hông. Trông sao mà “oai” quá! Những lần

lính quốc gia đi “bô” thì những thằng này cũng chạy trốn theo những người đàn ông trưởng thành. Có thằng đang chơi đùa, bơi lội trần truồng với chúng tôi cũng lảng-xăng thu xếp hành trang để chạy. Mặc lại cái quần đùi, cầm theo trái lựu đạn. Điều này khiến bọn trẻ chúng tôi nhìn tụi nó mà trong lòng thêm thán phục. Tụi nó cũng còn nhỏ như mình mà sao gồ ghề, hách thiết! Từ đó, ý tưởng được đi theo “cách-mạng” là một điều mơ-ước của nhiều thằng! Tất nhiên là mơ ước này được hoàn toàn dấu kín đối với cha mẹ.

Có một lần tôi mãi vui chơi với chúng bạn ở xóm dưới. Chơi đùa và đâm mình trong một cái vũng trâu nằm. Quá đã! Đầu mình chân tay phủ toàn một lớp bùn sình dơ bẩn. Mãi tới gần tối mà không hay. Khi về đến thì nhà đã đổ đèn. Tôi được bà-già đưa ra “giàn nước ăn” sau nhà để bà tắm gội. Vừa kỳ-cọ cho tôi, vừa luôn miệng la rầy. Lâu lâu lại đét vào mông tôi một cái cũng không lấy gì làm đau lắm. Nhưng tôi tủi thân! Trong lòng nghĩ chắc là Má mình không thương mình. Vậy là trong đầu đã lên sẵn một kế-hoạch: đi theo cách mạng. Tất nhiên là phải trốn.

Suốt đêm trần-trọc suy nghĩ cho kế-hoạch “thoát ly”. Cho đến tờ-mờ sáng hôm sau, trong khi mọi người còn ngủ thì tôi lên ra khỏi nhà. Tôi đi tuốt vào xóm trong, gần trường An Thới, từ đó trở vào là khu của mấy ông. Ghé qua nhà thằng bạn học cùng lớp, tên Trừ, để chơi đùa. Ngủ lại tại đó một đêm. Nếu có người nhà đi tìm thì tôi trốn vào trong buồng của nhà nó. Ngày sau đó thì tôi ra đi, đi càng sâu tới những nơi mà tôi chưa hề tới.... có gặp rất nhiều toán “cách mạng” đi qua. Cũng có một số người trong bọn họ biết tôi là con cái nhà ai. Họ hỏi đi đâu mà xa dữ vậy. Tôi trả lời tỉnh bơ: đi chơi! Nhưng do cái tính quá nhút-nhát nên bao nhiêu lần định bày tỏ “nguyện vọng” mà không biết mở lời thế nào để được cách mạng cho đi theo. Giờ nghĩ lại, nếu tôi mạnh dạn hơn thì lúc ấy sẽ bị họ đưa đi mất tăm, gia đình đừng hòng tìm ra tông-tích.

Do nhút-nhát, không dám mở lời, mà tôi đã bỏ

lỡ nhiều toán cách mạng mà tôi gặp trên đường. Đi như thế đến mấy ngày mấy đêm, tôi không nhớ. Ba tôi ở Sài-gòn nghe tin thằng con đi mất bèn tức tốc trở về cùng với họ hàng đi lùng kiếm khắp nơi. Có khi tôi chui vào một xó nhà của bạn. Nó phải nói láo là không gặp tôi. Có khi tôi phải nép sâu vào các bụi cây rậm-rạp để nhìn những người thân đi tìm mình, vừa đi vừa gọi to tên của tôi! Lúc ấy, trong lòng lại có phần hả-hê vì có thể khiến cho cả giòng họ vất-vả, lo-lắng vì mình.

Đã qua mấy ngày không có gì nhét bụng, tôi thắm đói. Chịu không thấu. Dáng đi đã có phần hơi xiêu vẹo. Tôi nghĩ tới chuyện trở về.

Trời chạng vạng tối, cứ nhắm thẳng hướng về nhà mà bước. Khi về tới vương đất của đại gia-đình, trong đó gồm có nhà của ông bà nội ở giữa, hai bên là nhà của gia đình tôi và của Bác Ba. Nhà này cách nhà kế khoảng chừng 150-200 mét. Tôi ngồi núp ở ngoài hàng rào trúc thật xa để theo dõi động tịnh ở bên trong. Xa xa, tôi thấy Má tôi dẫn đứa em kế và bồng đứa em nhỏ vào nhà ông bà nội, cả gia-đình Bác Ba cũng tụ tập vào đây. Mọi người họp lại để bàn kế hoạch và phương hướng đi tìm tôi vào ngày hôm sau. Trong hki tôi vào mấy cái rẫy dưa gang của Bà Nội hái mấy nụ dưa non mà ăn cho đỡ đói.

Ba tôi cùng họ hàng đi tìm tôi mấy ngày không được, Ba tôi phải trở lại Sài-gòn, giao lại sứ mạng này cho ông chú họ. Chú năm Xe.

Ngồi ngoài rào xa nhìn thấy tất cả động tịnh ở trong nhà ông nội. Đến khi trời tối hẳn, trong khi mọi người vẫn còn họp ở nhà ông bà nội, thì tôi mò vào nhà tôi. Leo xuống cái hầm trú đạn. Thời chiến tranh, nhà ai cũng có cái hầm này. Dù đang bị đói, mệt lã nhưng do trong lòng lo-sợ nên ngủ cũng chẳng được.

Đến gần khuya thì Má tôi bồng hai em gái trở về. Nằm dưới hầm suy-nghĩ miên-man, lo-sợ và theo dõi từng tiếng động ở trên nhà. Má tôi dỗ các em ngủ. Má tôi khẩn vái “Cầu trời khẩn phật, ngày mai khiến cho thằng nhỏ lũng-thững trở về, thì con xin cúng một con gà để tạ ơn trời phật!” Nghe những lời này, tôi không

cảm được dòng nước mắt. Vậy là Má đâu có ghét tôi! Vừa bị đói mấy ngày, vừa bị kiệt sức nên tôi ngủ thiếp lúc nào không biết.

Đến giữa khuya thì các em tôi cũng đã ngủ say. Má tôi tìm cho đứa em nhỏ cái gối. Thường thì gối được mang xuống hầm ngủ khi có giao-tranh. Chắc là Má tôi nghĩ đã mang xuống hầm hôm qua rồi quên mang lên. Thế là Má tôi xuống hầm tìm cái gối. Khi chui xuống hầm thì chợt thấy cậu hai đang nằm ngủ mê man. Má tôi mới truy hô lên khiến cho cả nhà ông bà nội và gia đình Bác Ba cùng chạy tới, đầy đủ mọi người.

Tôi được đưa lên, tắm rửa sạch-sẽ. Một nồi cháo được nấu cấp tốc cho tôi. Trong không khí nhẹ nhõm vui mừng của cả nhà vì tôi đã biết tìm đường về. Mọi người ngồi nửa trong nhà, nửa ngoài sân dưới ánh trăng. Tôi ngồi ăn cháo mà nghe nhiều câu bình-phẩm. Khôi hài cũng có mà hăm dọa cũng có. Mỗi người một câu. Để cho tôi sợ mà không làm chuyện đại đột như vậy nữa. Nhớ nhất là câu: “Kỳ này, Ba mày về sẽ bắt treo ngược trên xà nhà mà đánh cho bỏ thói đi hoang....” của bác ba gái. Tôi nghe sợ lắm! Rồi Ba tôi cũng về vài ngày sau đó... nhưng cũng chẳng có chuyện treo ngược trần nhà xảy ra. Hú vía!

Mãi đến nhiều năm sau này, do cường độ chiến-tranh ngày càng ác-liệt hơn nên gia đình tôi trôi dạt từ làng An-tĩnh, về quê ngoại Gia-Lộc, cho tới thị trấn Trảng Bàng, rồi cuối cùng là Sài-gòn sau năm Mậu Thân 1968. Cho đến cuối Tháng tư, 1975, do sự phản bội của đồng minh, toàn dân Miền Nam đều trở thành dân “Ngụy”. Lúc ấy, ai có thân nhân theo VC thì cảm thấy mình thuộc về bên thắng cuộc. Và trong nhà ai có treo tấm Bằng Liệt Sĩ là đã được xem như một lá bùa hộ mạng.

Năm ấy tôi được 22 tuổi, là một sinh-viên đại học, tôi thỉnh-thoảng vẫn còn ân-hận về hành-vi đại-dột của mình hồi còn bé. Tôi nói vui với Má tôi rằng: “Phải chi hồi đó con đi theo họ luôn thì bây giờ Ba Má cũng có được tấm Bằng Liệt Sĩ để treo cho oai với người ta rồi...”

Hoàng Cao

Melbourne - January 2014

Những Bước Thành Đạo

Theo Phật Giáo Bắc Tông thì đức Phật Thích Ca tìm ra được chân lý, chứng ngộ đạo quả dưới cội Bồ Đề, sáng sớm ngày mùng 8 tháng chạp Âm lịch. Cứ theo truyền thống, mỗi năm chúng ta làm lễ kỷ niệm trọng đại, đó gọi là Lễ Thành Đạo, đánh dấu bước đường mà Thái Tử Tất Đạt Đa đã đi qua, bước đường mà tất cả chúng sinh cũng sẽ đi qua, mau chậm tùy trường hợp.

Đức Phật đã long trọng tuyên bố “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”, một câu nói làm hứng khởi mọi người tinh tấn trên bước đường tu hành, chứ không cam tâm chìm nổi mãi trong biển khổ.

Nhưng từ hơn 2500 năm nay, sau đức Phật Thích Ca đã có ai thành Phật nữa đâu. Đúng vậy, cõi Ta Bà mới có một đức Phật Thích Ca mà thôi, nhưng vì quả vị Phật là cao tốt, là viên mãn nên phải lâu lắm mới thành được. Còn những quả vị dưới như: Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, Hiền Thánh... thì chắc đã có nhiều người chứng được. “Nhất Phật xuất thế, Thiên Phật hộ trì”: Một vị Phật ra đời thì có hàng ngàn Phật ủng hộ, thị hiện dưới nhiều hình thức khác nhau.

Các chúng sinh nào duyên may gặp Phật tại thế, được nghe pháp từ kim khẩu Phật nói ra, thì tu hành mau được giác ngộ; những chúng sanh khác không có duyên lành gặp Phật, nhưng đã gặp Pháp của Phật để lại rồi cứ đứng như Pháp mà tu hành thì cũng tuần tự bước trên những bậc thang giải thoát, từ thấp lên cao. Đó cũng là thành đạo, nhưng quả vị thấp hơn Phật nhiều.

Nếu chúng ta dừng quan niệm thành đạo là thành Phật, là giác ngộ và giải thoát hoàn toàn, mà hiểu nghĩa thành đạo là hoàn thành đoạn đường định đi thì hàng ngày đã có biết bao nhiêu người thành đạo. Nhiều đoạn đường ngắn hợp thành con đường dài, con đường

định đi đây là con đường hướng về chân lý, giác ngộ và giải thoát, chứ không nhằm tiến đến những mục tiêu ích kỷ, thấp hèn, mê mờ trầm luân và đau khổ.

Những vị tu hành chân chính đã dứt bỏ phiền não, chứng ngộ chân tâm, thì vẫn mang xác phàm, vẫn ăn ngủ trong cảnh đời ô trược này, nhưng đã thành tựu một phần rồi, có thể đã chứng Thanh Văn, Duyên Giác hay Bồ Tát mà nào có ai hay? Các Ngài cứ an nhiên tự tại mà tu hành theo lời Phật dạy, còn chúng đắc hay không cũng chẳng bận lòng; nếu còn thấy có chúng có đắc, có mình để chúng, có pháp để đắc thì không phải chúng đắc rồi, vì còn chấp ngã, chấp pháp. Hơn nữa các ngài chẳng bao giờ thèm nói ra là đã chứng đắc thì người đời làm sao biết được?

Chúng ta phải tin rằng có tu là có chúng, có hành là có đắc, không thành Phật cũng thành Tổ, không thành Thánh thì cũng thành Hiền, chỉ sợ không tu hay tu không đúng đường mà thôi.

Đứng về lý mà nói, thành Phật tức là nhận ra ông Phật ở trong mình, là trở về với cái bản tánh thanh tịnh sẵn có của mình thì ai cũng có khả năng làm được và đã từng làm rồi, đã từng thành đạo rồi. Có khác là đức Phật đã sáng suốt viên mãn và vĩnh viễn xé bỏ hủn màn vô minh, giải thoát mọi phiền trược. Các vị Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, Thánh Hiền cũng đã được giác ngộ và giải thoát, nhưng mới được từng phần thôi, chưa được sáng suốt rốt ráo. Còn chúng sinh vẫn sống trong đêm tối, si mê tham dục, khổ đau, thỉnh thoảng nhờ chân tâm Phật tánh cũng biết hé mắt nhìn về mặt trăng, cũng hưởng một chút ánh sáng, nhưng chỉ trong chớp nhoáng rồi lại bị màn vô minh che phủ, đôi mắt lại nhắm lại hoặc nhìn đi chỗ khác, ánh sáng lại bị mây đen che phủ, bóng tối bao trùm, không thấy gì cả.

Đức Phật ví như mặt trời ban ánh sáng cho

muôn loài, như mặt trăng chiếu tỏ mọi vật trong đêm tối, như ngọn đèn pha trên đỉnh núi chiếu sáng thật xa cho thuyền bè biết lối mà đi.

Các vị hiền thánh ví như đèn dầu cũng chiếu sáng được cho một căn phòng, nhưng không chiếu xa hơn được. Còn chúng sinh thì thỉnh thoảng cũng lóe lên đôi chút ánh sáng như đom đóm trong đêm tối, như chiếc diêm quẹt bùng lên trong giây lát rồi tắt ngúm, chưa biết bao giờ mới lóe lên.

Muốn sáng lâu, sáng nhiều, sáng xa, con người phải gắng sức đi từ chỗ cọ đá, kéo gỗ ra lửa rồi mới phát minh ra diêm quẹt, bật lửa, đèn dầu, sau cùng là đèn điện, đèn pha, trải qua nhiều thất bại, mới đến chỗ có một nguồn năng lượng ánh sáng bền lâu.

Người ta cũng thế, phải tự lực tu hành các pháp môn mà đức Phật chỉ dạy, rồi cùng các bậc Thiện Tri Thức nắm tay nhau cùng tiến về nẻo giác ngộ. Có đi là có đến, dù trải qua bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp cũng không nản chí, dù gặp muôn ngàn trở ngại cũng không ngã lòng. Điều đáng sợ là e khó, ngại mệt, gặp thử thách là dừng chân lui bước thì chẳng bao giờ đến đích được.

Hằng ngày chúng ta đặt ra những mục tiêu nhỏ và quyết tâm thực hiện cho kỳ được, thí dụ: chúng ta nhất định từ bỏ lòng tham dục, cái gì trái đạo là không làm, không để các điều xấu lồi cuốn hay nhận chìm, đó là thành đạo bỏ lòng tham dục.

Chúng ta tập bỏ tánh nóng giận, ai phá cũng mặc, ai chê cũng cười, đó là thành đạo bỏ được nóng nảy, sân hận.

Chúng ta quyết trừ si mê, nhận chân giá trị của mọi sự vật, biết phải trái, chánh tà, đó là thành đạo bỏ được si mê vọng tưởng.

Năm nay quyết ăn chay trường, giữ đủ giới cấm, tụng kinh, trì chú, làm lành lánh dữ, đó là thành đạo trong việc tự tu tự học. Năm sau quyết học cho thông, tham thiền nhập định để ngộ chân tâm, chứng thật tướng, tu hành thanh tịnh, độ mình, độ người đó là thành đạo trong

việc tự giác, tự tha.

Chúng ta phải hiểu rằng đã mang thân người thì nhiều nét tốt nhưng cũng có đủ tật xấu, có lúc tinh tấn thì cũng có lúc giải đãi, có lần thành công thì cũng có phen sụp đổ, sa hầm. Cho nên phải tu tập đều đều cho thành thói quen, bớt một việc ác thêm một việc lành. Đừng để sáu căn, sáu trần, làm chủ lôi cuốn mình vào đường lầm lạc mà phải phân tích rõ rệt đâu là việc làm cho bản ngã thấp hèn, đâu là hành động phụng sự cho toàn thể chúng sanh. Phải thấy tất cả là một, phải chuyển thức thành trí, bỏ các nhận thức sai lầm, chấp trước, vị kỷ, dùng trí huệ sáng suốt làm những việc đúng với sự thật, xứng với Tánh, y như Pháp, phá trừ chấp ngã và chấp pháp, bỏ cái thấp hèn để hướng về chỗ cao cả. Phải biết quán xét vạn vật vô thường, quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ. Nếu có lỗi lầm thì thành tâm sám hối, ngã nơi đâu thì chống tay nơi đó mà đứng dậy, không tái phạm nữa. Chúng ta vẫn sống như thường, mắt vẫn nhìn, tai vẫn nghe nhưng tâm đã thay đổi khác trước, quan niệm, nhận xét không còn như lúc chưa tu. Mắt nhìn sắc nhưng biết đó là giả hợp, tai nghe tiếng nhưng biết đó là hư huyền, mũi ngửi mùi nhưng biết đó là mộng ảo, lưỡi nếm vị nhưng biết đó là vô thường, thân xúc chạm nhưng biết đó là bất tịnh, ý tác định, có định mới có huệ, nhờ trí huệ sáng suốt mà thay đổi cuộc đời hoán cải thân tâm, hướng mọi việc làm đến chân thiện mỹ. Đó là tiến bước khá xa trên đường thành đạo rồi.

Cứ tinh chuyên mà tiến tu, mai một chút, mai một phần, kiếp này chưa được thì kiếp sau, đừng quan tâm thời gian, đừng bận lòng chứng đắc, nhiều cái thành đạo nhỏ hợp thành cái thành đạo lớn lao tuyệt vời.

Nhân ngày lễ Thành Đạo của đức Phật Thích Ca, nguyện cầu tất cả chúng sinh hết khổ, bớt mê, nhờ có những thành đạo nhỏ, rồi sẽ được sáng suốt, giác ngộ và giải thoát hoàn toàn chờ lúc thành đạo lớn. /.

Tâm Hòa suu tầm

(tiếp theo)

92. Tại sao phải ăn chay trong các ngày trai giới?

100

Câu hỏi Phật pháp

PHƯỚC THÁI

Hỏi: Kính bạch thầy, người Phật tử ăn chay có ăn chay kỳ và ăn chay trường, con chưa hiểu tại sao phải ăn chay trong các ngày trai giới? Và những ngày trai là những ngày gì? Kính xin thầy từ bi giải đáp cho chúng con được rõ.

Đáp: Theo kinh Thế Ký trong Trường A Hàm và Luận Đại Trí Độ nói, thì những ngày trai là ngày tuần thú của sứ giả các cõi trời Tứ Thiên Vương và trời Ma Hê Thủ La. Những vị này lãnh sứ mạng thị sát nhơn gian xem sự hành thiện tu tập của nhơn gian như thế nào rồi về tâu lại với Thiên vương. Nếu như mọi người biết lo làm lành tạo phước như bố thí và hiếu thảo với ông bà cha mẹ thì số lượng sanh thiên sẽ được gia tăng. Bằng ngược lại, thì sự sanh thiên sẽ bị giảm thiểu. Do đó, mà ở nhơn gian người ta cố gắng tu tạo phước lành trai giới, chay tịnh trong những ngày trai để được sinh về các cõi trời. Đồng thời, vào những ngày trai các vị quý thần cũng thường du hành trong nhơn gian và thường quở phạt gây ra tai họa cho những người không tu tập, kém phước đức. Chính vì thế, mà Phật dạy các hàng Phật tử tại gia nên cố gắng tu tạo phước đức vào những ngày chay tịnh. Nhờ tăng trưởng phước đức tu trì mà có thể vượt qua mọi tai nạn khổ ách.

Trong một tháng có nhiều ngày trai, tùy theo sự phát nguyện thọ trì trai giới của Phật tử mà có ra nhiều ngày trai khác nhau. Nhưng chủ yếu là các ngày mùng tám, mười bốn, rằm và ba mươi. Vì những ngày này, các vị Thiên sứ vâng mệnh của Thiên vương tuần hành thường xuyên để khuyến khích nhơn gian tu phước sanh thiên. Bởi thế, nên trời Đế Thích có bài kệ tán thán:

*Người nào lấy ngày tám
Mười bốn, rằm mỗi tháng
Để tu hành trai giới
Người ấy đồng với ta.*

Ngoài ra, còn có các ngày trai khác. Nếu người

nào ăn chay mười ngày, thì ăn vào các ngày 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30. Đây gọi là thập trai. Còn nếu ăn sáu ngày (lục trai) thì: 8, 14, 15, 23, 29, 30. Nếu ăn bốn ngày (tứ trai) thì: 1, 14, 15, 30. Nếu ăn hai ngày (nhị trai) thì: mùng 1 và rằm. Ngoài ra, còn có tam nguyệt trai, tức thọ trì trai giới vào những tháng: tháng giêng, tháng bảy và tháng mười. Có người ăn luôn ba tháng, thì bắt đầu ăn từ rằm tháng tư cho đến rằm tháng bảy.

Việc thọ trì trai giới để tu tập tạo thêm phước đức là tùy thuộc vào sự phát nguyện của người Phật tử. Thông thường, người Phật tử sau khi quy y, tối thiểu phải thọ trì 2 ngày chay: mùng một và rằm. Vào những ngày trai giới, người Phật tử nên cố gắng gìn giữ tâm ý mình cho được thanh tịnh bằng cách tụng kinh, niệm Phật và tu tạo nhiều phước thiện v.v... Đó là điều rất tốt cho người Phật tử bền chí tu tập vậy.

93. Tượng Phật có từ lúc nào ?

Hỏi: Kính bạch thầy, con thường phát tâm hy cúng tượng Phật cho các chùa, nhưng thú thật, con chưa hiểu rõ lắm về nguyên nhân do đâu mà có tượng Phật và tượng Phật có từ lúc nào? Ai là người tạo tạc tượng Phật đầu tiên? Kính xin thầy từ bi hoan hỷ giải đáp cho chúng con được rõ.

Đáp: Căn cứ vào kinh Phật Thuyết Đại Thừa Công Đức Tạo Tượng (Đại chính tân tu đại tạng kinh, tập 16, tr. 790a), thì tượng Phật đã có ngay từ thời Phật còn tại thế. Nguyên khởi là do vua Ưu Đà Diên, trị vì nước Câu Diệm Di là người đầu tiên dùng gỗ thơm chiên đàn tạo ra hình tượng đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Kinh văn nguyên tác rất dài, ở đây, chúng tôi

chỉ xin được tóm lược nội dung qua một vài ý chính như sau: “Sau gần 49 năm thuyết pháp độ sanh, trong mùa an cư cuối cùng, Đức Phật liền nghĩ đến thánh mẫu Ma Da, nên Ngài tạm xa rời nhơn gian để lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho thánh mẫu và chư Thiên nghe. Trong thời gian này, vua Ưu Đà Diên, ngày đêm hằng trần trở thao thức nhớ nghĩ đến Phật. Vì ông là một Phật tử rất thuần thành và luôn sùng kính Tam Bảo. Do tấm lòng nhớ nhung tha thiết đó, là động cơ chính yếu thúc đẩy ông phải gấp rút tạo hình tượng Phật. Đó là một việc làm nhằm mục đích thể hiện lòng khao khát kính ngưỡng của ông đối với Đức Phật. Đồng thời, ông cũng muốn lưu lại hình bóng của Đức Thế Tôn trong những lúc Ngài không có mặt ở nhơn gian.

Sau khi nghĩ thế, nhà vua liền ra lệnh triệu tập các điêu khắc gia nổi tiếng trong nước để điều khắc tạo hình tượng Phật để chiêm bái. Nhưng, lệnh truyền ra, mà không có ai dám đảm nhận trọng trách này. Vì họ nghĩ rằng, thân Phật tướng hảo quang minh, oai nghiêm cao quý, hình dung của Ngài siêu trần tuyệt thế, làm sao có thể tạc tượng chuyển tải được những đức tướng giống hệt Ngài được. Thật là một việc làm vô cùng khó khăn, nếu không khéo sẽ trở thành đắc trọng tội với Đức Phật. Do nghĩ thế, mà không một người thợ điêu khắc nào dám nhận lãnh.

Lúc bấy giờ, có một vị Trời tên là Tỳ Thủ Yết Ma, biết được việc đó, liền biến hóa ra một người thợ mộc. Vị thợ mộc này, liền đến trước mặt nhà vua tâu rằng: “*Muôn tâu Đại vương, tôi là một thợ mộc khéo tay nghề, xin hết lòng vì nhà vua mà tạo tượng Phật. Việc làm của tôi, quyết không để cho nhà vua thất vọng. Vậy, cúi xin Đại vương chớ tìm người khác hãy để cho tôi đảm nhận trọng trách này*”.

Nghe qua, nhà vua chấp thuận và ra lệnh phải thi hành ngay. Với bàn tay tuyệt xảo của vị trời này, chỉ trong vòng thời gian một ngày, thì tượng Phật đã được hoàn tất. Hình tượng Phật điêu khắc tuyệt đẹp, nhà vua rất ưng ý hài lòng. Nhà vua chiêm ngưỡng trầm trồ khen ngợi, phát hỷ tâm thanh tịnh, liền chứng Nhu thuận nhãn. (Nhu thuận nhãn nghĩa là tâm nhu,

trí thuận; theo Vô Lượng Thọ Kinh, thì nhu thuận là một trong 3 pháp nhãn : Âm hưởng nhãn, nhu thuận nhãn, và Vô sinh pháp nhãn). Ngay sau khi chứng được Nhu thuận nhãn, nhà vua vô cùng hoan hỷ mừng rỡ, bao nhiêu phiền muộn đều tiêu tan hết.

Về công đức tạo tượng, cũng theo kinh văn nói trên, Đức Phật dạy rằng: “*bất cứ ai dùng những vật liệu như: tơ sợi thêu thùa tượng Phật hoặc dùng chì, kẽm, vàng, bạc hay các loại gỗ thơm chiên đàn v.v... tô đắp tạc tượng, khiến mọi người chiêm ngưỡng lễ bái, thì đều được phước báo vô lượng vô biên. Người đó sẽ được hình tướng đoan trang và sẽ tiêu trừ được những tội cực trọng*”.

Qua đó cho chúng ta thấy rằng, người tạo nên tượng Phật hoặc người góp tịnh tài hỷ cúng vào công việc tạo tượng này, thì cả hai đều được phước đức rất lớn lao. Vì người Phật tử góp phần vào việc duy trì Tam Bảo để làm lợi lạc cho nhơn sinh. Nhờ đó, mà Phật pháp mãi được lưu truyền rộng rãi và cũng nhờ đó mà mọi người mới nghĩ nhớ đến ân đức cao sâu rộng rãi bao la của Đức Phật. Có tướng niệm như thế, người Phật tử mới thiết tha nỗ lực hành trì và quyết lòng noi theo tám gương hạnh nguyện từ bi vị tha cao cả của Đức Phật mà gắng công tu hành để chóng được giác ngộ giải thoát.

Tóm lại, nhờ vua Ưu Đà Diên mà hôm nay, chúng ta mới có được những tượng Phật để tôn thờ. Dù điêu khắc hay tô đắp tạc tạo với bất cứ hình thức vật liệu nào, tất cả cũng nhằm một mục đích chung là mang lại một sắc thái thẩm mỹ để phát khởi tín tâm của những người hâm mộ sùng bái ở nơi Đức Phật. Thế nên, các nhà điêu khắc tạo tượng cũng phải có một năng lực chuyên môn và một cảm quan sâu sắc, mới có thể thực hiện hoàn mỹ công việc này. Đó là một phước đức rất lớn lao mà không phải ai cũng có thể tạo nên được.

94. Tam đức là gì?

Hỏi: *Kính bạch thầy, con có nghe bằng giảng nói về tam đức: trí đức, đoan đức và ân đức. Nhưng con không hiểu ý nghĩa về ba đức này*

như thế nào? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con hiểu.

Đáp: Tam đức thuộc về pháp số hay danh số. Tam đức gồm có:

1. Trí đức hay còn gọi là quán đức nó có nghĩa là, người tu hành cần phải dùng trí huệ quán sát các pháp đều là hư giả không thật. Nhờ quán sát như thế, nên không nhiễm trước ở nơi các pháp. Do đó, hành giả sẽ được giải thoát.
2. Đoạn đức là chỉ cho đoạn dứt hết các thứ vô minh phiền não lậu hoặc.
3. Ân đức là chỉ cho cái đức ban ân huệ cho chúng sanh. Ân đức này là do nguyện lực của Phật và Bồ tát luôn luôn cứu độ chúng sanh. Người có ân đức là người luôn có tâm hồn rộng lượng bao dung tha thứ và làm lợi ích cho muôn loài.

95. Ý nghĩa lá cờ Phật giáo.

Hỏi: *Kính bạch thầy, có người hỏi con về ý nghĩa lá cờ Phật giáo. Họ hỏi tại sao có 5 màu khác nhau. Vậy 5 màu đó tượng trưng cho ý nghĩa gì? Thật sự con không hiểu, xin thầy giải đáp cho con rõ.*

Đáp: Lá cờ Phật giáo đã được chấp thuận bởi Hội Nghị Liên Hữu Phật giáo Thế Giới, tổ chức lần đầu tiên tại thủ đô Colombo Tích Lan, từ ngày 26 tháng 5 năm 1950 đến ngày 7 tháng 6 năm 1950. Lá cờ 5 sắc là tượng trưng cho Ngũ căn Ngũ lực. Ngũ căn gồm có: *tín, tấn, niệm, định, huệ*. Còn Ngũ lực chỉ là tăng sức cho ngũ căn thêm lực dụng mạnh mẽ hơn mà thôi.

Như chúng ta tin vào Tam bảo hay lý nhân quả, nhưng lòng tin của chúng ta chưa được vững chắc mạnh mẽ, nên cần phải có niềm tin vững chắc mạnh mẽ hơn, đó là phạm vi của tín lực. Nghĩa là có thêm năng lực thúc đẩy niềm tin vững mạnh hơn lên. Tấn là tinh tấn, tức siêng năng hành trì về một pháp môn nào đó. Như siêng năng niệm Phật chẳng hạn. Mặc dù chúng ta có siêng năng, nhưng sự siêng năng của chúng ta chưa được mạnh mẽ, nên cần

phải có tấn lực vào, thì sức siêng năng niệm Phật của chúng ta mới được dũng tiến hơn. Nhờ sức tinh tấn nên chúng ta luôn luôn nhớ đến danh hiệu Phật mà chuyên trì không gián đoạn. Sự chuyên chú hằng nhớ, đó là Niệm. Từ niệm chuyên chú lâu ngày thuần thực, thì Định lực phát sanh. Khi đã có định, tất nhiên là có Huệ. Đó là ý nghĩa đại khái của Ngũ căn và Ngũ lực.

Tóm lại, Năm màu của lá cờ là biểu trưng cho ý nghĩa ngũ căn ngũ lực là như thế. Ngoài ra, nó còn biểu trưng cho ý nghĩa tinh thần hòa hợp của Phật giáo. Phật giáo luôn chủ trương hòa bình. Cho nên, nhưn loại khắp năm châu, tuy màu da chủng tộc có khác nhau, nhưng Phật giáo xem nhau như tình huynh đệ một nhà. Với tinh thần từ bi, bình đẳng, lục hòa, Phật giáo không có phân chia giai cấp hay phân biệt khác nhau màu da chủng tộc. Vì tất cả đều có chung một nguồn tuệ giác (Phật tánh) như nhau. Vì vậy, nên lá cờ Phật giáo ngoài ý nghĩa biểu trưng cho giáo lý, nó còn nói lên tinh thần thích nghi hòa hợp đó.

96. Sự khác biệt giữa tượng Phật Thích Ca và Phật Di Đà.

Hỏi: *Kính bạch thầy, xin thầy chỉ cho chúng con sự khác biệt giữa hình tượng Phật Thích Ca và Phật A Di Đà khác nhau ở điểm nào?*

Đáp: Sự khác biệt giữa hai tôn tượng Phật Thích Ca và Phật A Di Đà qua một vài đặc điểm của biểu tượng như sau:

1. Phật Thích Ca thường trong các chùa Phật giáo Bắc Tông (Đại Thừa) đều thờ Ngài ở chính giữa chánh điện. Nên gọi Ngài là đấng Trung Tôn, vì Ngài là vị Giáo chủ cõi Ta bà này.
2. Hình tượng Ngài không nhưt thiết phải giống người Ấn Độ, vì theo quan niệm Phật giáo Bắc tông, nhưt là Thiên tông cho rằng, mỗi người đều có ông Phật (Phật tánh) nên người nước nào tạc tượng giống người nước đó. Từ nét mặt cho đến hình tướng. Nên hình tượng thờ trong các chùa không nhưt thiết phải giống nhau. Đó là xét trên đại thể, còn các chi tiết thì tương đối giống nhau.

Như ngồi trên tòa sen, hai bàn tay bắt ấn Tam muội, nhục kế trên đỉnh đầu, đôi mắt mở ba phần tư, và mặc ca sa (y) v.v... Đó là một vài nét biểu tượng của Phật Thích Ca. Ngoài ra, các chùa còn có thờ tôn tượng Đức Phật Thích Ca sơ sinh tay chỉ thiên tay chỉ địa.

Về Tôn tượng đức Phật Di Đà, thông thường, có hai tượng mà chúng ta thường thấy: Tượng Ngài ngồi kiết già trên tòa sen, tay kiết định ấn, tương tự Phật Thích Ca và tượng đứng trên hoa sen lơ lửng trong hư không, bên dưới là bể cả sóng nổi lên rất cao, mắt Ngài nhìn xuống, tay trái bắt ấn cam lồ và đưa lên ngang vai, tay mặt duỗi xuống như sẵn sàng chờ đợi cứu vớt những chúng sanh đang đắm chìm trong bể khổ. Tượng này gọi là tượng Di Đà phóng quang. Về tượng đứng, thường bên cạnh Ngài có hai vị đại Bồ tát Quán Âm và Thế Chí. Bồ tát Quán Âm thì đứng bên tay trái và Bồ tát Thế Chí đứng bên tay phải của Ngài. Đây gọi là tượng Tam Thánh. Về tượng này, thì rất dễ phân biệt khác với tượng Phật Thích Ca. Còn về tượng ngồi, ta nên lưu ý sự khác biệt giữa hai tôn tượng như sau:

1. Tượng Phật Thích Ca không bao giờ duỗi một cánh tay.
2. Tượng Phật Thích Ca thường đắp y choàng qua cổ không có đắp y khoát vuông để trống trước ngực có chữ vạn. Ngược lại, tượng Phật Di Đà có đôi khi người ta tạc tượng Ngài ngồi tư thế kiết già và duỗi xoè bàn tay mặt. Y khoát cổ vuông và trước ngực có chữ vạn. Đó là hai nét chính khác với tượng Phật Thích Ca.

97. Bát kính pháp là gì?

Hỏi: Kính thưa thầy, con nghe nói bát kính pháp mà con không hiểu bát kính pháp là gì? Xin thầy hoan hỷ giải thích cho con rõ.

Đáp: Bát kính pháp hay còn gọi là bát kính giới hoặc bát trọng pháp, gọi tắt là bát kính. Đây là tám pháp mà Phật dạy Tỳ kheo ni phải cung kính tôn trọng Tỳ kheo tăng. Bát kính pháp gồm có:

1. Tỳ kheo ni dầu 100 tuổi hạ, thấy vị Tỳ kheo tăng mới thọ giới, cũng phải đứng lên tiếp

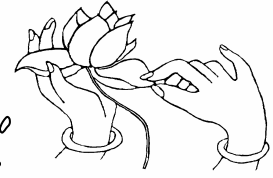
đón lễ bái và trải tòa sạch sẽ mời ngồi.

2. Tỳ kheo ni không được chê bai mắng nhiếc Tỳ kheo tăng.
3. Tỳ kheo ni không được cử tội, nói lỗi của Tỳ kheo tăng, ngược lại Tỳ kheo tăng được quyền nói lỗi của Tỳ kheo ni.
4. Thức xoa ma na (Sa di ni học pháp trước khi thọ giới Tỳ kheo) học giới xong, nên theo chúng tăng cầu thọ đại giới.
5. Tỳ kheo ni phạm tội tăng tàn, nên phải nửa tháng ở hai bộ tăng hành pháp ma na đỏa.
6. Tỳ kheo ni nên trong nửa tháng theo Tỳ kheo tăng cầu thọ học.
7. Tỳ kheo ni không được an cư ở nơi không có Tỳ kheo tăng mà an cư.
8. Tỳ kheo ni an cư kiết hạ xong, nên ở trong chúng Tỳ kheo tăng cầu xin 3 việc đề tự tứ sám hối. (Từ Điển Phật Học Huệ Quang tập 1 trang 574)

(còn tiếp)



Hãy ứng dụng bí pháp Trong Kinh Pháp Hoa vào đời



Kinh Pháp Hoa gọi tắt, gọi cho đủ là kinh Diệu Pháp Liên Hoa, là bộ kinh lớn nhất thuộc Phật giáo Đại thừa hay Bắc tông. Trong phẩm Pháp Sư, đức Phật đã dạy:

*“Được vương nay bảo ông,
Các kinh của ta nói,
Mà ở trong kinh đó,
Pháp Hoa tốt thứ nhất.”*

Bộ kinh Pháp Hoa gồm có 7 quyển và được chia làm 28 phẩm, chứa đựng hơn sáu muôn lời, nghĩa lý đã sâu xa, văn tự lại quá rộng, khiến người đọc khó lãnh hội được. Trong kinh đức Phật lại dùng nhiều bí pháp ẩn dụ như ngón tay chỉ mặt trăng để hiển bày Phật tông, ngộ nhập Phật Tánh, hay nói cách khác là đức Phật mở ra Phật thừa để đưa chúng sanh tiến lên Phật quả. Trong Phẩm Phương Tiện, đức Phật đã nói rõ như sau:

*“Xá Lợi Phất nên biết,
Ta vốn lập thế nguyện,
Muốn cho tất cả chúng,
Bằng như ta không khác.”*

Như vậy, bản hoài của đức Phật ra đời là muốn cho chúng sanh nhận biết được Phật tánh của mình, cho nên Ngài mới nói kinh Pháp Hoa suốt bảy năm để chỉ dạy chúng sanh con đường tu hành đạt đến quả Phật. Do đó, muốn sớm được thành Phật thì phải thọ trì kinh Pháp Hoa tức là ứng dụng những bí pháp trong kinh Pháp Hoa vào đời sống hằng ngày.

Ở nước ta, mỗi khi có lễ cầu an, thượng thọ, quý Thầy các chùa và Phật tử tại gia thường đem phẩm Phổ Môn thứ 25 trong kinh Pháp Hoa ra tụng, nhưng không có thọ trì, nhiều khi không rõ nghĩa lý chi cả và có lắm người lấy làm tự mãn là mình đã tụng được mấy ngàn bộ kinh Pháp Hoa rồi sinh tâm ngã mạn tự cao như Sư Pháp Đạt trong kinh Pháp Bảo Đàn bị Tổ Huệ Năng quở rằng: *“Người tên Pháp Đạt, nào có Đạt Pháp!”* Rồi Tổ nói kệ tiếp:

*“Người tên là Pháp Đạt
Siêng tụng kinh không dứt.
Tụng không theo âm thanh,
Minh tâm mới gọi Phật.
Người nay bởi có duyên.
Ta mới nói chơn pháp,
Tin chắc Phật không lời,
Liên Hoa do miệng phát.”*

Theo bài kệ, Tổ dạy Sư Pháp Đạt tụng nhiều kinh mà kể công thì phước đức thuộc về hữu vi, hữu lậu. Nếu tụng mà thấy tánh và chẳng thấy công thì phước đức thuộc vô vi lớn vô cùng. Hơn nữa, người tu hành đã đạt đến Phật tánh rồi thì không còn dùng ngôn ngữ văn tự, bởi vì đó chẳng phải là Đạo. Đạo vốn vô vi do nội tâm mà ngộ, chớ không phải do nơi ngôn ngữ âm thanh. Nếu tụng kinh mà cố chấp vào âm thanh thì không thấy tự tánh và trái với Đạo, cho nên đức Phật mới nói rằng Ngài không có nói pháp suốt trong 49 năm. Trường hợp sư Pháp Đạt tin tưởng rằng Phật chưa từng nói pháp mà lìa cái tướng nói năng, quên công tụng kinh, được như thế mới gọi thọ trì kinh Pháp Hoa hay thực hành kinh Pháp Hoa, thể nhập vào chơn không, diệu hữu và hoa sen phát ra từ miệng vậy. Trái lại, tụng mà không hiểu rõ nghĩa lý, chẳng thấy tánh mình và không nhận ra bí pháp của kinh thì đó là tụng không theo âm thanh, hao hơi tổn sức mà chẳng ích lợi gì!

Ở nước Nhật, người tu theo Pháp Hoa tông không cần đọc tụng cả phẩm hoặc cả bộ kinh mà chỉ niệm đề kinh: Nam Mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh rồi thọ trì hay thực hành từng chữ như Diệu, hoặc hai chữ như Diệu Pháp, Liên Hoa hay cả đề kinh. Nhờ vậy mà dân Nhật tiến bộ và văn minh hơn dân ta nhiều.

Vậy trước khi ứng dụng những bí pháp trong kinh Pháp Hoa, tưởng cũng nên tìm hiểu ý nghĩa của đề kinh.

Nam Mô tiếng Phạn đọc là Năng Mồ có nghĩa là quy y, quy mạng, lễ bái, cúng dường, cứu khổ con, độ cho con, tức là đem cả thân và tuệ mạng về nương theo đức Phật, cúng dường lễ bái Phật tánh của mình và cầu xin Phật tánh mình cứu độ ma tánh của mình.

Đại Thừa là chiếc xe lớn chở được nhiều người như xe buýt, xe lửa. Ý nói giáo lý đại thừa rộng lớn cứu độ được mọi loài chúng sanh và người tu đại thừa vì người quên mình, không những liễu nghĩa kinh mà còn hành theo nghĩa ấy một cách thấu triệt. Vậy người tu theo Đại Thừa như một sinh viên đang học ở đại học còn người tu theo Tiểu Thừa như học sinh ở trung học.

Diệu pháp là pháp diệu. Chử Pháp là phép tắc, luật pháp. Theo Phật giáo thì chử Pháp có nghĩa là nhậm trì tự tánh hủy sanh vật giải tức là cái gì giữ nguyên tự tánh không cho mất và khi người ta nhìn vào nó biết nó là vật gì rồi, kể cả pháp hữu vi và pháp vô vi. Như cái nhà, hạt cát, cây cỏ, hư không. Tướng của các pháp luôn sanh, trụ, dị, diệt nhưng bản tánh của nó không thay đổi, nên kinh nói: “Pháp trụ, pháp vị tướng thể gian thường trụ” : Nếu lấy con mắt của chúng sanh mà nhìn các pháp thể gian thì thấy chúng biến đổi, nhưng đem con mắt Phật mà nhìn thì các pháp lậu và vô lậu tánh tướng của nó tự giữ gìn xưa nay không đổi vậy.

Chử Diệu có bốn nghĩa: Xảo diệu, Thắng diệu, Vi diệu và Tuyệt diệu.

1.- **Xảo diệu** là khéo léo, dịu dàng, nhã nhặn, nhẹ nhàng từ ý nghĩa, lời nói, cử chỉ, việc làm hằng ngày trong gia đình, nơi làm việc, ngoài xã hội. Vì vậy lúc nào cũng phải giữ gìn lời nói thật nhẹ nhàng hòa nhã, khiến người nghe dễ chịu:

*“Lời nói không mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.”*

2.- **Thắng diệu** là vượt hơn người, chiến thắng được, nhiệm mầu.

Trong Kinh Pháp Cú, đức Phật dạy: “Thắng muôn ngàn quân địch không bằng tự thắng

mình. Tự thắng mình là chiến công oanh liệt nhất”. Đó là mình tự chiến thắng các thói hư, tật xấu nơi mình như Tham, sân, si, kiêu căng, ngã mạn, tự cao, thất tình lục dục và tám thứ gió độc thổi vào mình hằng ngày cùng với 54 tâm sở xấu thiêu đốt trong ta không giờ phút nào ngơi nghỉ. Chiến thắng được các thứ này rồi thì lòng ta thư thái, đời ta sẽ tràn đầy hạnh phúc, yên vui, tự tại.

3.- **Vi diệu** là tinh vi, mầu nhiệm. Trong bài kệ khai kinh có câu: “Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp” nghĩa là cái pháp rất cao sâu mầu nhiệm không thể nghĩ bàn được. Đức Phật cho rằng mọi người không có hận thù trong giọt máu cùng đỏ, không có giai cấp trong nước mắt cùng mặn”, cho nên Ngài độ cho ông Ưu Ba Li thuộc giai cấp hạ tiện xuất gia làm Tăng khiến vua Ba Tư Nặc không hài lòng đến trách Phật: “Tại sao Ngài cho dòng Chiên Đà La vào hàng Tăng sĩ làm dơ đi sự thanh khiết giới Tăng già?” Đức Phật liền trả lời: Con người khi mới sinh ra không thành ngay Bà la môn hay Sát đế lợi, Tệ xá hoặc Chiên đà la mà tất cả đều do việc làm của họ thôi. Mấy tháng sau vua Ba Tư Nặc trở lại thăm Phật khi vừa đến trước cổng tịnh xá, thấy có một vị Tăng từ cục đá chỗ cổng chui ra rồi bay lên hư không, sau đó thu hình biến vào cục đá làm cục đá xẹt lửa khiến nhà vua giật mình vội quỳ xuống lạy. Khi vào gặp Phật nhà vua đem việc mình thấy kể cho Phật nghe rồi hỏi vị sư nào mà thần thông giỏi như vậy? Đức Phật cười bảo là ông Ưu Ba Li dòng Chiên đà la mà trước kia nhà vua không hài lòng đó. Từ đó, nhà vua hết lòng kính trọng và thấy được sự mầu nhiệm của pháp Phật. Như vậy ai tu cũng đều được chứng quả, không có phân biệt nam nữ, già trẻ, sang hèn, lành dữ, kể cả các loài súc sanh. Nàng rồng mới tám tuổi dâng châu cúng Phật và nhờ tu theo kinh Pháp Hoa mà sớm được thành Phật. Vô Nã, Đề Bà Đạt Đa, vua A Xà Thế là những tên cực ác cũng được Phật cứu độ.

4.- **Tuyệt diệu** là nhiệm mầu cùng tốt, không còn dùng ngôn ngữ, văn tự và sự suy nghĩ, phân biệt. Đó Là:

*“Thanh thanh thúy trúc tổng thị chân như,
Uất uất huỳnh hoa vô chi bát nhã.”*

Nghĩa là:

“ *Murót murót tre xanh tất cả đều là chân như,
Mơn mơn mai vàng, đầu đầu cũng là bát nhã.* ”

Vậy thì chân như và bát nhã ở ngay trước mắt ta, nhưng ta cứ lo đi tìm mãi. Ngài Huệ Năng đã mất hết chín tháng trời kiên nhẫn ở nhà bếp cố gắng giã gạo. Một hôm Tổ Hoằng Nhẫn đến nhà bếp gặp Huệ Năng đang giã gạo liền hỏi:

- Gạo đã trắng chưa?
- Gạo đã trắng rồi, nhưng còn thiếu cái sàng, Huệ Năng đáp. Ý nói Huệ Năng đã ngộ đạo, còn thiếu sự ấn chứng của Tổ mà thôi.

Tổ cầm gậy gõ vào cối ba cái rồi bỏ đi. Huệ Năng hiểu ý đến canh ba vào gặp Tổ và được truyền y bát rồi Tổ đưa Huệ Năng xuống thuyền đi về phương Nam đợi thời cơ hoằng pháp.

Chữ **Liên Hoa** là hoa sen luôn sống ở bùn lầy, nhưng không bị nhiễm bùn “*gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*”. Hơn nữa, hoa sen còn có những đặc điểm như sau: Không nhiễm bùn, gạn lọc nước đục dơ thành trong sạch, củ sen dù bỏ trên khô hoặc dưới nước không chết, đủ duyên bùn nước là nảy mầm trở hoa, các loài côn trùng không bu đậu, sen nở vào mùa Hè làm mát dịu lòng người và sinh vật trong ao, từ cái nhân đến cái quả hoàn toàn viên mãn tròn đầy, thân cây ngay thẳng, cái ruột trống rỗng, vừa có hoa, vừa có hạt, gọi là nhân quả đồng thời không giống các loài hoa khác có hoa trước rồi có quả sau.

Chữ **kinh** nguyên là chữ canh, tức là những sợi chỉ ngang dọc kết hợp lại thành tấm vải, có nghĩa thu tóm lại những lời Phật dạy suốt 49 năm. Kinh gọi cho đủ là kệ kinh, bởi vì những lời Phật dạy phù hợp với căn cơ, trình độ của chúng sanh. Riêng kinh Pháp Hoa gồm có năm nghĩa: Xuất sanh, Hiện thị, Tuyên dũng, Thăng mặc và Kết man.

Ý nghĩa đề kinh đã rõ ràng, bây giờ chúng ta thử tìm bí pháp của nó rồi ứng dụng vào đời sống hằng ngày vậy.

Bí Pháp là pháp bí mật nằm trong kinh khác với nghĩa thường mà Phật đã dạy. Muốn thực hành bí pháp trong kinh ta phải trải qua quá trình chuyển hóa từ pháp thô đến pháp tế, pháp vi rồi pháp diệu. Thô là thô bạo, Tế là tế nhị,

Vi là tinh vi, Diệu là diệu hữu, nhiệm màu không thể nghĩ bàn. Để cho dễ hiểu, xin mượn câu chuyện như sau: Một hôm thằng bé đòi ăn kẹo, mẹ nó đang bận việc bảo: con vào phòng lấy một ít ăn. Nó chạy vào phòng thấy hủ kẹo, sanh lòng tham, thọc tay vào hủ nắm một nắm kẹo thật lớn, nhưng không rút tay ra được. Nó sợ quá liền đập hủ vào tường làm bể hủ văng tứ phía rồi đứng khóc. Mẹ nó vội chạy vào thấy vậy, liền chửi rửa và đánh nó rồi bỏ đi ra, đó là bà mẹ dùng pháp thô giáo dục con khiến đứa bé lớn lên dễ bị hư hỏng. Cũng câu chuyện đó, một bà mẹ khác chạy vào thấy con khóc liền bảo: Đừng khóc, con có đau không? Thôi, hãy lượm sạch các thứ bỏ vào thùng rác nhé! Đó là bà mẹ dùng pháp tế dạy con. Một bà mẹ khác thấy vậy bèn an ủi con: bỏ đi, đừng khóc, rồi bà lo nhặt hết các thứ bỏ vào thùng rác đem đi đổ. Đó là bà mẹ biết dùng pháp vi dạy dỗ con. Nhưng một bà mẹ khác vào phòng thấy con như vậy liền ôm con vào lòng, lau nước mắt và an ủi: Để mẹ mua nhiều kẹo khác cho con, lần sau đừng làm bể hủ, nó cắt đứt tay, rồi bà dọn các thứ đó. Đó là bà mẹ biết dùng pháp diệu để dạy dỗ con vậy. Hỏi các bà mẹ hãy áp dụng pháp diệu để dạy con cháu của mình! Đừng bao giờ dùng pháp thô bạo chửi rửa hay đánh đập chúng, bởi vì tâm hồn chúng như tờ giấy trắng, không nên rầy vào đó những vết dơ bẩn mà phải viết vào đó bằng nét chữ mực xanh tràn đầy hy vọng và không nên dùng câu tục ngữ “thương cho roi cho vọt” để dạy trẻ.

Bí pháp của pháp diệu như vậy, còn liên hoa bí pháp như thế nào? Hoa sen có nhiều đặc tánh như đã nói ở trên, cho nên Đức Phật mượn hoa sen đặt tên cho bộ kinh lớn nhất của Ngài nhằm ngụ ý nói lên pháp diệu luôn luôn đi thẳng vào đời để cứu giúp chúng sanh, như hoa sen sống trong bùn và nhờ bùn mà tăng trưởng, đơm hoa, kết hạt, tỏa hương thơm. Tuy đức Phật muốn mượn hoa sen thí dụ cho giáo pháp nhập thế của Ngài, nhưng đồng thời Ngài cũng muốn nói đến các hoa sen ngàn cánh nở trên đỉnh đầu Phật tỏa sáng, trong đó có đức Phật ngồi nói thân chú Lăng Nghiêm ở pháp hội Thủ Lăng Nghiêm. Chúng ta biết rằng trên đỉnh đầu mỗi người có 100 sợi dây thần kinh tụ lại một chỗ gọi là huyết bách hội. Mỗi dây thần kinh lại có 10 đạo hào quang, vậy: 100 x 10 = 1,000 đạo hào quang. Người có lòng từ bi

thì thường tỏa ánh sáng xanh, người có trí tuệ thì có ánh sáng vàng, người có cái tâm thanh tịnh thì tỏa sáng màu trắng, người nhiệt tình làm việc giúp đời thường có ánh sáng màu đỏ và những người tu quán chiếu từ Oam đến Hùm tức là từ đầu đến chạng giữa hai đầu lông mày có ánh sáng màu vàng xanh. Trường hợp chứng thành Phật thì có hào quang năm sắc như đức Phật. Chúng ta phải đọc tụng và liễu nghĩa kinh rồi thọ trì sao cho các hoa sen trên đỉnh đầu mình nở ra, phóng hào quang và tỏa hương thơm ngát. Hoa sen cũng trải qua bốn giai đoạn: Thân, Tế, Vi và Diệu. Thân là cọng sen, tế là cánh hoa sen, Vi là nhị sen và Diệu là sợi tơ trong ngó sen. Một khi bẻ ngó sen thấy có một sợi tơ kéo dài dính liền không đứt, cho nên cụ Nguyễn Du trong truyện Kiều mượn nó để tả tâm trạng yêu đương giữa nam và nữ khó dứt được: “Dầu lia ngó ý, còn vương tơ lòng”. Chính sợi tơ lòng đó đã khiến nhiều người xuất gia phải phá giới hoàn tục như mấy câu ca dao sau đây:

*“Sư đang tụng niệm nam mô,
Thấy cô cắp giỏ mò cua bên chùa.
Lòng sư luống những ngán ngơ,
Bỏ kinh, bỏ kệ tìm cô hỏi chào...”*

Vậy thì bí pháp ở đề kinh Pháp Hoa là Diệu

Pháp, Liên Hoa. Có vận dụng được cái pháp diệu vào đời sống hằng ngày thì gia đình hạnh phúc, xã hội yên bình, quốc gia giàu mạnh; có khai mở được cái hoa sen ngàn cánh ở trên đỉnh đầu tỏa ánh sáng và hương thơm thì mới đắc được Pháp Hoa tam muội ngay đời này.

Để kết luận, xin mượn bài kệ của Tổ Huệ Năng trong Kinh Pháp Bảo Đàn như sau:

“Tâm mê Pháp Hoa chuyển, Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa.

Tụng lâu không rõ ý, Kinh nghĩa ấy thù ta.

Không niệm, niệm mới chánh, Có niệm, niệm thành tà.

Có, không đều chẳng kể, chứng Phật đạo sâu xa.”

Ý nói miệng tụng mà tâm thực hành theo nghĩa kinh thì mình chuyển kinh, còn như miệng tụng mà tâm không làm theo nghĩa kinh thì mình bị kinh chuyển vậy. Hơn nữa, tụng mà không thông nghĩa lý kinh thì đó là kẻ thù làm hại cái đạo mình, cho nên niệm mà thấy tánh là chánh, còn niệm mà không thấy tánh là tà. Nhưng niệm mà không chấp vào có, không, chẳng lìa tự tánh thì Phật đạo dễ thành.

Đồng Minh

Hội Phật Giáo New Caledonia

Chùa Nam Hải Phổ Đà

LỜI CẢM TẠ

Kính thưa Quý cụ cao niên,

Kính thưa Quý đồng hương, quý Phật tử và quý vị hội viên .

Ban tổ chức buổi từ thiện gây quỹ giúp nạn nhân động đất tại NEPAL (của Hội Phật giáo NC) xin chân thành gửi lời cảm tạ đến tất cả quý ân nhân đã mở lòng từ bi chiếu cố đến ủng hộ buổi gây quỹ tại Chùa Nam Hải Phổ Đà ngày 17/05/2015.

Trong không khí nhộn nhịp, tràn đầy tình thân ái có sự hiện diện của Thượng tọa Thích Phước Tấn thay mặt Giáo Hội trung ương ban lời khai mạc.

Buổi gây quỹ được thành công viên mãn nhờ có sự đóng góp nhiệt tình của quý Phật tử, của Hội Ái Hữu VN, Hội nhà thờ Kytô-Vua, Hội

Vanuatu.

Trong khi quý khách dùng các món ăn chay đã được thưởng thức những giọng ca điêu luyện của các nghệ sỹ trong Hội công giáo đến giúp đỡ. Với tinh thần : "Lá lành đùm lá rách" Chùa Nam Hải Phổ Đà cùng cộng đồng người VN tại NC đã góp phần làm ấm áp cho những đồng loại bất hạnh trong mùa đông lạnh giá tại Nepal.

Kính thưa quý vị ân nhân,

Tổng số tiền thu được là: 780.000fcfp sẽ được phái đoàn cứu trợ của Giáo hội trung ương sang Nepal, chuyển đến nạn nhân bị động đất. Ban tổ chức xin trân trọng cảm tạ, tri ân đến tất cả quý vị ân nhân .

Xin kính chúc quý vị thân tâm an lạc, gia đình hạnh phúc thịnh vượng.

Trân kính

Noumea ngày 24/5/2015

Ban Tổ chức buổi gây quỹ từ thiện Hội Phật giáo NC, Chùa Nam Hải Phổ Đà.



Kỷ niệm ngày Lễ Phật Đản Quốc Tế Vesak tại Melbourne

Tịnh Đạt

Đã năm mùa thu trên xứ người, năm mùa thu tôi theo bước chân Thầy Trụ Trì chùa Quang Minh nơi mình tu tập, để góp một bàn tay, một trái tim nhỏ bé vào việc lo cho ngày Đại lễ Phật Đản Liên Hiệp Quốc, trên vùng đất Melbourne thuần lương này.

Chúng tôi, những người không cùng một màu da, không cùng một ngôn ngữ, không cùng một văn hóa. Nhưng cùng mang trong người dòng máu nóng, bầu nhiệt huyết, lòng thành tín, ý nguyện chung làm một Đại Lễ Phật Đản thật tung bừng tại đất Úc đáng yêu này.

Tuy quý thầy vẫn thường dạy chúng tôi rằng người vẫn còn là những bậc phàm tăng. Nhưng riêng tôi, trong một xã hội đầy xa hoa vật chất cám dỗ mà quý thầy còn giữ được chiếc áo nâu sòng, ăn những món ăn đạm bạc, không cầu kỳ xa hoa, diễn nói được những bài Pháp hay để có thể chuyển hoá được không nhiều thì ít tâm tính của chúng tôi, những kẻ lữ hành đang lặn mò trong đêm tối. Tôi tôn kính quý thầy như những bậc A La Hán hiện có trong đời vậy. Trong Kinh Pháp Cú Kệ thứ 98 đáng Từ Tôn có dạy rằng: “Làng mạc hay rừng núi, Thung lũng hay đồi cao, La Hán trú chỗ nào, Đất ấy thật khả ái.”

Mà đúng vậy, đất Melbourne có khả ái thật, để ban tổ chức chúng tôi có thể thỉnh được một phần lớn hàng tăng ni có mặt tại Melbourne, Sydney và Canberra nữa. Để được dâng cơm cúng dường gieo duyên trong ngày lễ Phật Đản Quốc Tế của một năm trong quá khứ. Tôi cho là một hạnh phúc lớn khó gặp, mà tôi có được trong hiện đời. Vậy là chúng tôi đã làm được, mà lại làm trong tâm thanh tịnh và trật tự với sự sắp xếp khéo léo của thầy Phước Tấn cùng các bạn đạo chùa Quang Minh.

Nói theo nhà Phật, nhân duyên đã đến thì mọi việc trở nên dễ dàng thuận tiện. Đủ nhân duyên để tôi nói được lời ủng hộ ý kiến phát khởi của cô Anita về việc cúng dường tịnh phạn hay dana offering, tiếng phạn gọi là Pindabata rồi cùng mọi người xúc tiến công tác Phật sự này.

Đủ nhân duyên để có cô Prue là một giảng viên tại Đại Học RMIT nằm trong ban tổ chức làm liên lạc viên với Ban Lãnh Đạo tinh thần của Đại Học RMIT để chúng tôi có một nơi quá ư là tiện nghi và phải nói là tuyệt vời. Một nơi nằm tại trung tâm thành phố Melbourne dành để phục vụ cho hàng tăng lữ và đại chúng trong việc cúng dường tịnh phạn.

Đủ nhân duyên để Thầy Phước Tấn, người sáng lập ra ủy ban VESAK đứng nhận lãnh trọng trách được Gerald tiếp tay cùng lo cho buổi lễ cúng dường tịnh phạn. Đủ nhân duyên để nhóm Phật tử chùa Quang Minh phát tâm làm công quả lo phần cơm trưa cho đại chúng. Ít nhất cũng phải có đến 500 Phật tử tề tựu về đây để cúng dường cho hơn 60 chư vị Tăng Ni của mọi chùa từ mọi nơi quang lâm đến chốn này. Bây giờ, tôi mới thấy khởi xướng một việc gì cũng phải có người chịu khó, chịu khổ và hy sinh. Người hy sinh lớn trong việc này là vị thầy khả kính của chúng tôi. Không thể tưởng một mình thầy Phước Tấn xông pha trong mọi việc từ 6.30 giờ sáng đến quá Ngọ vừa làm thợ vừa làm thầy. Chúng tôi không ai có được một phần cơm gieo duyên cùng thầy. Chắc là năm sau tôi sẽ cố động thêm các bạn đạo và ngay cả tôi nữa chứ, xung phong gánh bớt phần việc giúp thầy.

Đủ duyên để ban tổ chức thực hiện được điều mong ước của tôi là có được một đại lễ mang sắc thái Đa Văn Hóa từ thức ăn, y phục, biểu diễn văn nghệ vân vân và vân vân. Có những tà áo dài phát phối bên cạnh những bộ quần áo

Âu Tây trang nhã, lịch sự; có bộ trang phục của người phụ nữ Đại Hàn cổ kính, đầy màu sắc chen lẫn những chiếc váy thời trang. Có những bộ áo tràng đầy từ tốn bên những chiếc áo Sa Ri của người phụ nữ Tích Lan. Ôi đẹp làm sao những thời trang một nửa nhu hòa, một nửa rực rỡ đó đã pha trộn một cách sống động như một bức tranh lập thể đầy màu sắc, trong buổi diễu hành trên đường phố Melbourne ngày hôm nay.

Đủ nhân duyên để tôi được làm liên lạc viên giữa các chùa Việt Nam và ban tổ chức trong việc hình thành bốn chiếc xe hoa cung nghinh Đức Thế Tôn đi giữa lòng thành phố Melbourne từ các chùa Bồ Đề, Linh Sơn và Quảng Đức.

Thầy Tịnh Đạo là một trong bốn vị đồng chủ tịch của buổi Đại Lễ đã nói trong tâm rất là hoan hỉ: “DT, thầy đã làm một chuyến hoằng pháp rất lịch sử, những chiếc xe hoa mang Đức Phật ngự trên tòa sen đã được diễu đi khắp thành phố Melbourne, từ ga Flinder Street qua đến các đường phố lớn đông người qua lại, những đại lộ huyết mạch nằm trong trái tim sinh hoạt của thành phố. Xe hoa cũng được diễu qua các quận lỵ có đông đảo người Việt định cư trong hai tuần lễ. Mọi người đổ xô chiêm ngưỡng Ngài. DT có biết, cũng có những người là Phật tử Việt Nam rất vui mừng vì được thấy lại những hình ảnh mà phải mấy mươi năm qua nơi quê nhà, giờ mới thấy lại được. Nhưng cũng có những người không là Phật tử mà phần đông là người Âu, Úc cũng rất vui mừng vì mãi đến giờ này họ mới biết ông Phật của mình. Vậy là Melbourne đã dẫn đầu cho việc đem những chiếc xe hoa xuống đường đi diễu khắp nơi trong thành phố tại xứ người. Năm nay bốn chiếc, năm sau còn nhiều hơn nữa, DT à. Đây là một chuyến hoằng pháp đầy thú vị của thầy vì nó rất thực tế và mang nhiều lợi lạc cho cả người Phật tử và người chưa được nhân duyên làm Phật tử. Nó cũng là cách gieo duyên hữu hiệu nhất mà thầy cảm nhận được khi làm Phật sự này.”

Đây là đề nghị do chính thầy Tâm Phương khởi xướng trong mùa Phật Đản quốc tế VESAK năm 2011 mà cũng chính tôi là liên

lạc viên giữa ban tổ chức và các chùa Việt tại Melbourne. Đây là lần thứ nhì thầy có mặt kể từ Đại lễ năm 2007, bên cạnh là thầy Quảng Ba từ Canberra đến.

Năm nay được ba chùa thực hiện làm bốn chiếc xe hoa lộng lẫy. Xe đến đâu đoàn người hai bên phố đổ xô ra chiêm ngưỡng, chụp hình kỷ niệm đến đấy. Đâu phải một mình quý thầy vui không, mà hàng Phật tử cũng vui nữa. Bốn chiếc xe hoa dẫn đầu đầy màu sắc rực rỡ tôn vinh đức giáo chủ của chúng ta ngự trên tòa sen cùng hình tượng đức Phật Đản sanh, mà tôi cho là kỳ công của thầy Tịnh Đạo, thầy Tâm Phương và sư cô Nhật Liên. Làm sao có thể tưởng được rằng giữa trái tim của Đô thị hoa lệ Melbourne, lá cờ ngũ sắc Phật giáo được trân trọng nằm trong tay sáu người phụ nữ Việt Nam. Đoàn phụ nữ tay nâng cờ, trong tà áo dài đầy màu sắc, bay bay giữa vùng trời an lạc, trong một ngày quang đản tại vùng đất vốn có bốn mùa mưa nắng bất thường. Hàng tầng chúng và Phật tử trong tay phát phối ngọn cờ Phật giáo. Đây cũng cho thấy có sự hoà hợp của tầng đoàn, riêng tầng lữ Việt Nam cũng phải trên ba mươi vị. Sau những năm làm Phật sự này, phải nói đây là lần thứ nhì tôi được chứng kiến sự kết hợp đông đảo của hàng tầng chúng Việt Nam. Ngoài việc kết hợp được đại diện của hầu hết chư vị tôn đức tăng ni tại các chùa, chúng tôi đã làm được việc phổ biến đạo Phật cho mọi người cùng biết. Đây là một việc mà chúng tôi hằng ngưỡng mộ Phật giáo Đại Hàn trong nhiều năm qua.

Hòa Thượng Tuyên Hóa một danh sư đặc đạo có dạy rằng: “Chân hòa Tam muội trong tự tánh của chúng ta vốn là thuần dương, nhưng vì bị chúng ta lạm dụng nên biến thành lửa dục vọng.” Làm tôi nhớ đến đoạn đường đã qua trong những buổi họp để chọn một hướng đi cho việc hình thành một ngày Đại Lễ với đầy đủ ý nghĩa của nó. Đôi khi vì lòng ngã mạn chúng tôi cũng có những đấu tranh tư tưởng để nhằm đòi hỏi những điều mong làm thỏa mãn những ước muốn riêng tư của mình. Nhưng rồi ngã mạn, đố kỵ, tham lam, sân hận đã được thay thế bằng những nụ cười mà tôi cho đó là hình ảnh đẹp nhất trong việc hình thành buổi Đại Lễ.

Thực tế mà nói nếu không có đấu tranh thì không có tiến bộ. Bao giờ sự đấu tranh cũng mang điểm lợi và bất lợi cho một vài cá nhân hay đoàn thể. Đối với tôi thì lợi điểm của việc này là mang đến cho các em gia đình Phật tử chùa Quang Minh có dịp làm quen với những bài hát đạo mà tôi cho là quá hay của người nhạc sĩ Phật tử tài hoa Andrew William. Điều mà làm tôi hài lòng là tinh thần và kỹ thuật của các em rất cao. Mặc dầu điệu múa có hơi tầm thường chưa đạt đúng yêu cầu nhưng chính yếu là tinh thần phục vụ của các em và lòng tự tin khi trình diễn trước hàng ngàn khán giả. Andrew và tôi không chú trọng phần về chuyên môn mà chỉ điều người qua lòng ưa thích và sự nhiệt tâm của các em. Tôi đã nói với Andrew: “Gia đình Phật tử Quang Minh không có những chuyên gia ca múa, nhưng chúng tôi có tấm lòng phục vụ.” Để nâng cao tinh thần các em trong việc hòa nhập với đạo Phật tôi có đề nghị với ông: “Đừng bắt các em chỉ làm con rối không thôi, mà nên cho các em có cơ hội giữ một vài vai trò trong vở kịch để tạo niềm tin.” Andrew rất hài hòa, rất thích cộng tác với chùa Quang Minh, đã bao lần ông nhờ tôi làm gạch nối giữa ông và Phật tử chùa Quang Minh, nay duyên đã tới. Andrew rất tự tin trong việc huấn luyện và tuyển chọn những vai trong vở nhạc kịch do chính ông biên soạn. Đội ca kịch của chùa Quang Minh gồm 11 em tuổi từ 3 đến 16. Ôi! Hồn nhiên và ngây thơ trong tiếng nhạc, tiếng hát thiên thần của các em cũng đã đóng góp một phần nào cho sự thành công của ngày Đại Lễ.

Khen chê là hai mặt của đời sống con người. Riêng với tôi sự thành công hay thất bại đều do sự đóng góp của nhiều nhân tố mà trong đó con người là tác nhân chánh. Phải nói là trên ba ngàn người tham dự và ban tổ chức đều có công đóng góp trong sự thành công này. Vậy thì bài này viết ra không ngoài mục đích chia sẻ những cảm nghĩ về những việc mình có biết mà thôi.

Tôi nhớ lời dạy của thầy trụ trì trong buổi thiền trà đặc biệt dành cho một số ít chúng tôi, những người có được nhân duyên họp mặt cùng thầy tại chùa Quang Minh trong một buổi tối êm đềm và thanh tịnh. Thầy dạy lòng biết

ơn và sự tôn trọng bản thân mình cùng người khác là hai đặc tính quý báu mà chúng ta luôn phải trau dồi. Thay đoạn kết tôi xin được nói những lời sau đây:

Tôi xin cảm ơn sự hiện hữu của tôi trong cuộc đời này để được chứng kiến ngày thành công của buổi Đại Lễ.

Tôi xin cảm ơn một ngày hạnh phúc với khí hậu thật tuyệt vời cho buổi diễn hành trong tâm hoan hỉ của mọi người.

Tôi xin cảm ơn sự cống hiến tim óc của Ban tổ chức để hoàn thành một chương trình với đầy đủ yêu cầu phù hợp cho nhu cầu hiện tại.

Tôi xin cảm ơn sự hiện diện của chư vị tăng ni làm cho buổi lễ vốn đã long trọng càng thêm long trọng.

Tôi xin cảm ơn thầy Phước Tấn người đã dìu dắt tinh thần tôi trong công tác Phật sự này.

Tôi xin cảm ơn thầy Tịnh Đạo, đã chia sẻ những cảm nghĩ về sự diễn biến các cuộc diễn hành của những chiếc xe hoa, trên các đường phố lớn tại Melbourne và chuyến hoằng pháp đầy thú vị của thầy.

Tôi xin cảm ơn thầy Tâm Phương và sáng kiến của thầy về những chiếc xe hoa rước hình tượng Đấng cha lành phải có mặt trong Đại Lễ VESAK năm nay.

Tôi xin cảm ơn Andrew với những bài nhạc đạo đầy ý nghĩa trong âm thanh trầm bổng tuyệt vời của chiếc đàn Tây Ban cầm của ông. Tôi xin cảm ơn đội ca múa thanh thiếu niên Tích Lan và Việt Nam với một tinh thần đồng đội và chia sẻ.

Tôi xin cảm ơn tất cả những thiện nguyện viên giúp đỡ để hoàn thành công tác thật tốt đẹp. Tôi cũng xin cảm ơn tất cả các tham dự viên có mặt trong ngày.

Cuối cùng là tôi xin cảm ơn hơi thở vẫn còn tồn tại trong tôi trong giờ phút này.



NEPAL *Đất nước rất lạ nhưng cũng rất quen*

Trong thời điểm hiện tại, năm 2015, Nepal là một trong 206 quốc gia thành viên của Liên Hiệp Quốc.

Đất nước không lớn, không nổi tiếng thế giới, không được nhiều người biết đến như những cường quốc về kinh tế, chính trị không gian, khoa học kỹ thuật hiện đại v.v...nhưng từ sau trận động đất kinh hoàng ngày 25/4/2015, cả thế giới đều nhìn về Nepal, đều bắt đầu biết thêm ít nhiều về Nepal. Đất nước vốn rất xa lạ trong kiến thức của nhân loại, bỗng chốc trở nên quen thuộc qua những hình ảnh thương tâm được chuyển tải nhanh chóng bằng những phương tiện truyền thông hiện đại nhất.

Riêng đối với đại gia đình Phật Giáo Thế giới thì Nepal là nơi chôn mà nhiều người con Phật đã có lần đặt chân đến! Cũng là giấc mơ của rất nhiều, rất nhiều những Phật tử mong được thăm viếng nơi này!

Và dù đã đến hay chưa đến, một phần nhỏ rất đặc biệt, rất riêng của đất nước Nepal lại chính là nơi chôn rất quen thuộc qua hình ảnh hoặc trong tâm tưởng của chúng ta - những người con của Đức Thích Ca Mâu Ni .

1/ Vài nét về đất nước Nepal

a) Thiên nhiên

Tọa lạc khiêm tốn trên sườn Nam của dãy Hy Mã Lạp Sơn, với diện tích 147.181 km², Nepal như một giải đất hình thang bé nhỏ giữa hai nước láng giềng rất lớn: Trung Quốc phía Bắc và Ấn Độ bao bọc cả ba hướng Tây, Nam và Đông.

Dân số ước chừng 30 triệu người, phần lớn sống trên đồng bằng rất hẹp phía Nam và miền đồi tiếp giáp phía Bắc.

Thủ đô Kathmandu không chỉ là thành phố sầm uất nhất Nepal mà còn là một trung tâm văn hóa – du lịch nổi tiếng thế giới bởi nơi đây chính là điểm dừng chân của những nhà leo núi với khát vọng chinh phục đỉnh cao Everest ở biên giới phía Bắc (nhưng sườn phía Đông-Nam được cho là dễ dàng hơn để bắt đầu cuộc hành trình)

Đất nước nằm sâu trong lục địa, trên những dãy núi cao, giao thông khó khăn, kinh tế phát triển chậm.

- Hơn 76% dân số sống bằng nghề nông với tổng thu nhập quốc gia chiếm 39%.
- Công nghiệp chiếm 7% dân số với tổng thu nhập 15%
- Ngành dịch vụ chiếm 18% dân số với tổng

thu nhập 46%
– 89% dân số theo Ấn Độ giáo. Phần còn lại theo Phật giáo, Hồi Giáo và các tôn giáo khác.

Đất nước Nepal trải dài theo chiều vĩ tuyến (hướng Đông - Tây) với 800 km và rất hẹp theo hướng kinh tuyến (từ Bắc – Nam) khoảng 200 km.

Ngoại trừ giải đồng bằng rất hẹp, viền theo biên giới Phía Nam (tiếp giáp với đồng bằng Ấn - Hằng của Ấn Độ), hơn 2/3 diện tích xứ sở là những vùng núi non hiểm trở, cao dần từ Nam – Bắc.

Vùng tiếp giáp cao từ 1.000 – 4.000 m với nhiều thung lũng lại là nơi cư trú tương đối của người dân bởi phía Bắc là bức tường núi trắng xóa, sừng sững, bí ẩn của nóc nhà thế giới - dãy Hymalaya.

Nepal có 8 trên tổng số 14 đỉnh núi cao nhất thế giới, cao trên 8.000 m và 240 đỉnh núi cao trên 6.000m.

Nhờ độ cao này mà Nepal có tất cả các loại khí hậu của thế giới từ miền chân núi đến đỉnh núi: Nhiệt đới, Cận nhiệt đới, Ôn đới, Cận ôn đới, Hàn đới và Cực đới.

Điều này đồng nghĩa với sự hiện diện của những thảm thực vật độc đáo, tiêu biểu của địa cầu trên một đất nước nhỏ bé, ở sâu trong lục địa này!

Từ màu xanh ẩm ướt của rừng nhiệt đới, băng qua những rừng lá kim ôn đới, những kỳ hoa dị thảo của miền cận ôn đới để chạm đến cái giá buốt khô khan, khốc liệt trên những đỉnh núi cao trên 5.000m.

Tất cả những điều kiện khí hậu và địa hình trên đã tạo cho Nepal những nét quyến rũ riêng biệt, đủ gợi óc tò mò cho du khách thế giới biết đến thủ đô Kathmandu, biết đến thiên nhiên hùng vĩ của xứ sở Nepal.

Nhưng điều bí ẩn nhất của điều kiện tự nhiên mà Nepal phải chấp nhận chính là những trận

động đất lớn, nhỏ, liên tục từ hàng triệu năm qua!

b) Con người

Ít nhiều chịu ảnh hưởng hai nền văn minh lớn của nhân loại – Trung Hoa và Ấn Độ - Nepal có những nét văn hóa xã hội với đầy đủ màu sắc của các nhóm dân tộc và tôn giáo quanh triền núi Himalaya: Trung Quốc, Ấn Độ, Tây Tạng...

Đặc biệt hơn là vai trò của các tôn giáo Ấn giáo, Phật giáo, Hồi giáo đã hình thành nên rất nhiều lễ hội mang đậm nét văn hóa tôn giáo mà nơi hội tụ là thủ đô Kathmandu.

Thật vậy, gần như quanh năm ở thủ đô, các lễ hội tôn giáo diễn ra thu hút khách du lịch phương Tây ngày một đông hơn. Được xây dựng từ hàng nghìn năm trước, Kathmandu còn lưu giữ rất nhiều đền đài cổ, thờ những vị thần linh thuộc Ấn Độ giáo và tín ngưỡng dân gian.

Những sắc màu của lễ hội diễn ra quanh năm dưới chân những ngọn núi phủ tuyết trắng hùng vĩ, những khu rừng nhiệt đới và ôn đới xanh mướt cùng những thảm hoa cỏ mùa xuân đỏ dài trên những triền thung lũng... đã tạo nên nét đẹp rất riêng, rất đặc thù của đất nước nhỏ bé này.

Tuy nhiên, một trong những lễ hội tôn giáo của Nepal - đã là mối thương tâm sâu sắc của nhân loại ngày nay - đó là lễ tế Nữ Thần Gadhimai, nữ thần sức mạnh của truyền thống Ấn giáo.

Cứ 5 năm một lần, những tín đồ của Ấn Độ giáo lại hành hương về thánh địa Bariyapur, gần biên giới phía Nam để thực hành nghi lễ tế Thần vào hai ngày 28, 29 tháng 11.

Mỗi tín đồ thường mang theo ít nhất một con vật sống: bò cày, dê, gà trống, chuột, heo, trâu để tế thần và cầu nguyện cho sức khỏe và cuộc sống thịnh vượng.

Trong năm 2014, hơn 2,5 triệu tín đồ đã đem về thánh địa Bariyapur 6.000 con trâu và hàng trăm ngàn súc vật để cắt lấy đầu, chôn xuống

hố sâu như một hình thức dâng cúng.

Mặc dù hội bảo vệ thú vật trên thế giới đã hết sức can ngăn, dư luận thế giới cũng lên tiếng rất nhiều nhưng trên thực tế, đây là tín ngưỡng, là niềm tin tôn giáo rất mãnh liệt của 89% dân số Nepal.

2/ Tại sao Nepal thường xảy ra động đất?

Đất nước được hình thành ngay trên vùng núi trẻ Himalaya vốn là đại dương đã được nâng lên do va chạm của hai khối lục địa Ấn-Úc và Á-Âu cách đây khoảng 70 triệu năm.

Khối Ấn-Úc di chuyển về phía Bắc với vận tốc 15cm/năm cho đến cách đây 50 triệu năm thì vùng đại dương biến mất, nhường chỗ cho sự nâng dần lên trong quá trình hình thành dãy núi Himalaya.

Khối Ấn-Úc vẫn đang chuyển động với tốc độ 67 mm/năm, và hơn 10 triệu năm nữa nó sẽ đi sâu khoảng 1.500 km vào châu Á và tốc độ sẽ giảm xuống còn 20 mm/năm.

Chính sự chuyển động của khối Ấn Độ vào khối Á-Âu, tạo thành một lực đẩy lên mặt tiếp xúc (mặt va chạm, mặt đứt gãy) phía Nam dãy Himalaya, làm dãy Himalaya bị đẩy lên cao theo thời gian. Độ cao của dãy núi này vẫn đang tiếp tục được nâng lên 5mm mỗi năm.

Những hoạt động tự nhiên này của địa cầu là nguyên nhân tạo nên những trận động đất lớn, nhỏ và gần như liên tục tại khu vực phía Nam dãy Himalaya mà Nepal là một trong những quốc gia nằm trọn vẹn trên khu vực thường xuyên bị đe dọa này!

Để có thể hình dung về mức độ động đất mà đất nước Nepal phải gánh chịu, chúng ta có thể xem qua những con số sau đây:

- Theo báo cáo của cơ quan động đất thế giới thì trong 1 tháng qua, từ 24/4/2015 – 24/5/2015, Nepal đã trải qua 120 lần động đất với cường độ lớn nhỏ khác nhau.

- Trận động đất 7,8 độ trên thang địa chấn Richter ngày 25/4/2015 tại Bharatpur/ Nepal vừa qua đã làm thiệt mạng hơn 8.000 người (có thể lên đến 10.000 người) và làm bị thương khoảng 17.000 người; phá hủy và làm hư hại hơn 600.000 ngôi nhà, ảnh hưởng đến ¼ dân số Nepal (8 triệu người), phá hủy khoảng 200 di tích lịch sử trong đó có nhiều di tích đã được UNESCO công nhận là di sản của thế giới.

- Một trong những dư chấn mạnh nhất là trận động đất ngày 12/5/2015. Có ít nhất 65 người thiệt mạng, 1.200 người bị thương. Rất may là trận động đất này ở gần sát chân núi Everest, nơi dân cư không tập trung đông đúc nhưng lại kéo theo nhiều trận đá núi sạt lở (Phía Bắc thị trấn Namche Bazar)

- Một số những trận động đất gần đây, gây thiệt hại về nhân mạng và tài sản cho đất nước Nepal: 1974, với mức chấn động 5.7 trên Địa chấn kế Richter. Năm 1980→ 5.7. Năm 1993→6.2. Năm 1996→5.7 . Năm 1998 →5.8 . Năm 1998 →5.9. Năm 2004 → 6.2 . Năm 2005→ 6.3 . Năm 2008→ 6.0 . Năm 2015 → 7.8 trên địa chấn kế Richter.

Đó là chưa kể những trận động đất xảy ra trên phần đất bên kia biên giới, thuộc Ấn Độ và Trung Quốc cũng tạo những chấn động lan truyền, ảnh hưởng đến lãnh thổ Nepal (Và dĩ nhiên, với diện tích nhỏ bé của mình, những cơn địa chấn tại Nepal cũng ảnh hưởng không nhỏ đến Ấn Độ và Trung Quốc!)

3/ Từ 2559 năm trước, Đức Phật đã được Đản Sanh ngay trên xứ sở này

Là một trong bốn Thánh địa quan trọng của Phật giáo, Vườn Lâm Tỳ Ni, nơi Đức Phật Đản Sinh, được coi là một trong những địa điểm hành hương quan trọng của Phật tử trên khắp thế giới lại nằm trọn vẹn trên đất nước Nepal ngày nay và cách tâm động đất (25/4/2013) 145km.

Là một vùng quê hiền hòa, yên tĩnh; Lâm Tỳ Ni nằm ở dưới chân dãy Himalaya, thuộc vùng

Rupandehi phía Tây Nam của Nepal, giáp biên giới Ấn Độ. Như trong Kinh kể lại, Hoàng hậu Ma Da, vợ vua Tịnh Phạn, người trị vì vương quốc nhỏ của dòng tộc Thích Ca, họ Cồ Đàm, phía Bắc Ấn Độ, sau khi nằm mộng thấy một con voi trắng sáu ngà theo luồng ánh sáng bay đến nhập vào thân thể bà, khiến bà thụ thai. Theo đúng phong tục của Ấn Độ thời bấy giờ, khi gần đến ngày sinh, Hoàng hậu có xin phép Đức Vua cho mình trở về quê nhà để sinh nở. Khi đi đến vườn Ngự Uyển Lâm Tỳ Ni của vua Thiện Giác xứ Ấn Độ, cách thành Ca Tỳ La Vệ khoảng 15 km, bà cho đoàn dừng lại nghỉ ngơi. Khi đi dạo quanh vườn, hoàng hậu bỗng nhiên nhìn thấy một đóa hoa Vô Ưu màu trắng tuyệt đẹp nở trên một thân cây cổ thụ gần đó, bà giơ tay trái ra định hái nhưng ngay lúc đó, Hoàng hậu chuyển dạ và hạ sanh Thái Tử Tất Đạt Đa để sau này trở thành Đức Phật Thích Ca - Bạc Thầy Toàn Trí Toàn Giác của nhân loại. Đức Phật đã sống trong khoảng thời gian 80 năm từ năm 563 đến 483 trước công nguyên. Lâm Tỳ Ni là một trong 4 nơi hành hương nổi tiếng và cũng là những nơi quan trọng gắn liền với đời sống của Đức Phật, 3 nơi còn lại là Kushinagar (nơi đức Phật nhập Niết Bàn), Bodh Gaya hay còn được nhiều người biết đến với tên Bồ Đề Đạo Tràng (nơi đức Phật thiền định 49 ngày dưới gốc cây bồ đề và giác ngộ) và nơi cuối cùng là Sarnatha (nơi đầu tiên mà đức Phật giảng Pháp).

Lâm Tỳ Ni cách 25 km về phía đông của kinh thành Ca Tỳ La Vệ xưa, nơi được cho là đức Phật đã sống đến 29 tuổi. Lâm Tỳ Ni có một số ngôi chùa và đền thờ trong đó có đền thờ Hoàng hậu Mada. Ngoài ra tại đây còn có ao Puskarini hoặc Holy, nơi Hoàng hậu Mada đã làm lễ nhúng nước trước khi sinh đức Phật ra đời. Tương truyền khi được sinh ra tại đây Ngài đã đứng vững thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng về phía Bắc đi bảy bước, mỗi bước đi của đức Phật đều được đỡ bởi một tòa sen phía dưới, Ngài nhìn khắp cả bốn phương, một tay chỉ lên trời một tay chỉ xuống đất và nói rằng:

"Thiên thượng Thiên hạ,
Duy ngã độc tôn"

Ngoài ra nơi đây còn lưu giữ nhiều dấu tích của

thành Ca Tỳ La Vệ ngày xưa.

Sau trận động đất kinh hoàng vào ngày 25/4/2015, toàn bộ khu di tích Lâm Tỳ Ni đã được xác nhận không hề có thiệt hại nào cả. Tất cả các đền, chùa của các quốc gia, các truyền thống Phật Giáo thế giới... đều vẫn còn nguyên vẹn, uy nghi giữa cuộc sống yên bình của người dân địa phương.

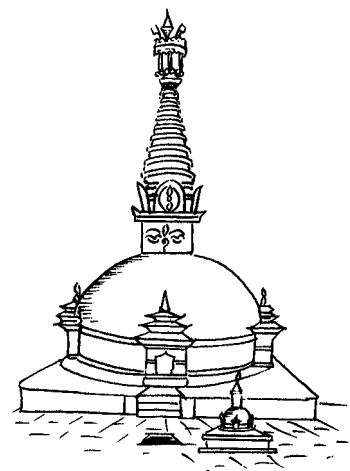
Chúng ta, những người Phật tử, cùng chia sẻ nỗi đau thương mất mát của người dân Nepal và cũng thầm cảm ơn chư Bồ Tát, chư Phật cùng Long Thần Hộ Pháp đã che chở cho Thánh Địa Lâm Tỳ Ni vẫn còn trong an bình đầu biết rằng, cuộc sống rất mong manh và luật Sinh-Diệt, Vô Thường...vẫn hiện hữu khắp mọi nơi.

Cao Thanh Dung

Ghi chú:

* *Bài viết hoàn toàn mang tính chất khái quát nhằm giới thiệu sơ qua về đất nước Nepal nhân trận động đất ngày 25/4/2015.*

* *Những số liệu trong bài được lược trích từ nguồn www.wikipedia.org và www.earthtrack.com*



Cơm chay gây quỹ

CỨU TRỢ NẠN NHÂN BỊ ĐỘNG ĐẤT TẠI NEPAL

Vừa qua, nhằm mục đích cứu giúp phần nào những nạn nhân bị thiệt hại trong cơn động đất tàn khốc tại Nepal vào ngày 25/5/2015, chư Tăng-Ni và Phật tử chùa Phước Huệ đã cùng hoan hỷ tổ chức một bữa cơm chay gây quỹ ngay tại Tổ đình Phước Huệ vào ngày Chủ nhật, 17/5/2015, từ 11g đến 14g cùng ngày.

10g30

Trong màu áo xanh quen thuộc, quý thiện nguyện viên chùa Phước Huệ đều đã sẵn sàng đón tiếp thực khách.

Bên cạnh tượng đài Đức Bồ Tát Quán Thế Âm, chị em TNV đang vui vẻ, tươi cười phía sau hàng trăm phần ăn đã được chuẩn bị sẵn trên hai bàn lớn.

Với những tấm vé mua sẵn, nhiều cá nhân, nhóm đã bắt đầu đến nhận phần ăn mang về.

Dọc theo dãy hành lang quen thuộc trước Trai đường, vẫn là quý TNV đang sửa soạn quanh khu vực làm việc của mình: bàn ghi nhận công đức, bàn phục vụ nước uống, bàn bán thức ăn chay gây quỹ, bàn bán vé... và những bàn dành cho thực khách đến dùng buổi trưa ngay tại chỗ.

Bên trong Trai đường, 25 chiếc bàn tròn đã được sắp xếp xinh đẹp, thơm mát, đặc biệt là dãy bàn sát sân khấu – dành riêng cho chư Tăng-Ni và khách mời.

Trên sân khấu, anh chị em trong ban nhạc Hoa Đăng/Sydney đang dạo những khúc nhạc quê hương quen thuộc.

Phía sau quầy phục vụ thức ăn, nhiều khuôn mặt quen thuộc của Ban Trai Soạn đang nở nụ

cười rạng rỡ tiếp đón thực khách bắt đầu xếp hàng để nhận phần thức ăn.

11g30

Thay mặt BTC, chị Ngọc Hân đã trân trọng kính mời Đại Đức Thích Phước Viên, Phó Trụ Trì Tổ đình Phước Huệ, có vài lời khai mạc buổi gây quỹ:

- Trận động đất lên tới 7.8 trên địa chấn kế Richter đã gây thiệt hại vô cùng lớn lao cho người dân Nepal.
- Hơn 8.000 người thiệt mạng, hàng chục ngàn người bị thương và không có nơi trú ẩn...
- Đây chính là “Lý Vô Thường” của cuộc sống mong manh mà chúng ta đã được học từ giáo lý của nhà Phật.
- Và cũng trên tinh thần “Cứu khổ ban vui” của Đức Phật, chúng ta, những Phật tử nói riêng và đồng hương Việt Nam nói chung, nên thể hiện lòng “Thương người như thể thương thân”, cùng chia sẻ chút tài vật cho những nạn nhân cùng khổ tại Nepal.
- Giáo Hội PGVNTN UĐL-TTL, với sự góp phần của các Chùa và Tự viện, sẽ trực tiếp đến Nepal để cứu trợ.
- Thay mặt Giáo Hội, trân trọng cảm ơn:
 - * Tất cả các Hội, Đoàn, các cơ sở kinh tế, quý Phật tử, quý đồng hương Việt Nam... đã hoan hỷ đóng góp cho buổi gây quỹ hôm nay.
 - * Quý Thầy, quý Sư cô, quý đạo hữu trong Ban Trai Soạn, quý Thiện nguyện viên... đã thức khuya dậy sớm, chuẩn bị những món ăn chay tinh khiết, bổ dưỡng.
 - * Quý ban Tài chính, Nhiếp ảnh, Âm thanh ánh sáng; quý nghệ sĩ... tận tình phục vụ cho buổi gây quỹ hôm nay.
- Sau cùng, Giáo Hội sẽ tổ chức đi Nepal để cứu trợ trực tiếp; đồng hương Phật tử nào muốn tham dự thì liên lạc với văn phòng Tổ

đình Phước Huệ để biết thêm chi tiết.

- Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

11g40

- Trình chiếu một đoạn phim ngắn về những cảnh thương tâm từ kết quả trận động đất tại Nepal.
- Kèm theo thông điệp của Thượng Toạ Thích Phước Tấn - Trụ trì Tổ đình Phước Huệ/Sydney và chùa Quang Minh/Melbourne ...gửi đến toàn thể đồng hương Phật tử Việt Nam, không ngoài mục đích kêu gọi lòng trắc ẩn, mở rộng từ tâm giúp đỡ đất nước Nepal sớm được phục hồi.
- Trân trọng kính ghi nhận công đức cứu giúp, dù ít hay nhiều, của tất cả quý vị.
- Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

12g trưa

Thực khách càng lúc càng đông, ngồi kín tất cả các bàn ăn trong và ngoài trai đường. Một số khác ngồi quanh khoảnh sân trước tượng đài Quán Thế Âm và trên những bậc thềm trước chánh điện. Ai nấy đều rất vui vẻ, không chỉ mua một phần ăn mà còn mua thêm thức ăn chay, đóng góp thêm tịnh tài...khiến danh sách những người hảo tâm mỗi lúc một dài thêm ra... đã làm cho tất cả quý Tăng-Ni, quý TNV...tất bật lui tới, ra vào để phục vụ mọi việc.

Trên sân khấu, quý anh chị nghệ sĩ quen thuộc như Đăng Lan, Thanh Hằng, Quốc Dũng, Đức Hiếu, Kim Thân, David Ngô...liên tục đem lời ca tiếng hát tuyệt vời của mình qua những bài hát đậm đà bản sắc quê hương...để phục vụ khán giả.

Bên cạnh đó, chị Ngọc Hân – trong vai trò người dẫn chương trình – cũng phải nhanh tay, lẹ mắt để cập nhật danh sách ủng hộ cũng như tổng số tiền có được.

Tại văn phòng và phòng computer, người ra kẻ vào như thoi đưa; trong lúc chư Tăng-Ni liên tục làm việc, quên cả việc thọ trai hằng ngày, để nhanh chóng đáp ứng nhu cầu thông báo danh sách các nhà hảo tâm.

13g30

Khách đến dùng cơm bắt đầu thưa dần nhưng sân khấu vẫn rộn ràng tiếng hát đầy nhiệt huyết của quý anh chị ca sĩ.

Với giọng nói rõ ràng và vui vẻ, chị Ngọc Hân đã trang trọng thông báo số tiền thu được từ bữa cơm gây quỹ cho đến thời điểm này là 35.175 Úc kim (Ba mươi lăm ngàn, một trăm, bảy mươi lăm). Trong đó có 12.343 Úc kim (Mười hai ngàn, ba trăm bốn mươi ba) là toàn bộ tiền thực phẩm (của bữa cơm chay hôm nay) do quý đạo hữu trong ban Trai soạn đã phát tâm cúng dường!

14g00

Bữa cơm gây quỹ giúp đỡ nạn nhân bị động đất tại Nepal đã thực sự khép lại trong niềm hoan hỷ của chư Tăng-Ni, quý Phật tử, quý đạo hữu, quý anh chị em TNV thuộc Tổ đình Phước Huệ và cũng là niềm vui khó tả của tất cả những thực khách, kể cả những nhà hảo tâm không có điều kiện đến tham dự mà chỉ gửi ngân phiếu đóng góp...Bởi tất cả chúng ta, những con người Việt Nam, ai cũng hiểu giá trị của những câu tục ngữ: “Miếng khi đói bằng gói khi no”, “Thương người như thể thương thân”

Khi bài bào này lên khuôn thì tổng số tiền mà BTC nhận được từ tất cả các cá nhân và đoàn thể là **\$38650.35**

Trân trọng cảm ơn tất cả những tấm lòng hướng đến Nepal.



BÌNH THUẬN

trong nỗi nhớ



Tôi là người Việt Nam
Luân lưu dòng máu rồng tiên
Chào đời giữa binh lửa oan khiên
Lớn khôn nhờ tình thương dân tộc
Tâm dưỡng nuôi từ khí thiêng
Un đúc hơn mấy ngàn năm văn hiến
Thương quê hương
Thương kiếp người dãi nắng dầm sương
Tuổi thanh xuân vàng theo chinh chiến
Trơ trọi lạc lõng như chiếc lá bên đường
Mộng chinh nhân vỡ tan tành
Con hồng thủy, cờ máu đỏ giang sơn
Lưu lạc tha phương
Ôm nỗi sầu viễn xứ
Làm thân lãng tử bạc đầu xanh.

*

Tôi không phải là thi nhân
Cũng chẳng là nhà văn
Tôi chỉ là một gã cuồng si
Trong giây phút
Hoa lòng bùng nở tỏa hương với gió trắng
Nghe tiếng đàn trầm bổng mà nhớ thương
Nhìn mưa bay hắt hiu chạnh lòng khóc mẹ
Ngắm sông xanh hoài vọng cố hương
Một ngày
Lửa hạ rực cháy xương phủ trắng đường
Trong khoảng khắc
Hồn run rẩy
Huyết lệ tràn trang giấy.

*

Tôi chẳng phải là phù thủy
Có phép màu biến hóa vạn năng
Tôi chỉ là một tên ngông cuồng ngổ ngáo
Tự ban cho mình một đặc quyền: nhận và tặng
Tôi nhận hết nhọc nhằn đau khổ
Cùng thiệt thòi thua lỗ
Uớp mật gia hương vị
Tặng lại cho đời những bông hoa kiêu mỹ
dị kỳ
Giữa vườn hoa muôn sắc muôn hương
Cho đời bớt bi thương.

*

Tôi là người Việt Nam
Luân lưu dòng máu rồng tiên

Chào đời giữa binh lửa oan khiên
Lớn khôn nhờ tình thương dân tộc
Tâm dưỡng nuôi từ khí thiêng
Un đúc hơn mấy ngàn năm văn hiến

Chiều chậm chậm rơi ở cuối chân trời, tôi ngồi bên bờ sông lặng lẽ ngắm ánh nắng cuối ngày đang vạch lên trên nền trời những màu sắc hỗn hợp kỳ diệu, như cuộc đời oanh liệt của một con người đến tuổi xế chiều vẫn còn huy hoàng rực rỡ. Tôi nhớ về quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn cùng kỷ niệm hai mươi năm đầu đời. Ký ức khi ẩn khi hiện, khi mờ khi tỏ như sương khói mộng lung huyền ảo, mờ nhạt sau gần ba mươi năm lưu lạc tha hương. Tiếng nước chảy róc rách qua khe đá tạo nên một điệu nhạc êm dịu triền miên bất tận. Vài nhánh cây tươi tốt mọc tràn ra giữa sông rũ mượt mà như suối tóc mơ của cô sơn nữ vừa mới gội xong. Khắp nơi bông cỏ dại mọc um tùm mang vẻ hoang dã của một khu rừng nho nhỏ. Đó đây tiếng chim rộn ràng gọi nhau về tổ khiến lòng tôi xao xuyến băng khuâng. Tôi liên tưởng đến sông Mường Mán ở Phan thiết. Sông nằm giữa chia thành phố ra làm hai, nước đục và dơ, không có cây cỏ, không có cảnh sắc xinh đẹp làm bồi hồi lòng khách vắng lai nhưng tôi thương nhớ nó vô cùng. Vào những ngày khi nỗi buồn lên đến tột đỉnh, người sắp sửa rơi vào trạng thái chán chường tuyệt vọng, tôi ra bờ sông ngồi cô đơn trầm mặc, suy nghĩ và chiêm nghiệm về những khổ đau có từ thuở ấu thơ đến thời niên thiếu, những mất mát lớn lao, những chia lìa cách biệt, những ưu tư khắc khoải đối với vận mệnh thăng trầm của đất nước cùng đổ vỡ tang thương do chiến tranh gây ra. Miền Bắc với chủ nghĩa cộng sản lợi dụng chính nghĩa dân tộc xâm lấn miền Nam, lại được sự ủng hộ hậu thuẫn của nhiều thế lực vô minh. Sự thật và gian trá không có lẫn ranh rõ rệt khiến cho cuộc chiến trở thành trò chơi bản thủ giữa các cường quốc và đám tay sai mù quáng. Hậu quả là tuổi trẻ Việt Nam bị cuốn vào vòng lửa đỏ

không lối thoát, tinh anh của dân tộc bị huỷ diệt dần mòn.

Nước sông âm thầm chảy, một chiếc ghe nhỏ neo giữa sông, ngọn đèn dầu leo lét, người trên ghe vung mạnh tay lưới thành vòng tròn. Lưới phủ chụp xuống mặt sông rồi từ từ chìm mang theo niềm hy vọng có được một mẻ cá kha khá để có được nồi canh chua hay nồi cá kho tỏi hành thơm phức; phần còn lại đem đổi lấy gạo và rau. Hy vọng thật nhỏ bé nhưng lắm khi cũng chẳng thành tựu. Nước chảy ra đại dương xin cho tôi gửi theo sâu đầu phiến muộn. Trôi đi! Trôi đi những gút mắc chưa có thể gỡ, những vắn nạn chưa có giải đáp để lòng tôi thanh thản trở thành một con người mới, dù chỉ trong một khoảng thời gian ngắn ngủi. Cám ơn dòng sông Mường Mán đã nhiều lần gội rửa và nuôi dưỡng tâm hồn bão lửa sa mạc của tôi.

Dòng sông Mường Mán chảy âm thầm trong đêm hoang vắng
Thuyền lững lờ neo, tay vung lưới gói trọn niềm hy vọng
Người xứ Phan ngồi cô độc
Quê hương tang thương bão nổi trong lòng.

Tuổi trẻ Việt Nam không có mùa xuân
Tuổi trẻ Việt Nam lửa binh tàn phá
Tuổi trẻ Việt Nam là bài trường ca của tử ly sầu hận
Máu thấm đỏ sông xương phơi trắng rừng xanh.

Cầu Hưng Đạo bên nhau lần cuối
Môi ngọt ngào nước mắt mặn tình ta
Em tóc thề áo dài xanh bay trong chiều gió lộng
Mắt u buồn tan tác hồn anh.

Sau 30.4.75, tôi tạ từ sông Mường Mán, trường Phan và bạn bè về quê làm rẫy ở Bào Ốc, cách Phan Thiết khoảng chừng 40 cây số hướng ra Phan Rí. Tôi không thể tiếp tục học ở trường Phan, dù rất muốn, vì màu cờ sắc áo đã đổi thay. Cả chính con người cũng thay đổi – thay đổi đến mức độ đau lòng! Tình thương không còn nữa, nhường chỗ cho sự nghi ngờ và lòng ác độc. Người giám sát người và săn

đuổi lẫn nhau. Làm sao có thể sống và học được khi nhìn đâu cũng thấy hận thù và tang tóc. Ngay cả đến dòng sông Mường Mán cũng không đủ năng lực áp ủ an ủi tâm hồn tôi. Một tâm hồn nổi loạn.

Những ngày sống ở miền quê là những ngày hòa nhập với ruộng rẫy, với cảnh vật thiên nhiên. Lao động chân tay, hẳn nhiên rất cực nhọc. Lắm lúc thân thể rã rời mỗi như đến độ tay run khi cầm chén ăn cơm. Bù lại, sáng tinh sương, không khí trong lành, gió mát là liều thuốc bổ cho sinh lực lẫn tinh thần. Đứng nhìn dưa, bắp vươn mình khoe sắc trong nắng mai, lòng tôi phơi phới hân hoan. Tôi yêu trăng miền quê. Trăng đẹp lạ lùng. Vào mùa trăng, tôi thường đạp xe đạp về quê nội ở Lương Sơn thăm bà con bè bạn. Đường dài hơn mười một cây số. Tôi ở đó tới khuya mới đạp xe trở về. Đường vắng không một bóng người, trăng sáng vàng vọt, cảnh sắc huyền ảo. Cát tiếng đọc thơ nho nhỏ, tôi như ông hoàng an nhiên tự tại, thong dong giữa cuộc đời ô trọc. Còn nhớ một đêm trăng mười sáu, nằm giữa đồng ruộng vừa mới gặt xong. Trời cao vời vợi, rừng xanh phủ đầy ánh trăng thanh nhã. Vài cô thôn nữ vui giỡn dưới trăng như tiên nữ lạc trần gian. Hồn tôi thoát xác bay nhập vào vũ trụ tận hưởng khoái lạc của sự thoát tục. Nếu lúc đó tôi chết thì quả là một cái chết tuyệt vời.

Trăng mười sáu tinh nguyên trong trắng
Soi sáng cả một cõi ta bà
Trái chiếu nằm giữa đồng mới gặt
Ngửa mặt nhìn trời ta với ta.

Rừng xanh mờ phủ ánh trăng vàng
Thần nữ nhận áo ngọc trời ban
Mượt mà tha thướt che đôi núi
Tóc huyền buông thả đợi tình lang.

Dằm ba thôn nữ dạo dưới trăng
Tưởng mình tiên lạc bước trần gian
Oanh vàng nhả ngọc đêm thanh vắng
Biển đồng quê thành chôn cung Hằng.

Trăng nao lên đến tận đỉnh trời
Ngạo nghễ nhìn đời qua khói sương
Bao chàng thi sĩ hồn thơ tưởng
Dáng ngọc Quý Phi của vua Đường.

Hồn bay lượn quanh dải Ngân Hà
Thanh khí chói lòa trước mắt ta
Xác ai nằm giữa đồng cô lạnh
Trắng trắng màu thanh nhã như Trăng.

Mồ hôi đổ dưới nắng hè gay gắt; tay lấm bùn khi mùa mưa tới, thôn nữ cong mình cấy mạ non tái tạo mầm sống muôn đời cho dân tộc. Tiếng gà gáy báo hiệu một ngày mới đánh thức nông phu ra đồng. Lúa chín vàng trĩu nặng thơm dịu uồn mình theo gió dưới trăng thanh như những nàng thôn nữ thanh xuân say sưa nhảy múa theo điệu nhạc thiên nhiên. Cây nẩy mầm đâm chồi xanh tươi tốt rồi đổi màu vàng úa rơi xuống đất biến thành phân bón nuôi cây trở lại. Còn biết bao nhiêu hình ảnh cảnh sắc khác mà tôi đã chứng nghiệm đề từ đó hiểu thêm về ý nghĩa của lòng ái quốc. Ngày còn học ở trường Phan, nghe thầy dạy sử kể về những chiến tích oai hùng; gương hy sinh sáng ngời của anh thư hào kiệt cho nên độc lập sự trường tồn; tinh thần đấu tranh bất khuất quật cường của tổ tiên chống giặc ngoại xâm; tôi hiểu tất cả phát xuất từ lòng yêu nước cũng như sức mạnh của dân tộc nằm ở lòng dân. Hiểu, nhưng chưa có thể chứng thực. Đối với nhà trí thức thì lòng yêu nước đồng nghĩa với tự do, độc lập, tự chủ, nhân quyền .v.v.. Người dân quê hiền hòa chất phát sống gắn liền với đất đai do cha ông đổ xương máu đã dày công bảo vệ và gầy dựng suốt mấy ngàn năm. Vì thế, họ yêu thương mảnh đất đã bỏ công sức cả đời chăm sóc vun bón. Đất đồng nghĩa với sự sống. Giữ gìn quê cha đất mẹ là giữ gìn sự sống. Không ai có thể ngồi khoanh tay bình thản nhìn người khác từ từ cướp lấy đi sinh mạng của mình hay dày xéo mồ mả ông bà cha mẹ. Khi bị giặc ngoại xâm hay bạo quyền áp bức, người dân hiền ngang anh dũng đứng lên tranh đấu để được sống còn. Tình yêu nước và sức mạnh của dân tộc chỉ đơn giản và thuần nhất như thế.

Đầu năm 1978, ý tưởng ra đi thôi thúc tôi dữ dội. Từ lâu rồi, tôi bị xâu xé dằn vặt giữa ở và đi. Đi mở một con đường mới cho tương lai hầu hy vọng thực hiện được hoài bão nuôi dưỡng nhiều năm trời. Thế nhưng, bỏ lại quê hương, gia đình, bạn bè và những gì thân thương nhất trong đời không phải là điều dễ

làm. Mỗi khi ngà ngà say, chân thấp chân cao trên đường về từ nhà một người bạn, tôi lại thần thờ như kẻ mất hồn. Tôi nhớ tới mẹ tôi. Người qua đời lúc tôi được năm tuổi. Mẹ mẹ nằm bơ vơ giữa đồng ruộng mênh mông hiu quạnh, tôi đi rồi biết ai là người chăm sóc thăm viếng mộ phần của mẹ đây! Tôi nhìn cảnh vật xung quanh: đồng lúa, núi rừng, nhà tranh vách lá, đèn dầu le lói.v.v... Tất cả đều đậm nét trong tôi suốt hai năm qua. Tôi nhìn sao mai liên tưởng tới ngày trôi dạt lênhên đên trên biển cả, lòng đau quặn thắt như có ai cầm dao khứa ruột mình.

Lụa vàng nắng trải trên sông
Tơ sàu giăng mắc chiều đông sắp về
Hoài thương tiếng hát đam mê
Của cô thôn nữ miền quê mướt mà
Say chénh choáng dưới trăng ngà
Đồng xanh núi thắm mưa sa chân trời
Ngậm ngùi ký ức mù khơi
Mẹ ru con ngủ à ơi ngọt ngào
Nhớ nhung đủ để lòng đau
Hương cau mới tỏa sao đành nhạt phai
Thần thờ nhìn ánh sao mai
Trùng dương réo gọi bài ca đoạn trường.

Cuối cùng rồi, tôi cũng phải ra đi. Tôi vượt biển rời Việt Nam vào tháng 5 năm 1978, định cư ở Úc vào tháng 10 cùng năm. Tôi về lại thăm quê hương và gia đình vào cuối năm 2000. Hai mươi hai năm cách biệt, tôi trở về như một lãng tử hồi đầu tìm lại những kỷ niệm thân thương, đồng thời những nỗi đau thầm kín được dịp trở mình thức giấc. Quê hương tôi đó! Đã từng in bóng nhưng sao giờ quá xa lạ ngỡ ngàng. Tôi đã biến đổi sau nhiều năm sống ở xứ người hay đất mẹ đang ruồng bỏ những đứa con lạc loài như tôi. Người ta nói chuyện với nhau một cách cộc lốc, thô lỗ không có sự thân thiện. Người ta lường gạt và chà đạp nhau để sống. Đạo đức đã suy đồi hay đây là cách sống rất “thực” của con người trong một xã hội mà luân lý, lễ nghĩa và tâm linh chỉ là những ảo tưởng không có thực.

Rất vui khi gặp lại thằng bạn thân, Trọng Sự, một trong những cây thông còn sót lại sau cơn bão tuyết. Sự tiếp tục học sau năm 1975, đậu thủ khoa ngành Nông Lâm Súc nhưng khi đi

làm thì bị cho giữ chức chăn nuôi heo. Chỉ có những con người tự cho mình là đỉnh cao trí tuệ của loài người mới có những phương cách sử dụng thành phần trí thức một cách kỳ quái như thế. Cuối cùng, Sự trở về nổi nghiệp cha làm chủ hãng nước mắm cho đến bây giờ. Sự đến thăm tôi với nụ cười tươi và thân thiện. Hai đứa xiết chặt tay nhau, tình bạn sống lại như xưa. Sự chở tôi trên chiếc xe gắn máy cũ kỹ thăm thầy Yên, thầy Diệc và một số bạn cùng lớp như Ngô, Lạc, Ngọc, Ngà, Dũng, Ban, Tư, Tuyết.v.v... Sự hoạt động hãng say trong lãnh vực xã hội, là một thành viên trong ban chấp hành Hội Phụ Huynh của trường Phan. Sự cùng một số bạn thành lập quỹ học bổng giúp đỡ các học sinh nghèo hiếu học. Trong khi nhiều người bon chen, chỉ biết nghĩ đến chuyện kiếm tiền và hưởng sự sung sướng cho chính mình thì Sự an nhiên tự tại. Sự đem cuộc đời mình làm đẹp cuộc đời người khác, gieo hạt giống tình thương cho đời mãi nở hoa. Tôi biết Sự không muốn và cũng không cần ai ca ngợi việc làm của Sự. Nhưng theo tôi nghĩ, nhắc tới việc làm của Sự là một điều cần thiết. Nhắc như nhắc nhở chính lương tâm mình. Nhắc để kêu gọi lương tâm của những người từng tự hào là con rồng cháu tiên có tâm lòng vị tha nhân đạo. Sự như một ngọn đuốc tin yêu cháy âm thầm trong đêm tăm tối. Hy vọng ngọn đuốc tin yêu đó sẽ hòa nhập với những ngọn đuốc khác để rồi có một ngày, đuốc tin yêu sáng rực cả trời Nam mang hạnh phúc tràn đầy đến cho mọi người.

Tôi và gia đình đứng dựa thành cầu Trần Hưng Đạo coi đua thuyền, đồng thời chứng kiến cuộc ẩu đả giữa các thanh thiếu niên. Từ ngày về Phan Thiết, tôi thường đưa vợ là Ánh Nguyệt và hai con trai, Việt Quốc và Nam Quốc qua phố ăn cháo vịt, bánh căn, bánh xèo, uống sinh tố vào ban đêm. Cây cầu sắt vẫn còn đó, cũ và rỉ sét. Mỗi lần đi qua cầu, lòng tôi lại xao động nhớ lại những đêm ngồi cô đơn tâm sự với nước, với trăng sao. Nhớ chỉ để mà nhớ. Chớ thật sự tôi không hề nghĩ đến mình sẽ dành một đêm ra bờ sông ngồi như trước mặc dù trong tôi, những nỗi niềm xưa cũ vẫn còn đó. Thật đáng buồn! Tôi là người Việt, đang sống trên đất Việt. Thế mà lại có cảm giác xa lạ hoang mang. Cố gắng cách mấy

cũng không thể tìm lại được trọn vẹn những xúc động thân thương ngày xưa.

Tôi trở về thăm lại trường Phan vào một buổi chiều nhạt nắng. Lặng lẽ cô đơn nhìn hàng cây xanh lá, ngậm ngùi thương tiếc những người đã mất và thương cảm cho những người còn sống. Kỷ niệm lần lượt kéo về nhưng không rõ nét, chỉ mơ hồ thấy cánh bướm trắng chập chờn bay lượn khắp cả sân trường.

Hai mươi hai năm cách biệt
Về thăm lại trường thơ
Lặng lẽ cô đơn
Sân trường còn lưu dấu
Tháng ngày ngấm áo trắng ai bay
Ngậm ngùi lưu luyến
Nhìn hàng cây xanh lá
Kẻ còn người mất
Tâm vang vang câu thơ hoài cổ.

*

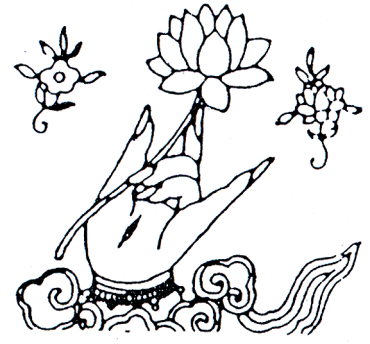
Tôi rời Việt Nam sau tết Nguyên Đán. Lần trước ra đi trong âm thầm lặng lẽ, lần này ra đi mình bạch nhưng nỗi niềm chua xót chẳng khác nhau. Giã biệt quê hương, gia đình và bạn bè. Tạm biệt sông Mương Mán và trường Phan thân thương.

Tịnh An



Luận về Bồ Thí

Khiêm Từ



Mỗi Phật tử tới chùa đều mang một tâm niệm an vui vì họ được lễ Phật, cúng dường, nghe pháp ..., gặp lại các bạn đồng tu, cùng chia sẻ về kinh nghiệm tu hành, để cùng sách tấn nhau, vượt mọi khó khăn, phát tâm dũng mãnh tiến lên đạt an vui, giải thoát!

Muốn bớt khổ, được vui, tôi mạn phép đưa ra một đề tài ngắn, đó là “TỨ NHIẾP PHÁP” mà Chư Tôn đức, tăng ni thường nhắc nhở chúng ta, giúp chúng ta có căn bản trong cuộc sống, để trở nên một Phật tử tốt. Phần trình bày thô thiển của tôi chắc chắn có thiếu sót, kính mong Chư Tôn đức tăng ni từ bi bổ khuyết cho, xin tri ân quý Ngài trước.

Tứ Nhiếp Pháp là bốn cách sống cao đẹp gồm:

- Bồ thí, mang của cải của mình để giúp người không có điều kiện.
- Ái ngữ, dùng lời nói thân thiện, hòa ái, xoa dịu nỗi đau của người.
- Lợi hành, làm lợi cho người bằng tiền của, thân thể và tâm hồn.
- Đồng sự, cùng chung sống với người, để giúp người không có điều kiện.

Tôi xin phép chỉ đề cập tới BỒ THÍ trong “Tứ Nhiếp Pháp”.

BỒ THÍ, thuật ngữ là dāna, phiên âm theo tiếng Phạn là đāna, tiếng Hán là bồ thí, tức đem phúc lợi mà ban cho người khác. Các hình thức bồ thí gồm:

I/ TÀI THÍ, có nội tài và ngoại tài. NỘI TÀI là dùng thân mình, tỷ dụ bạn xách đồ giùm người qua đường, bạn dắt người mù qua đường, bạn quét nhà, lượm rác, quét lá trong sân chùa, bạn đánh máy, lau dọn sạch phòng..., rửa chén, nấu cơm, lật rau... đều phải dùng sức lực, đó là việc bồ thí thông thường, mà đa số chúng ta đang làm, gọi là “BỒ THÍ NGÃ”.

Còn NGOẠI TÀI là các thứ tài sản ngoài thân như tiền, gạo, thuốc men, y áo, giày dép, nhà, xe hơi v.v... mà bạn có sẵn, nay mang ra cúng dường vô chùa, thiền đường, thánh thất Ngoài xã hội, bà con quyên góp quần áo, mền, lều, thuốc men, tiền bạc v.v... để giúp nạn nhân động đất ở Nepal, ở Nhật Bản ..., giúp nạn nhân hỏa hoạn ở New South Wales, Victoria, v.v... cũng đều là bồ thí ngoại tài, gọi là “BỒ THÍ NGÃ SỞ”.

Trong bồ thí, chúng ta cần có thái độ chân thành, không vụ lợi, kính trọng nhân cách của người nhận, tuyệt đối không được khinh khi người ta. Tại sao? Vì mình bồ thí là xả được lòng bòn xén, tâm tham của mình. Lòng tham như lửa cháy, tạo nghiệp sanh tử, trừ được lòng tham là phát tâm bồ thí cao thượng, là tạo nghiệp lành cho mình! Như thế đáng lý mình phải cảm ơn người nhận mới đúng, vì có họ mình mới có dịp phát tâm, xả bỏ được tham sân si là ba thứ phiền não đưa mình vô “luân hồi sanh tử”! Còn nhớ cư sĩ Bàn Long Uẩn, khi phát tâm tu thì ông coi thường của cải, đem đổ xuống sông hết! Tại sao vậy? Vì ông nghĩ tạo nên của cải là phải ăn gian, nói dối, lường gạt ..., sanh “tham sân si”. Vì của cải mà bị trói buộc, lúc nào cũng ôm khư khư, sống cũng lo sợ mất của, chết lo con cháu không giữ được của!

Đi sâu vô bồ thí mới thấy BỒ THÍ LÀ MỘT PHÁP TU VÔ CÙNG QUAN TRỌNG, GIÚP MÌNH BUÔNG XẢ CHẤP THÂN VÀ TÂM, để tiến tới an lạc, giải thoát! Theo hạnh bồ thí Ba la mật thì có Bồ Thí Không Bốn Tướng, tức không có người cho, không người nhận, không có vật cho và không có việc cho. Bồ tát đã nhập Tánh không các pháp đều rõ hạnh cao tột này! Kinh Kim Cang cũng dạy Pháp Bồ Thí Không Tứ Tướng tức từ cái tâm thể thanh tịnh

mà hành bố thí, nên không kẹt tướng, mà không kẹt tướng là vô sanh, là niết bàn rồi!

Chúng ta đã rõ bố thí trên vật chất, tài sản và bố thí tâm tham sân si, nay xin đề cập tới **BỐ THÍ PHÁP**.

II/ PHÁP THÍ – Đức Phật dạy “cái đói, cái nghèo chưa phải là khổ”, mà “vô minh” mới là khổ, nếu vô minh thì không biết lối tu để ra khỏi sanh tử luân hồi được. Cho nên Phật tử rất cần ‘PHÁP’ của Phật, Pháp là ngọn đèn, là Pháp bảo đưa chúng ta ra khỏi tăm tối, để tiến lên các cõi yên vui, thanh tịnh, vượt thoát sanh tử luân hồi. Vì lý do trên mà Thái tử Tất Đạt Đa đã phát tâm đi tìm con đường tu, bỏ cuộc đời sang cả trong hoàng cung, dẫn thân trong rừng Hy Mã Lạp Sơn để tìm ra con đường thoát khỏi sanh tử vậy. Đắc đạo sau 49 ngày đêm tại cội cây Bồ đề tại Bồ đề Đạo tràng, kể Ngài đi giáo hóa chúng sanh suốt 45 năm, độ vô số người, đạt an lạc, giải thoát!

Tóm lại **BỐ THÍ PHÁP** rất quan trọng, chư tăng ni cũng đã phải qua một chương trình tu học gian khổ mới có đủ khả năng chuyên môn và trau dồi giới đức, để mang ngọn đèn chánh pháp tới chúng sanh được.

PHẬT TỬ HỌC PHẬT PHÁP RA SAO?

Khi mới qua Úc vào năm 1985, tôi đã ghi tên học các khóa Phật pháp do chư Tôn Đức Tăng Ni hướng dẫn, vì tôi rõ nếu không học là tu mù! Phải nắm chắc các pháp tu, nếu không tôi sẽ đi lạc hướng! Có người nói rằng “Tới chùa, tôi cúng dường, lễ Phật, dự cầu an, cầu siêu, thọ trai và ra về là đủ rồi!” Tu như vậy là tu cho có lệ, giải đãi! Theo tôi, tu Phật chẳng phải là đơn thuần cúng lạy, mà cần học hỏi Chánh pháp, tập tu đức hạnh, cần nghe chư Tăng ni hướng dẫn, để có chỗ không hiểu thì chư Tăng ni từ bi giảng cho nghe, biết tu Thân, tu Khẩu, tu Ý để cải nghiệp, rồi từ từ tiến tới bỏ **CHẤP THÂN**, **CHẤP TÂM** và **CHẤP CẢNH**. Nếu không học bỏ chấp thì tham sân si còn nguyên, đau khổ còn nguyên, làm sao giải thoát được?

Sau khi rõ hành tướng của **TAM ĐỘC**, **THAM SÂN SI**, chúng ta còn phải được chư Tăng ni

dạy trừ cái gốc của Tam độc này, đó là ngu si nhận lầm thân vô thường giả dối là thân thật, rồi từ đó, đi tìm dục lạc, lo bảo vệ thân, sợ mất thân và tạo nghiệp ác vô kể! Cái ngu thứ hai là chấp các suy tư, vọng tưởng là tâm mình thật, nên sanh ra tranh cãi, công cao ngã mạn, chống đối với mọi người không theo ý mình. Đây là bệnh chấp ngã nặng - cần xả bỏ!

Muôn trừ **TAM ĐỘC THAM SÂN SI** phải nhắm vào gốc nó mà trừ, **GỐC TAM ĐỘC LÀ SI MÊ!** Phải tu bằng trí tuệ. Có hai phương pháp để diệt chúng:

- **QUÁN VÔ THƯỜNG**: Si mê chấp thân là thật và cuộc sống lâu dài, nên chi khởi lòng tham sống lâu, tham tích của cải, tham danh, v.v.... Phật dạy “Mạng người sống trong hơi thở”. Sự thật nếu một hơi thở ra mà không hít vô là chết! Con người cũng có thể chết vì tai nạn xe cộ, động đất, bão tố v.v.... Đã rõ thân này mong manh như thế thì tham lam làm gì?
- Do trí tuệ quán xét thân này **VÔ THƯỜNG**, mọi sự tham lam theo đó được dừng, lòng sân hận cũng nguội lạnh!
- Các suy tư nghĩ tưởng của tâm thức cũng thay đổi từng giây, từng phút, chúng cũng vô thường, tạm bợ, chấp nó là tâm mình là sai, là phi lý rồi.
- **QUÁN DUYÊN SINH**: Si mê chấp thân này là thật, ta hãy dùng trí tuệ, đứng về không gian xem xét có đúng không? Từ tinh cha huyết mẹ, cộng với thân thức hòa hợp thành bào thai; khi ra khỏi bụng mẹ phải nhờ tứ đại bên ngoài nuôi dưỡng! Thế là do hòa hợp mới có thân, cũng do hòa hợp được sinh trưởng, tức do mẹ cho bú sữa, rồi cháo, cơm và thức ăn cần thiết để nuôi con. Thân chúng ta đây cũng do tứ đại, là duyên hợp nên mới tồn tại, thiếu gió tức thiếu hơi thở là chết liền! Thân duyên hợp tứ đại, khi chết tứ đại tan rã và biến hoại đi, thân hình sinh thời chịu không thấu, phải chôn hoặc thiêu đi. Vậy là thân do duyên mà tạm có, nay tan rã thì si mê, ái nhiễm cũng biến hoại luôn.
- Đến cái suy tư, yêu ghét ... trong tâm đều do sáu căn tiếp xúc với sáu trần, thêm thân thức nữa, đó là duyên hợp giữa căn, trần, thức. Đã do “**DUYÊN SINH THÌ KHÔNG**

THỰC THỂ”, cái không thật thể mà cố chấp là thật, quả thực là si mê! Các tâm lý vui buồn theo duyên thay đổi vô thường, đều hư dối, vậy chúng ta đập tan được cái “NGÃ CHẤP VỀ TÂM”. Vọng tưởng chỉ là ảo ảnh không thật, mà mình chấp là thật, là của mình, thật quá ngu si! Do đó, chúng ta nên buông xả vọng tưởng giả dối. Vọng tưởng lặn, tâm sáng ra, thanh tịnh an lạc là TÂM GIÁC, TÂM PHẬT vậy. Khi tâm định, chỉ cần ở trên TÁNH mà quán, vọng tưởng tự tan, vì VỌNG KHÔNG THẬT, KHÔNG THỰC THỂ. Muốn tu học có căn bản, chúng ta cần tu theo 5 thừa như sau:

- Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát thừa. Học thừa nào phải rõ LÝ của thừa đó, rồi ứng dụng tu mới có kết quả.

LÝ CỦA NĂM THỪA NHƯ SAU:

- Giác ngộ lý Nhơn quả, Luân hồi để tu “Nhơn thừa và Thiên thừa”.
- Giác ngộ lý Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã để tu “Thanh văn thừa”.
- Giác ngộ lý Duyên sinh, Vô ngã để tu pháp “Thập nhị Nhân duyên”.
- Giác ngộ lý Duyên khởi, Tánh không để tu pháp “Lục độ” (Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ).

III/ VÔ ÚY THÍ: Đây cũng là một pháp mang bình an tới người đang có lo âu, sợ hãi quá nhiều! Đa số chúng ta hay lo, lo sợ bệnh, sợ chết, sợ mất việc, sợ thiên tai lũ lụt v.v... Đứng trước cảnh mà thấy có cái TA, cái của TA là luôn bất an! Tại sao? Vì mình bị trói buộc trong đó, lo cho cái TA cả ngày mà sinh bệnh, đau tim, mất ăn mất ngủ! Để hết lo sợ, chúng ta hãy dùng hai pháp quán “Vô thường” và “Duyên sinh” đã trình bày ở trên, cái sợ sẽ dần dần tiêu tan, thân tâm đều vô thường, duyên sinh, của cải cũng vô thường, duyên sinh, đây là cái GIÁC cần thiết, đó là CÁC PHÁP TÁNH KHÔNG đã được Phật dạy trong Tâm Kinh Bát Nhã và trong Kinh Kim Cang. Khi quán sâu các pháp, chúng ta sẽ hóa giải được THÂN NGŨ UẨN, và đương nhiên hóa giải được “THAM- SÂN- SI”, do vậy mà “BỒ THÍ THAM SÂN SI” dễ dàng, vậy là hết sợ hãi, đó là pháp “VÔ ÚY THÍ” vậy. Khi nào

các hành giả từ tướng năm uẩn vô Tánh năm uẩn thì mọi việc, mọi sự kiện đều được suôn sẻ. Tại sao vậy? Vì trên TÁNH KHÔNG mà tu và hành thì cái “NĂNG LƯỢNG PHẬT”, tức cái “DỤNG của CHƠN TÂM” sẽ có mặt 24/24 giờ, cho nên phiền não, khó khăn, nguy hiểm ... đều được hóa giải, nên chi BỒ THÍ lúc này là BỒ THÍ BA LA MẬT.

Tới chỗ này, chúng ta nên lưu ý, vậy Phật, Bồ tát, chư Tăng ni ngồi trên bồ đoàn có bồ thí không? Các ngài chỉ tọa thiền, mắt lim dim, đầu có ra ngoài, các ngài có bồ thí không? Xin thưa, các ngài bồ thí bằng giữ Tâm Thanh Tịnh, tức có bao nhiêu tâm “Tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ ..”, các ngài bồ thí hết! Trong khi đó, chúng ta có tiền của, vật chất nhiều ... mang ra bồ thí, bồ thí vậy cũng tốt, nhưng vẫn là phàm phu vì bồ thí hạn chế! Còn các ngài BỒ THÍ CAO CẤP, tức BỒ THÍ BA LA MẬT, vì Phật, Bồ tát, chư Tôn đức Tăng ni đã cống hiến cả cuộc đời cho chúng sanh, đó là BỒ THÍ TRỌN VẸN NHẤT, mà chúng ta cần noi gương vậy!

(Khiêm Từ viết trong mùa Phật Đản để tri ân chư Tôn đức Tăng ni đã hướng dẫn đệ tử tu học, sáng tâm, tỏ tánh, Khiêm Từ nguyện đền bốn ơn ba cõi và cầu cho Phật pháp trường tồn, chúng sanh mọi nơi tu theo chánh pháp để đạt an lạc giải thoát.)



Mật Tông: Thần chú hay Mật chú

Mật chú của chư Phật có công năng rất lớn diệt trừ được các khổ nạn. Chúng tôi tóm tắt sơ lược về thần chú Thủ Lăng Nghiêm và nguyên do vì đâu mà có thần chú này.

Nguyên ngài A NAN đệ tử của Phật bị tín nữ ngoại đạo Ma đăng già dùng tà thuật dụ dỗ Ngài vào con đường tình ái. A NAN cầu cứu đức Phật. Đức Phật biết được nên Ngài dùng thần chú Lăng Nghiêm bảo Ngài Văn Thù đem thần chú ấy đến chỗ nàng Ma đăng già để phá trừ tà chú cứu A NAN.

Vì trong giới luật các Tăng Ni phải đoạn Dâm nên các chùa thường tụng chú Thủ Lăng Nghiêm.

Thần chú này rất dài song trong trường hợp khẩn cấp cũng có thể dùng đoạn chót.

Trong Sách “Niệm Phật cách nào chắc được vãng sanh” của cư sĩ Tịnh Hải biên soạn ở trang 378 có viết: Theo Thiền sư Mãn Thị thì có thể dùng câu thứ 419 trong Thủ Lăng Nghiêm từ: Đát diệt tha có nghĩa liền nói chú rằng và đọc:

ÁN – A NA LỆ - TỶ XÁ ĐỀ - BỆ RA BẠT
XÀ RA ĐÀ RỊ - BÀN ĐÀ BÀN ĐÀ NỂ -
BẠT XÀ RA BÀN NI PHẢN - HỒ HỒNG

ĐÔ LÔ UNG PHẢN TA BÀ HA.

Đây là lúc lâm chung hoặc bị tai nạn bất ngờ.

Thần chú thứ hai là thần chú Đại Bi do Quán Thế Âm Bồ Tát nói rõ trong Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni Xuất Tượng

Thần chú thứ ba là thần chú ÁN MA NI BÁT NỈ HỒNG hay OM MANI PADME HUM của Phật Giáo Tây Tạng thường gọi “Lục tự đại minh chơn ngôn” (6 chữ) có công năng rất lớn. Ngoài ra còn có thần chú Dược Sư, Chuẩn Đề v.v... Hiệu lực công năng của thần chú là do người đọc tụng.

Nếu Phật và các vị Bồ Tát đọc thì công năng vô lượng không thể nghĩ bàn.

Nếu người thường như chúng ta thì công năng rất ít. Nếu các cư sĩ tại gia muốn trì tụng thần chú thì phải tuân thủ ngũ giới đặc biệt là giới thứ nhất nên phải ăn chay trường suốt đời. Lúc trì tụng phải thân khẩu ý thanh tịnh và thành tâm tin tưởng hoàn toàn hiệu lực của chơn ngôn thì sẽ có phép lạ.

Hành giả đã có thử qua và thấy rất linh nghiệm.

Thiện Tuệ

GIA CHÁNH

Cháo Ngũ Sắc

Tâm Hòa soạn



1. Vật liệu:

- 300g bột báng.
- 1 củ khoai môn, 5 trái bắp.
- 2 củ cà rốt, 2 trái su su, 1 cây boa rô.
- 3 miếng đậu hũ trắng.
- Muối, tiêu, đường, bột ngọt, dầu ăn, nước tương.

2. Cách làm:

- Bột báng ngâm nước cho nở.
- Bắp bóc vỏ, tách lấy hạt.
- Su su, cà rốt, khoai môn gọt rửa sạch, xắt hạt lựu để riêng từng thứ.
- Đậu hũ xắt hạt lựu chiên vàng.
- Boa rô băm nhỏ phần cọng để phi dầu, phần xanh xắt nhỏ chung với ngò.

- Bắc chảo lên bếp, đổ 5 muỗng súp dầu ăn vào phi thơm cọng boa rô trắng, cho lần lượt cà rốt, khoai môn, bắp, su su, đậu hũ vào xào cho mềm, nêm nước tương, muối, đường, tiêu, cho vào 2 chén nước lạnh, để nhỏ lửa cho đồ xào thắm.
- Đổ bột báng, 2 lít nước vào nồi, đặt lên bếp nấu chín, trút chảo đồ xào vào nồi, nêm bột ngọt vừa ăn, nếu đặc cho thêm nước.
- Múc cháo ra tô, thả boa rô và ngò lên, rắc tiêu, dùng nóng./.

DANH SÁCH ỦNG HỘ ĐẠI TÒNG LÂM PHẬT GIÁO

Hộ trì Tam Bảo: SC Phước Tâm (tháng 9/14) (100), Lê (từ tháng 7 đến 12) (30), Diệu An (12 tháng 2014) (60), Phước Hương (tháng 9, 10/2014) (200), Anh chị An 6 tháng (7-12/14) (60), Trí Trung Nga (8/14) (100); SC Phước Tâm (9/14) (100), Nhật Thanh & Nhật Quả (7-12/14) (60), Phổ Điền (7-12/14) (180), Diệu Yên & Giác Tâm (7-12/14) (60), Chúc Nguyễn (7-12/14) (30), Trí, Trung, Nga (tháng 9/14) (100), SC Phước Tâm (10/14) 100, SC Phước Hương (tháng 11, 12/14) 200, Trí Trung Nga (tháng 10/14) 100, Trí Trung Nga (tháng 11,12/2014) 200, Tịnh Thủy (2015) 120, Tịnh Duyên (2015) 120, NguyễnThị Hường pd HuệTrí & Nguyễn Tấn Phát pd Thiện Đức 120 (2015), Logan Trần pd Huệ Lý (2015) 60, Trần Thanh Liêm pd Trí Chánh 60 (2015), Trương Đình Hoạt (2015) 60, Phạm Đình Phùng (2015) 60, Nguyễn Thị Loan (2015) 60, Nguyễn Thị Thủy pd Huệ Chiêu (2015) 60, Hoàng Ngọc San pd Viên Đạo (2015) 60, Trương Thị Bắc pd Diệu Hạnh (2015) 60, Trí Trung Nga (1/2015) 100, SC Thích Phước Nghiêm (2015) 120, SC Thích Phước Thanh (2015) 240, Sư Cô Phước Tâm (tháng 12/14, 1, 2/2015) Sư Cô Phước Tâm (tháng 3/2015) (100), Trí Trung Nga (tháng 2/2015) (100), Sư Cô Phước Hải (năm 2015) (360), Sư Cô Phước Trường (năm 2015) (120), Sư Cô Phước Hương (tháng 1,2,3,4/2015) (400), Trí Trung Nga (tháng 3/2015) (100), Emmy Phùng (năm 2015) 200, Thang Lê Trân (năm 2015) 60, Tạ Xuân Mai (năm 2015) 60, Nhật Thành & Nhật Quả (năm 2015) 120, Nguyễn Phước Thọ (năm 2015) (60), Viên Hương (năm 2015) (60), Viên Thủy (năm 2015) (60), Jimmy Nguyễn (năm 2015) (60), Allenna (năm 2015) 60, Ethan Nguyễn (năm 2015) 60, Nguyễn Ngọc Lâu (năm 2015) 60, Trịnh Ngọc Thiều (năm 2015) 60, Viên Hào (năm 2015) 60, Cường & Văn & Đức (năm 2015) 180, Dung & Vân & Linh (năm 2015) 180, Tâm Hương (năm 2015) 60, Diệu Quý Bành Thị Lú (năm 2015) 60, Lữ Ngọc Quỳnh pd Diệu Âm (năm 2015) 60, Phạm Thu Sương (năm 2015) 60, Chị Lệ (năm 2015) 60, Chúc Thêm (năm 2015) 60, Ông Phuôi (năm 2015) 60, Hồng & Bi (năm 2015) 120, Viên Toàn (năm 2015) 60, Minh Châu & Thái Minh (năm 2015) 120, Thái Phần & Ngọc Tuyết (năm 2015) 120, Ngọc Trang (năm 2015) 60, Diệu Ứng (năm 2015) 60, Gđ Diệu Thiện (năm 2015) 60, Diệu Huệ (Thanh) (năm 2015) 120, Trịnh Tinh An (năm 2015) 60, Trương Chí Võ (năm 2015) 60, Gđ Phổ Điền (từ tháng 1 đến 6/2015) 180, Gđ Diệu Nguyệt (năm 2015) 120, Trí & Trung & Nga 100,

Cúng dường: Ân danh (37.40), ản danh (188.10), ản danh (181.95), ản danh (231.85), ản danh (154.95), ản danh (134), ản danh (273.75), ản danh (554.75), ản danh (465.39), ản danh (191.30), ản danh (124), ản danh (504.30), ản danh (1652.18), ản danh (576.25), ản danh (545.95), ản danh (621.88), ản danh (220.25), ản danh (441.25), ản danh (1089.04), ản danh (892.81), Kim Nga Nguyễn (100), Nha sĩ Thảo Nguyễn (100), Đỗ thị Dậu pd Ngọc Pháp (30), gđ Diệu Lạc+ Thiện Hỷ (200), Donation Vu Lan (143.05), Donation Vu Lan (76), Tâm Lộc bán thức ăn Vu Lan (1,061), Daryl Wei & Davis Wei (100), Minh Ân & Diệu Di (NZD 200), Nha sĩ Thảo (100), Kim Nga Nguyễn (100), Minh Tâm (50), Huỳnh Ái Cúc (20), Gđ h/l Đỗ Xuân Vinh (350), Gđ h/l Lê Thị Chót (500), Trần Thị Phước (150), Minh Tâm (30), Minh Tâm (50), Beacon Pharmacy Port Melb. (300), Dur Quang & Viên Giác (100), Gđ h/l Ngô Văn Bộ (Tâm Ngộ) (250), Gđ h/l Trần Hoàn Vũ (600), Nguyễn Thị Thanh Hồng pd Hạnh Quang (300), Nha sĩ Thảo Nguyễn (100), Kim Nga Nguyễn (100), ản danh (531.10), ản danh (986.93), ản danh (661.50), ản danh (465), ản danh (424.81), ản danh (436.65), Minh Tâm (50), Minh Tâm (50), Kennett Vann (200), Gđ h/l Trần Thanh Liêm (300), Bác Dậu pd Ngọc Pháp (20), Gđ h/l Tạ Lan Phương (700), quý Phật tử tham quan tu viện Santi Forest and Sunnatara (850), Gđ h/l Lưu Hùng Vân (500), Gđ Anh Toàn (300), Tâm Tiên (Chùa Quang Minh) 100, Diệu Đức (500), Nha sĩ Thảo Nguyễn 100, Kim Nga Nguyễn 100, Nguyễn Ngọc Tài 100, Gđ H/l Makx Kan 100, Gđ H/l Phạm Thị Út 400, Shop Minh Tâm 50, Trần Thị Khánh c/s h/l Thiện Hỷ 1,000, Ken Van 200, Alah Van 100, Minh Ân & Diệu Di NZ\$200, Nguyễn Thường (1,000), Kim Nga Nguyễn (100), Nha sĩ Thảo Nguyễn (100), Thầy Phước Nguyễn (200), Tâm Tiên (Chùa Quang Minh) 100, Sư Cô Phước Lạc 100, Beacon Pharmacy 300, Gđ h/l Huỳnh Mỹ Ngọc 250, Gđ Cô Nguyễn Thường 800, Minh Tâm (100), Thùng phước sương ĐTL (500), tiền bán nước mơ SC P.Hương đưa (3,025), Thầy Phước Độ & Sư Cô Phước Lượng (USA) (USA\$100), Trần Thị Đào pd Diệu Khiêm (50), Bảo Ngọc h/h h/l Ngô Thị Chanh (300), Gđ h/l Nguyễn Thị Thảo (200),

DANH SÁCH CÚNG BÔNG TRỌN NĂM 2015

Sư Cô Phước Nghiêm	120
Sư Cô Phước Thanh	120
Diệu Quả	120
Tâm Hiệp & Diệu Hạnh	120
Ngọc Lâu&Ngọc Thiện&Viên Hảo	180
Phước Thọ&Viên Hương&Viên Thủy	180
Jimmy&Allenna&Ethan	180
Gđ Diệu Lạc	120
Pháp Âm	120
Victorian Trần & Reagen Trần	120
Tâm Huệ & Minh Trí	120
Diệu Hạnh & Dung Hoàng	120
Lan Trần & Laura Trần	120
Nguyễn Thị Loan	120
Nguyễn Thị Thúy pd Huệ Chiếu	120
Viên Ngô & Út Nhận	120
Lâm Kim Phụng (Michelle)	120
Đại Ngọc Audray pd Viên Quý	120
Huy Phước Brian pd Tâm Đức	120
Elizabeth Lam	120
Gđ Nguyễn Tuân Hải	120
Nhật Thành & Nhật Quả	120
Cường & Văn & Đức	180
Dung & Vân & Linh	180
Tâm Hương	60
Bành Thị Lúí pd Diệu Quý	60
Tâm Hoa & Đức Minh	120
Thiện Tâm	120
Vi Thị Nương pd Tâm Thật	50
Nguyễn Hồng Vân pd Diệu Hồng	60
Khưu Thị Kim Hồng	60
Phạm Thị Mỹ Chi	60
Tâm An	60
Phạm Thu Sương	60
Phổ Điền	120
Chân Phúc Đạo (Ngọc Phượng)	40
Gđ Ngành & Hà	120
Minh Châu & Thái Minh	120
Ai Vy	20
Lauwrence & Katrina Chung	60
Quán Thị Xuân	135
Lưu Thị Toan pd Diệu Hảo	225
Hào & Quân & An	225
Tịnh Duyên	120
Tịnh Thủy	120
Lưu Sĩ Quan	30
Hạnh Thắng	30
Kristy & Cindy	60
Ngọc Trang	120
Lâm Kim Hoa pd Diệu Ứng	120
Ong Phuôi	60
Lưu Thoại Nga	60

Thang Lê Trân	60
Phạm Minh Nguyệt	60
Diệu Hòa (Phi)	120
Diệu Thiện (2)	120
Tâm & Bảo & Cường	60
Ngọc Hồng	120
Tâm Hảo	100
Viên Toàn	60
Gđ Tú & Hạnh	60
Diệu Huy	120
Tâm Lộc	120
Gđ Diệu Thiện	60
Diệu Yên & Giác Tâm	60
Gđ Diệu Bạch Liên	120
Huyền Phong & Huyền Như	120
Tâm Ngộ	120
Tâm Thanh (Mợ Bảy)	120
Ngọc Tính	120
Công Thiện & Thái Phân	120
On Khanh & Ngọc Tuyết	120
Đỗ Thị Được & Thái Tùng	120
Chúc Thêm (Cô An)	60
Lâm Thanh Nhân	60
Dương Thúy Hoa	60
Cindy Nguyễn	60
Diệu Trang	60

(tiếp theo trang 61)

**DANH SÁCH ỦNG HỘ ĐẠI TÒNG LÂM
PHẬT GIÁO**

Nguyễn Ngọc Bàn (400), Nghi Bích Thủy h/h h/l Kim Kyong Won) (400), Kim Nga Nguyễn pd Diệu Huệ (100), Nha sĩ Nguyễn Thảo (100), Quách Là Sơn pd Minh Kiên cúng bông (60), Ban tổ chức hành hương (1,200), Phạm Ngọc Yên cúng đường xây cầu (35), Minh Ân & Diệu Di (NZ\$100), thùng phước sường ĐTL Phật Đản (2,625), Gđ h/l Nguyễn Thị Thảo (350), Bán thanh long ĐTL (506), ân danh (100), Sư Cô Phước Lạc (200), Minh Tâm (50), Chị Lành (100), Gđ h/l Ngô Thị Mỹ Anh pd An Nhiên (200), Gđ h/l Hà Huỳnh Thắng (450), Nha sĩ Thảo Nguyễn pd Diệu Thuận (100), Kim Nga Nguyễn pd Diệu Huệ (100), Gđ h/l Lý Thanh Hoa (1,200), Minh Tâm 50, Gđ h/l Ngô Thị Mỹ Anh 1,000, Quách Lệ Nga cúng đường bông năm 2015 (60).



Cúng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Phật Đản này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tận tình tài cho việc phát hành số báo này.

Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tông lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.



Thầy Phước Nghĩa	40	Minh Chiếu 50		Tâm Mãn	10
Thầy Phước Viên	50	Phạm Ngọc Yến	15	Diệu Kính	10
Sư cô Phước Lạc	20	Bác Thăng Tử Kim Quang	30	Diệu Trang	10
Sư cô Phước Trường	50	Trịnh Thị Lành pd Diệu Thiện	30	Tùng Ngọc	10
Sư cô Phước Hương	50	Quảng Thành (cheque)	100	Thiện Tâm	20
Sư cô Phước Bình	50	Son & Thu	50	Diệu Minh	10
Sư cô Phước Thọ	50	Diệu Phúc	20	Chơn Huyền Hiền	10
Sư cô Phước Tâm	50	Diệu Hoa	10	Diệu Đức	50
Sa di ni Diệu Trang	30	Tâm Hiệp	10	Diệu Ngọc	10
Sư cô Phước Chiếu	50	Pháp Âm	10	Diệu Lai	10
Sư cô Phước Lễ	40	Ngọc Trang	10	Quảng Thanh	10
Sư cô Phước Thanh	20	Đức Ngọc	10	Minh Châu & Thái Minh	200
Sư cô Phước An	30	Hóa Ngọc	10	Minh Trí & Diệu Huệ	100 US
Sư cô Phước Hải	40	Diệu Hồng	10	Tâm Minh (Noumea)	100
Sư cô Phước Lạc	60	Diệu Tánh	10	Diệu Huệ (Noumea)	100
H/H cầu siêu HI Như Hương		Tâm An	20	Minh Quang & Diệu Huệ	50
Nguyễn Cửu Khán	50	Diệu Tánh	10		
Nguyễn Thị Huệ Lê (Melb.)	30	Viên Quang	10		

Danh sách quý Phật tử hỷ cúng nhân lễ Phật Đản

Cúng hoa	Tâm Hiệp	20	Viện Toàn	10	Chúc Ứng	20	
Huỳnh Hằng Phương	50	Tịnh Duyên	20	Diệu Hạnh (2)	10	Hoàng Quý	20
Vương Kim Thủy	20	Tâm Hương	10	Hạnh Thắng	10	Tâm Nhân	100
Võ Phú Thanh	50	Ong Phuồi	10	Thúy Ái	10	Viên Ngộ	20
Trần Tuyết Hồng	50	Tịnh Thủy	20	Gđ Lương Hiền Tài	50	Huệ Trí	20
Tâm Nhân	200	Ethan Nguyễn	20	Phổ Điền	20	Diệu Tánh	20
Tâm Bửu	200	Phạm Quỳnh Anh	20	Đức Chí	50	Diệu Hồng	20
Tammy & Kajang Trần	50	Huỳnh Lê Matthew	20	Chơn Huyền Hiền	100	Tùng Ngọc	20
Chơn Huyền Chiêu, Ngô		Phạm Thị Mỹ Chi	20			Nguyễn Chơn	20
Ánh Tuyết, Ngô Thanh Hải,		La Thoại Nga	10	Cúng hộp take away		Tâm Thạnh	20
Ngô Bảo Phúc	50	Ngọc Trang	10	G. đình Minh Quang &		Tịnh Thủy	20
Diệu Hạnh (T.T.Bắc)	30	Lâm Thanh Nhân	20	Diệu Nguyệt	100	Tâm Mãn	10
Tử Kim Quang	50	Dương Thúy Hòa	20	Nhật Thành & Nhật Quả	300	Ngọc Hồng	20
Nhật Thành & Nhật Quả	30	Diệu Tánh	10			Diệu An	50
Gđ Diệu Thiện (đạo hữu		Diệu Thiện (2)	10	Gđình Diệu Lạc	450	Diệu Ngọc	10
Mo & Lành)	50	Tâm An	10	M. Châu & Thái Minh	450	Diệu Bạch	20
Tâm Hoa	20	Ngọc Hồng	20			Chúc Nhuận	20
Gđ Diệu Lạc	50	Diệu Trang	20	Chi phí thức ăn			
Gđ Nguyễn Tuấn Hải	20	Thang Lệ Trần	30	Ngọc Trang	50		

Danh sách các cơ sở thương mại ủng hộ quảng cáo cho báo Phật Đản số 60

- Nhà thuốc tây Mai
- Fairfield Funerals of Distinction
- Tiệm vàng Mỹ Tín
- Gạo thơm Hoàng Gia
- Tran's Aquarium
- Nha sĩ Phương Thảo
- Tiệm vàng Hưng Thành
- Thực phẩm Á Châu Tường Phát
- All-Villa Print
- Huyện Motor Repair
- Quán cơm chay An Lạc Vegan
- Tiệm vàng Kim Thâu
- Công ty kế toán Bùi Thanh Lân